

HƯỚNG ĐẾN **KHÁCH HÀNG**
CHẮP CÁNH TƯƠNG LAI

NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

🏠 | Tầng 8 - Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn
và 45A Lý Tự Trọng, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

☎ | (84-8) 3821 0056

 | (84-8) 3821 6913

 | Swift: EBVIVNVX

 www.eximbank.com.vn

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2016**

04 THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**06 PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC****07 THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG**

- 08 Thông tin chung.
- 09 Quá trình hình thành và phát triển.
- 14 Những sự kiện nổi bật trong năm 2016.
- 15 Các giải thưởng đạt được trong năm 2016.
- 16 Mô hình tổ chức.
- 17 Cơ cấu bộ máy quản lý.
- 18 Định hướng phát triển.
- 19 Các rủi ro.

21 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

- 22 Tình hình hoạt động trong năm 2016.
- 23 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản.
- 24 Giới thiệu Ban Điều hành.
- 30 Nhân sự và chính sách nhân sự.
- 38 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.
- 39 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.
- 40 Tình hình đầu tư vào Công ty Quản lý nợ và Khai thác Tài sản (Eximbank AMC).
- 41 Số lượng cổ phần và cơ cấu cổ đông của Eximbank.

43 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 44 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.
- 60 Tình hình tài chính.
- 61 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
- 68 Kế hoạch kinh doanh năm 2017.
- 70 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

71 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

- 72 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng.
- 74 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành.
- 75 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.

77 QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

- 78 Giới thiệu Hội đồng Quản trị.
- 81 Hoạt động của Hội đồng Quản trị.
- 82 Hoạt động của các Hội đồng/Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị.
- 84 Giới thiệu Ban Kiểm soát.
- 86 Hoạt động của Ban Kiểm soát.
- 88 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành.

90 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 91 Thông tin về Ngân hàng.
- 92 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
- 93 Báo cáo kiểm toán độc lập.
- 94 Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- 97 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- 98 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.
- 100 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

167 BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**168 MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG**



T rước hết, tôi xin thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên Eximbank gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý vị cổ đông, Quý khách hàng cùng Quý đối tác đã luôn tin nhiệm, đồng hành, ủng hộ và chia sẻ với Eximbank trong thời gian qua.

Nhìn lại năm 2016, trong bối cảnh khó khăn của Ngân hàng Eximbank và nhiều thông tin bất lợi trên thị trường, hoạt động kinh doanh của Eximbank ổn định và đạt nhiều kết quả khả quan. Bên cạnh việc xử lý tổn động về tài chính và xử lý rủi ro, Ngân hàng đã có những chuyển biến tốt, các chỉ tiêu chính đều tăng trưởng so với năm trước; sau khi xử lý tổn động tài chính và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, lợi nhuận trước thuế đạt 390,6 tỷ đồng. Các chỉ tiêu an toàn hoạt động đều tuân thủ theo quy định.

Về quản trị, đồng thời với việc xử lý nhiều vấn đề phức tạp và thách thức trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ mới, HĐQT đã thực thi đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật và của Điều lệ Eximbank. HĐQT đã luôn theo sát tình hình, kịp thời chỉ đạo và định hướng các mặt hoạt động của Ngân hàng. HĐQT đã tổ chức Đại Hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) và dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 nhưng chưa thực hiện được.

Trong năm 2016, dự án “Eximbank Mới” được chính thức khởi động và truyền thông trên toàn hệ thống. HĐQT đã thông qua định hướng tái cấu trúc Ngân hàng với tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của “Eximbank Mới”, phấn đấu đưa Eximbank trở thành ngân hàng thương mại chất lượng hàng đầu tại Việt Nam dẫn dắt bởi tính chuyên nghiệp và liêm chính. HĐQT cũng đã ban hành Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử nhằm chuẩn hóa nguyên tắc ứng xử và hành động của các cấp trong hệ thống.

SANG NĂM 2017, BÊN CẠNH VIỆC TIẾP TỤC GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TỔN ĐỘNG VỀ TÀI CHÍNH VÀ XỬ LÝ RỦI RO, HĐQT SẼ TẬP TRUNG MỌI ƯU TIÊN ĐỂ KIẾN TOÀN BỘ MÁY QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH, HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÁC KHỐI, PHÒNG BAN TẠI HỘI SỞ VÀ ĐƠN VỊ KINH DOANH ĐỂ TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG, THIẾT LẬP TRỤ CỘT ĐẶC BIỆT ĐỂ TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN THỂ MẠNH CỦA EXIMBANK LÀ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI VÀ THANH TOÁN.

HĐQT cũng đang chỉ đạo đánh giá hiệu suất làm việc của nhân viên, xây dựng chế độ đãi ngộ để thu hút và phát triển nhân sự tốt, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi hệ thống Corebanking để hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Chúng tôi tin rằng với định hướng đúng đắn cùng nỗ lực của toàn thể nhân viên Eximbank và những giá trị cốt lõi đã xác định sẽ là nền tảng cho Eximbank thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2017 cũng như hoàn thành sứ mệnh và hiện thực hóa tầm nhìn của mình trong một tương lai không xa.

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch

LÊ MINH QUỐC



Năm 2016 được nhìn nhận là năm hết sức khó khăn đối với EXIMBANK xuất phát từ những nguyên nhân bên ngoài và cả những vấn đề tồn đọng nội tại của bản thân ngân hàng. Tuy nhiên, với những nỗ lực của Ban Lãnh đạo và toàn thể nhân viên trong toàn hệ thống, hoạt động của ngân hàng đã từng bước đi dần vào ổn định. Tình trạng suy giảm liên tục trong những năm qua đã chấm dứt và hoạt động đã bắt đầu khởi sắc trở lại trên hầu hết các lĩnh vực nghiệp vụ trọng yếu.

Những kết quả kinh doanh đặc biệt là các mục tiêu tăng trưởng và lợi nhuận kinh doanh mà Eximbank đạt được trong năm 2016 còn rất khiêm tốn so với mặt bằng chung của thị trường, song hoạt động của ngân hàng đã thể hiện rõ xu thế minh bạch cả trong việc điều chỉnh mục tiêu chiến lược, giải pháp quản trị điều hành và hoàn thiện các quy định, quy trình nội bộ. Nhìn một cách tổng thể, năm qua Eximbank đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất và đang từng bước tạo lập những cơ sở vững

chắc cho mục tiêu phát triển ổn định trong những năm tiếp theo.

Bước sang năm 2017, Eximbank tiếp tục điều chỉnh định hướng hoạt động tập trung vào các mục tiêu chủ yếu là đẩy nhanh xử lý các tồn đọng, phát triển các phân khúc khách hàng, các lĩnh vực nghiệp vụ mà ngân hàng có thế mạnh, tiếp tục hoàn thiện các quy định, quy trình quản trị nội bộ. Trên cơ sở đó nâng cao hiệu quả hoạt động, từng bước mở rộng thị phần, nâng cao năng lực tài chính tạo tiền đề cho việc khôi phục lại quy mô và vị thế của ngân hàng hướng tới các mục tiêu phát triển ổn định trong dài hạn. Năm 2017 Eximbank đưa ra các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu là Tổng tài sản tăng 16%; Huy động vốn từ thị trường tăng 17%; Dư nợ cấp tín dụng tăng 14%; Lợi nhuận trước thuế dự kiến tăng 60%.

Để hiện thực hóa các mục tiêu trên, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đang tập trung triển khai dự án tái cơ cấu ngân hàng một cách toàn diện cho giai đoạn phát triển 2016-

2020 hướng tới mục tiêu phấn đấu đưa Eximbank trở thành một trong những Ngân hàng Thương mại hàng đầu được dẫn dắt bởi tính chuyên nghiệp và liêm chính.

Thay mặt Ban Điều hành và toàn thể nhân viên Eximbank, tôi xin bày tỏ sự trân trọng và lời cảm ơn chân thành đến quý vị cổ đông, các cơ quan quản lý, ngân hàng nhà nước và đặc biệt là quý vị khách hàng đã tin tưởng, đồng hành và hỗ trợ tích cực cho hoạt động của Eximbank trong những năm qua. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự chia sẻ và hỗ trợ tích cực hơn nữa cho thời gian tới.

TM. Ban Điều hành
Tổng Giám đốc

LÊ VĂN QUYẾT

TIẾP
TỤC TÁI CẤU
TRÚC NGÂN HÀNG VỚI
TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ GIÁ
TRỊ CỐT LÕI CỦA “EXIMBANK
MỚI”, PHẤN ĐẤU ĐƯA EXIMBANK
TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG THƯƠNG
MẠI CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU TẠI
VIỆT NAM DẪN DẮT BỞI TÍNH
CHUYÊN NGHIỆP VÀ
LIÊM CHÍNH.

THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG

- 08 Thông tin chung.
- 09 Quá trình hình thành và phát triển.
- 14 Những sự kiện nổi bật trong năm 2016.
- 15 Các giải thưởng đạt được trong năm 2016.
- 16 Mô hình tổ chức.
- 17 Cơ cấu bộ máy quản lý.
- 18 Định hướng phát triển.
- 19 Các rủi ro.

Tên đăng ký tiếng Việt	: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam
Tên đăng ký tiếng Anh	: Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (Vietnam Eximbank)
Chủ tịch Hội đồng Quản trị	: Ông Lê Minh Quốc
Tổng Giám đốc	: Ông Lê Văn Quyết
Địa chỉ đăng ký của Hội sở	: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11 + 16, Tòa nhà Vincom Center Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa chỉ văn phòng	: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11 + 16, Tòa nhà Vincom Center Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: (84-8) 3821 0056
Fax	: (84-8) 3821 6913
Website	: www.eximbank.com.vn
Cơ quan quản lý	: Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam
Đơn vị kiểm toán	: Công ty TNHH KPMG Việt Nam
Địa chỉ	: Tầng 10, tòa nhà Sunwah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày đăng ký đầu tiên	: 23/07/1992
Ngày đăng ký thay đổi lần thứ 25	: 17/08/2015
Cơ quan đăng ký ban đầu	: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh
Giấy phép hoạt động kinh doanh	: 11/NH-GP ngày 06/04/1992
Số chứng nhận đăng ký thuế	: 0301179079
Thông tin cổ phiếu	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Tên cổ phiếu	: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)
Mã cổ phiếu	: EIB



THÀNH LẬP

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên được thành lập tại Việt Nam vào ngày 24/05/1989 theo Quyết định số 140/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam.

Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam chính thức đi vào hoạt động từ ngày 17/01/1990 và nhận được Giấy phép hoạt động số 11/NH-GP ký ngày 06/04/1992 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép Ngân hàng hoạt động trong 50 năm với số vốn điều lệ đăng ký là 50 tỷ đồng (tương đương 12,5 triệu đô la Mỹ tại thời điểm thành lập ngân hàng) và có tên mới là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam (được gọi tắt là "Eximbank").

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA EXIMBANK BAO GỒM CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU:

- Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi;
- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư;
- Nhận vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
- Cho vay ngắn, trung và dài hạn;
- Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá;
- Kinh doanh ngoại hối;
- Thanh toán quốc tế;
- Đầu tư vào chứng khoán và các giấy tờ có giá;
- Dịch vụ thanh toán và phát hành thẻ nội địa, thẻ quốc tế Visa, MasterCard, JCB;
- Dịch vụ ngân quỹ;
- Dịch vụ tài chính trọn gói dành cho du học sinh;
- Dịch vụ tư vấn tài chính;
- Mua trái phiếu doanh nghiệp;
- Kinh doanh mua bán vàng miếng;
- Dịch vụ bảo quản tài sản;
- Các dịch vụ ngân hàng khác,...



Địa bàn hoạt động

Eximbank có trụ sở chính đặt tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam. Mạng lưới hoạt động của Eximbank đến cuối năm 2016 có 208 điểm giao dịch tại các tỉnh, thành phố trên cả nước, bao gồm: 44 Chi nhánh, 163 Phòng giao dịch và 1 Quỹ tiết kiệm.

HIỆN MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH CỦA EXIMBANK CÓ MẶT TẠI 22 TỈNH THÀNH TRÊN TOÀN QUỐC, BAO GỒM: HÀ NỘI, HẢI PHÒNG, NGHỆ AN, QUẢNG NINH, QUẢNG NGÃI, QUẢNG NAM, ĐÀ NẴNG, HUẾ, NHA TRANG, LÂM ĐỒNG, ĐẮC LẮK, BÌNH PHƯỚC, BÌNH DƯƠNG, ĐỒNG NAI, BÀ RỊA - VŨNG TÀU, TP. HỒ CHÍ MINH, LONG AN, AN GIANG, TIỀN GIANG, CẦN THƠ, BẠC LIÊU VÀ KIÊN GIANG.

Niêm yết

Eximbank được Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh chấp thuận cho niêm yết kể từ ngày 20/10/2009 theo Quyết định số 128/QĐ-SGDHCM

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 1.235.522.904 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết	: 12.355.229.040.000 đồng (theo mệnh giá)

208
ĐIỂM
GIAO DỊCH TRÊN CẢ NƯỚC

22
MẠNG LƯỚI TẠI
TỈNH THÀNH TRÊN TOÀN QUỐC

12.355.229.040.000 đồng
TỔNG GIÁ TRỊ NIÊM YẾT (THEO MỆNH GIÁ)

1.235.522.904
TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT QUA CÁC NĂM HOẠT ĐỘNG

Được Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài Chính tín nhiệm giao thực hiện một phần chương trình tài trợ không hoàn lại của Thụy Điển dành cho các doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ Thụy Điển.

**1991
1992**

1993

Tham gia hệ thống thanh toán điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1995

Tham gia tổ chức Swift (Tổ Chức Viễn Thông Tài Chính Liên Ngân Hàng Toàn Cầu).

Được chọn là 1 trong 6 ngân hàng Việt Nam tham gia Dự án hiện đại hóa ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức với sự tài trợ của Ngân hàng thế giới – World Bank.

1997

Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế Mastercard.

1998

Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế Visa.

2003

Triển khai hệ thống thanh toán trực tuyến nội hàng toàn hệ thống.

2005

Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thẻ ghi nợ quốc tế Visa Debit.

2007

Ký kết hợp tác chiến lược với 17 đối tác trong nước và các đối tác đầu tư nước ngoài, đặc biệt là ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) của Nhật Bản.

2008

Eximbank tăng vốn điều lệ lên 7.220 tỷ đồng.

2009

Eximbank tăng vốn điều lệ lên 8.800 tỷ đồng, chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM.

2010

Eximbank tăng vốn điều lệ lên 10.560 tỷ đồng.

2011

Eximbank tăng vốn điều lệ lên 12.355 tỷ đồng;

EXIMBANK ĐƯỢC TẠP CHÍ THE BANKER CHỌN VÀO TOP 1.000 NGÂN HÀNG HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI VÀ TOP 25 NGÂN HÀNG CÓ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TÀI SẢN NHANH NHẤT 2010.

2012

Được tạp chí AsiaMoney trao giải thưởng “Ngân hàng nội địa tốt nhất Việt Nam năm 2012”;

EXIMBANK TIẾP TỤC ĐƯỢC XẾP HẠNG TRONG TOP 1.000 NGÂN HÀNG LỚN NHẤT THẾ GIỚI NĂM 2012 DO TẠP CHÍ THE BANKER BÌNH CHỌN;

Eximbank chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới.

2013

Được Tạp chí Asian Banker trao giải thưởng “Ngân hàng được quản lý tốt nhất tại Việt Nam năm 2013”, Tạp chí EuroMoney trao giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2013”; tiếp tục được xếp hạng trong Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2013 do tạp chí The Banker bình chọn.

Eximbank là một trong những ngân hàng đầu tiên gia nhập thành viên phát hành thẻ quốc tế mang thương hiệu JCB tại Việt Nam.

2014

Được tạp chí The Banker xếp hạng vào Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2014, Eximbank vinh dự nhiều năm liên tiếp đứng trong bảng xếp hạng những ngân hàng hàng đầu thế giới; Tạp chí EuroMoney trao giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2014”.

2015

Được tạp chí Asian Banker trao giải thưởng Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất năm 2015 (Best Trade Finance Bank); được Tạp chí Asiamoney – Hong Kong trao tặng danh hiệu “Best Local Cash Management Bank in Vietnam 2015” (tạm dịch là “Ngân hàng Quản lý Tiền mặt Nội địa Tốt nhất Việt Nam năm 2015”) do các doanh nghiệp quy mô nhỏ có doanh số hàng năm dưới 100 triệu USD bình chọn.

Eximbank và Infosys ký kết triển khai giải pháp phần mềm Infosys Finacle Core Banking, tạo bước đột phá trong việc khai thác và phát triển thêm nhiều sản phẩm và dịch vụ ngân hàng hiện đại.

Eximbank vinh dự nhận giải thưởng “Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc năm 2016” do Ngân hàng JPMorgan (Mỹ) trao tặng.

2016



Đại diện Trung tâm Thẻ Eximbank trao đến các khách hàng đầu tiên sở hữu Thẻ UEFA Champions League MasterCard.

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2016

NGÀY 29/01/2016



Eximbank đã phối hợp với Tổ chức thẻ quốc tế MasterCard ra mắt sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế UEFA Champions League. Dòng sản phẩm này hướng đến khách hàng Nam đam mê giải UEFA Champions League. UEFA Champions League là một trong những giải bóng đá uy tín và danh giá bậc nhất trên thế giới được tổ chức thường niên, là nơi tranh tài của các câu lạc bộ bóng đá xuất sắc nhất Châu Âu.



Bà Đinh Thị Thu Thảo - Phó Tổng Giám đốc Eximbank (Bên trái) và bà Tina Nguyễn - Tổng Giám đốc Generali Việt Nam cùng đại diện của hai bên trong buổi lễ ký kết.

NGÀY 20/07/2016



Eximbank hân hạnh là ngân hàng độc quyền phân phối sản phẩm bảo hiểm của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam, thông qua mạng lưới hơn 200 chi nhánh và phòng giao dịch của Eximbank trên toàn quốc. Lợi ích nổi bật của mô hình hợp tác Bancassurance này là khách hàng giao dịch tại các chi nhánh, phòng giao dịch của Eximbank sẽ được tư vấn và cung cấp đồng thời các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng và sản phẩm bảo hiểm chất lượng cao một cách dễ dàng, tiện lợi, phù hợp với năng lực và nhu cầu tài chính.



Bà Đinh Thị Thu Thảo - Phó Tổng Giám đốc Eximbank (Thứ 3 từ phải qua) và ông Arn Vogels - Trưởng đại diện MasterCard khu vực Đông Dương (Thứ 4 từ phải qua) trong buổi lễ ra mắt.

NGÀY 28/09/2016



Eximbank đã ra mắt sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế cao cấp Eximbank One World MasterCard với sự phối hợp Tổ chức thẻ quốc tế MasterCard. Dòng sản phẩm này hướng đến các đối tượng khách hàng cao cấp, thường xuyên đi du lịch hay công tác nước ngoài. Sản phẩm thẻ này sẽ là một cầu nối giúp Quý khách hàng dễ dàng thực hiện ước mơ trải nghiệm cuộc sống.

CHẤT LƯỢNG
THANH TOÁN QUỐC TẾ

XUẤT SẮC NĂM 2016

được trao tặng bởi JPMorganChase



Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Eximbank vinh dự nhận giải thưởng “CHẤT LƯỢNG THANH TOÁN QUỐC TẾ XUẤT SẮC NĂM 2016” do Ngân hàng JPMorgan (Mỹ) trao tặng. Đây là giải thưởng ghi nhận Chất lượng xuất sắc của Eximbank trong xử lý tự động các điện thanh toán quốc tế (chuyển tiền cho khách hàng) và cũng là năm thứ 3 liên tục Eximbank nhận giải thưởng này từ JPMorgan, ngân hàng lớn nhất tại Mỹ xét về tổng tài sản và là một trong những ngân hàng hàng đầu thế giới cả về quy mô cũng như thị phần hoạt động.

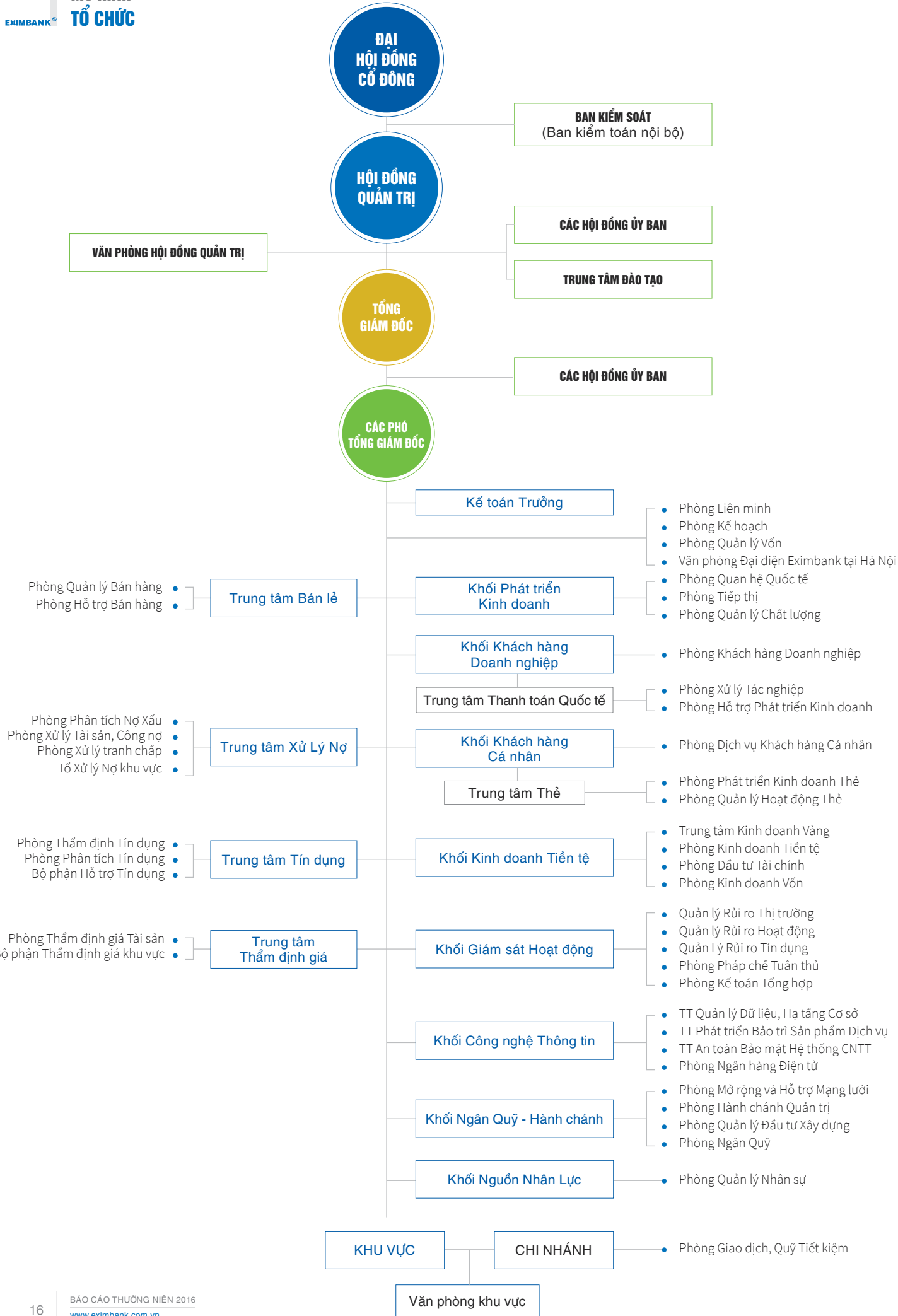
EXIMBANK VINH DỰ
NHẬN GIẢI

TOP50

ANNUAL REPORT
AWARDS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT NĂM 2016

do Sở GD&ĐT TP.HCM phối hợp báo Đầu tư tổ chức



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Minh Quốc	Chủ tịch - Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
Ông Cao Xuân Ninh	Thành viên
Ông Lê Văn Quyết	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên
Ông Đặng Anh Mai	Thành viên
Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Thông	Thành viên
Ông Naoki Nishizawa	Thành viên
Ông Yasuhiro Saitoh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Ông Trần Lê Quyết	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Đặng Hữu Tiến	Thành viên
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên
Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Văn Quyết	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tấn Lộc	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Nguyễn Quốc Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Đỗ Bích Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Lê Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Triết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Masashi Mochizuki	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Yutaka Moriwaki	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 13 tháng 10 năm 2016)
Ông Cao Xuân Lãnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 1 năm 2016)
Ông Nguyễn Ngọc Hà	Kế Toán trưởng

CÔNG TY CON

Eximbank có 1 công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản với số vốn điều lệ đăng ký là 1.700 tỷ đồng, địa chỉ đặt tại tòa nhà 24B Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP.HCM. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2016 là 955 tỷ đồng.

TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN



Eximbank tận dụng các cơ hội thị trường để duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, củng cố và mở rộng nền tảng khách hàng, nâng tầm vị thế và xây dựng Eximbank trở thành ngân hàng thương mại cổ phần hiện đại, là nơi các cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các đối tác luôn yên tâm về hiệu quả đầu tư và an toàn vốn, là ngân hàng cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng chất lượng cao, là một thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và có nhiều đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội.



MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020



Giai đoạn 2015 - 2020, Eximbank phấn đấu nằm trong top 5 ngân hàng thương mại cổ phần (không bao gồm các ngân hàng TMCP có vốn của nhà nước).

Tận dụng thời cơ, cơ hội, sử dụng thế mạnh về nguồn vốn chủ sở hữu thông qua nghiệp vụ ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, hoạt động công ty con, công ty liên kết. Đồng thời, tận dụng các thế mạnh quan hệ rất tốt với các đối tác nước ngoài, đặc biệt đối tác chiến lược là ngân hàng Sumitomo Mitsui.

Phát triển sản phẩm dịch vụ phù hợp với nhu cầu thị trường, tăng cơ cấu thu nhập từ dịch vụ trong tổng thu nhập của ngân hàng, nhất là các dịch vụ thanh toán.

Tiếp tục phát huy thế mạnh trên các lĩnh vực tài trợ thương mại, tài trợ xuất nhập khẩu, kinh doanh vàng, ngoại hối, phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ trên cơ sở ứng dụng nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, từng bước áp dụng các chuẩn mực quốc tế tốt nhất, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ thông qua việc xây dựng mô hình bán lẻ phù hợp, xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp hơn, xây dựng chính sách sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Tăng cường tập trung bảo vệ, cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ quyền con người, tuân thủ các quy định về lao động, việc làm và tham gia các chính sách xã hội khác trong quá trình hoạt động của Eximbank.

TỔNG QUAN CÁC LOẠI RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do những biến động từ thị trường gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và (hoặc) vốn của Eximbank

- **Rủi ro lãi suất:** do danh mục tài sản và thu nhập của Eximbank xuất phát chủ yếu từ hoạt động cho vay và đầu tư trái phiếu, các biến động lãi suất sẽ có tác động mạnh mẽ lên kết quả hoạt động của Eximbank. Rủi ro lãi suất có thể phát sinh do chênh lệch thời điểm ấn định lãi suất, thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất thị trường khác nhau, thay đổi mối quan hệ lãi suất giữa các kỳ hạn khác nhau hoặc các sản phẩm quyền chọn gắn theo lãi suất.
- **Rủi ro tỷ giá** là rủi ro phát sinh do những biến động của tỷ giá gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và vốn của Eximbank. Rủi ro tỷ giá có thể phát sinh từ một số các hình thức sau: các giao dịch ngoại hối, các giao dịch phái sinh ngoại tệ (Hợp đồng tương lai, Hoán đổi tiền tệ và Quyền chọn).
- **Rủi ro giá đầu tư** là rủi ro phát sinh do sự biến động của giá cổ phiếu, trái phiếu và những khoản đầu tư vốn và chứng khoán khác dẫn đến việc giảm giá trị các khoản đầu tư mà ngân hàng nắm giữ.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro dẫn đến khả năng Eximbank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ, nhu cầu thanh khoản tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ tài chính, hoặc Eximbank có khả năng thực hiện nghĩa vụ khi đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện nghĩa vụ đó. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro về thanh khoản có thể xuất phát từ sự chênh lệch giữa quy mô và kỳ hạn giữa các tài sản Nợ và tài sản Có trong các thời điểm.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG HAY RỦI RO TÁC NGHIỆP

Rủi ro hoạt động là loại rủi ro xuất hiện gắn liền với hoạt động ngân hàng nhưng lại rất khó quản lý và ngăn chặn. Xuất phát từ yếu tố con người, sơ hở trong các quy trình tác nghiệp, sự yếu kém trong hệ thống thông tin, hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc từ các yếu tố bên ngoài. Rủi ro hoạt động là rủi ro phức tạp nhất mà Eximbank phải đối mặt vì tính chất khó kiểm soát và đa dạng của nó. Để đối phó với rủi ro hoạt động, Eximbank đã xây dựng và ban hành các chính sách, cẩm nang nội bộ, xây dựng kế hoạch hoạt động liên tục nhằm đối phó với các sai phạm trong tác nghiệp và các sự cố ngoài ý muốn.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng. Rủi ro này có thể do nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan.

Rủi ro tín dụng được xem là rủi ro lớn nhất tác động đến hoạt động của Eximbank do hoạt động tín dụng tạo ra nguồn thu nhập cao nhất cho ngân hàng.



**NHÌN
LẠI NĂM 2016,
TRONG BỐI CẢNH KHÓ
KHĂN CỦA NGÂN HÀNG
EXIMBANK VÀ NHIỀU THÔNG
TIN BẤT LỢI TRÊN THỊ TRƯỜNG,
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA
EXIMBANK ỔN ĐỊNH VÀ ĐẠT
NHIỀU KẾT QUẢ KHẢ
QUAN**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

- 22 Tình hình hoạt động trong năm 2016.
- 23 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản.
- 24 Giới thiệu Ban Điều hành.
- 30 Nhân sự và chính sách nhân sự.
- 38 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.
- 39 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.
- 40 Tình hình đầu tư vào Công ty Quản lý nợ và Khai thác Tài sản (Eximbank AMC).
- 41 Số lượng cổ phần và cơ cấu cổ đông của Eximbank.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016

128.802 TỶ ĐỒNG
TỔNG TÀI SẢN, TĂNG 3,2% SO VỚI NĂM 2015

TRONG BỐI CẢNH MÔI
TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG
CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN,
EXIMBANK ĐÃ NỖ LỰC
DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH ỔN ĐỊNH,
ĐẢM BẢO THANH KHOẢN
VÀ AN TOÀN HOẠT ĐỘNG.

390,6 TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN TRƯỚC THU NĂM 2016

Tổng tài sản quy đổi ra tiền đồng đạt 128.802 tỷ đồng, tăng 3,2% so với năm 2015. Vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư quy đổi tiền đồng đạt 102.351 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2015. Tổng cấp tín dụng cho tổ chức kinh tế và dân cư (bao gồm dư nợ cho vay và trái phiếu doanh nghiệp) đạt 95.511 tỷ đồng, giảm 1% so với năm 2015. Tổng dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư quy đổi tiền đồng là 86.891 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2015.

Eximbank đã tăng cường trích lập dự phòng bằng nguồn lợi nhuận có được từ hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện đúng cam kết phát triển ngân hàng theo hướng lành mạnh và bền vững, làm tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo. Vì vậy, kết quả hoạt động năm 2016 Eximbank đạt mức lợi nhuận trước thuế là 390,6 tỷ đồng.

Đến ngày 31/12/2016, hệ số an toàn vốn hợp nhất (CAR) đạt 17,12%, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn là 52,23%, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi là 84,9%... Các chỉ số này của Eximbank đều tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Các chỉ số an toàn hoạt động của Eximbank đều nằm trong giới hạn an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2015	% tăng/giảm so năm 2015
1. Quy mô vốn				
Tổng tài sản	tỷ đồng	128.802	124.850	3,2
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	13.448	13.145	2,3
Trong đó: Vốn điều lệ	tỷ đồng	12.355	12.355	0,0
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất	%	17,12	16,52	3,6
2. Kết quả hoạt động				
Huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và dân cư	tỷ đồng	102.351	98.431	4,0
Tổng dư nợ cấp tín dụng	tỷ đồng	95.511	96.188	-0,7
Trong đó, dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư	tỷ đồng	86.891	84.760	2,5
Nợ quá hạn (nhóm 2-5)	tỷ đồng	2.972	2.069	-
Nợ xấu (nhóm 3-5)	tỷ đồng	2.560	1.575	-
Tỷ lệ nợ quá hạn/tổng dư nợ	%	3,42	2,44	-
Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ	%	2,95	1,86	-
3. Tình hình tài chính				
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	3.082	3.398	-9,3
Thu nhập ngoài lãi thuần	tỷ đồng	585	317	84,5
Thu nhập thuần từ hoạt động khác	tỷ đồng	68	85	-20,0
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	tỷ đồng	3.735	3.800	-1,7
Tổng chi phí hoạt động	tỷ đồng	-2.255	-2.305	-2,2
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước trích DPRR tín dụng	tỷ đồng	1.480	1.495	-1,0
Chi phí dự phòng rủi ro	tỷ đồng	-1.089	-1.434	-24,1
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	391	61	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	tỷ đồng	-82	-21	-
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	309	40	-
4. Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,32	0,30	-
Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA)	%	0,24	0,03	-
5. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay (quy đổi VND)	%	14,57	16,51	-11,8
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn	%	53,23	48,79	9,1
6. Tỷ lệ chi trả cổ tức				
	%/năm	0	0	-



Ông **LÊ VĂN QUYẾT**
Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

34 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.

Ông **TRẦN TẤN LỘC**
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Tiến sĩ Kinh tế
ngành Tài chính – Tín dụng.

27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.

Ông **ĐÀO HỒNG CHÂU**
Phó Tổng Giám đốc

Thạc sĩ Kinh tế.

25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.

Ông **NGUYỄN QUỐC HƯƠNG**
Phó Tổng Giám đốc

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.

Bà **ĐINH THỊ THU THẢO**
Phó Tổng Giám đốc

Thạc sĩ Kinh tế.

26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.

Ông **NGUYỄN HỒ HOÀNG VŨ**
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính

Thạc sĩ Kinh tế Tài chính – Ngân hàng.

24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế
– Tài chính – Ngân hàng.



Bà **VĂN THÁI BẢO NHI**
 Phó Tổng Giám đốc

Thạc sĩ Kinh tế Tài chính Ngân hàng.
 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.

Ông **MASASHI MOCHIZUKI**
 Phó Tổng Giám đốc

Cử nhân Luật.
 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng (Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation).

Ông **LÊ HẢI LÂM**
 Phó Tổng Giám đốc

Cử nhân Kinh tế.
 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.

Ông **NGUYỄN QUANG TRIẾT**
 Phó Tổng Giám đốc

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.

Ông **NGUYỄN VĂN HÀO**
 Phó Tổng Giám đốc

Thạc sĩ Kinh tế.
 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.

Ông **BÙI VĂN ĐẠO**
 Phó Tổng Giám đốc

Thạc sĩ Kinh tế.
 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.



Bà **BÙI ĐỖ BÍCH VÂN**
Phó Tổng Giám đốc

Cử nhân Kinh tế Ngoại thương.

23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.

Ông **YUTAKA MORIWAKI**
Phó Tổng Giám đốc

Cử nhân Chính sách Khoa học & Kinh tế.

31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng (Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation).

Ông **LÊ ANH TÚ**
Phó Tổng Giám đốc

Thạc sĩ Kinh tế.

21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.

Ông **NGUYỄN NGỌC HÀ**
Kế toán trưởng

Cử nhân Kinh tế.

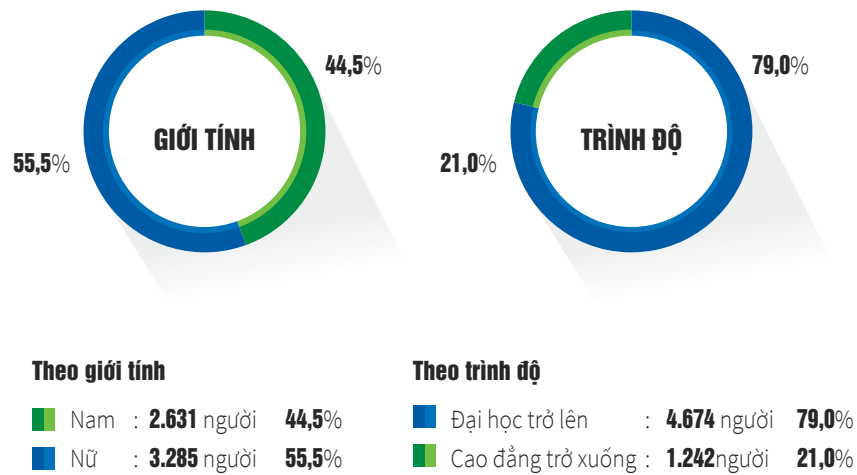
22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thời điểm	Nội dung thay đổi
1	Tháng 01/2016	Thôi chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Cao Xuân Lân
2	Tháng 04/2016	Thôi chức danh Quyền Tổng giám đốc và phân công giữ chức danh Phó Tổng giám đốc Thường trực đối với Ông Trần Tấn Lộc
3	Tháng 04/2016	Phân công Ông Lê Văn Quyết - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm chức danh Tổng giám đốc
4	Tháng 10/2016	Tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Yukata Moriwaki làm Phó Tổng giám đốc

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Ông Lê Văn Quyết	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,00 <i>Hội đồng quản trị (“HĐQT”) bổ nhiệm Ông Lê Văn Quyết – Thành viên HĐQT Eximbank kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Eximbank, theo Quyết định số 119/2016/EIB/QĐ-HĐQT, hiệu lực kể từ ngày 05/04/2016.</i>
2	Ông Trần Tấn Lộc	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	0,00 <i>Hội đồng quản trị: - Miễn nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc Eximbank theo Quyết định số 122/2016/EIB/QĐ-HĐQT, hiệu lực kể từ ngày 05/04/2016. - Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Thường trực Eximbank theo Quyết định số 123/2016/EIB/QĐ-HĐQT, hiệu lực kể từ ngày 05/04/2016.</i>
3	Ông Nguyễn Quốc Hương	Phó Tổng Giám đốc	0,0033689
4	Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc	0,0057685
5	Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc	0,0016472
6	Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng Giám đốc	0,0000009
7	Ông Masashi Mochizuk	Phó Tổng Giám đốc	0,00
8	Bà Bùi Đỗ Bích Vân	Phó Tổng Giám đốc	0,0042342
9	Ông Lê Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc	0,00
10	Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	0,0023008
11	Ông Lê Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc	0,00
12	Ông Nguyễn Quang Triết	Phó Tổng Giám đốc	0,0001102
13	Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc	0,0000007
14	Ông Bùi Văn Đạo	Phó Tổng Giám đốc	0,0000006
15	Ông Yutaka Moriwaki	Phó Tổng Giám đốc	0,00 <i>Hội đồng quản trị bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Eximbank đối với Ông Yutaka Moriwaki theo Quyết định số 489/2016/EIB/QĐ-HĐQT, hiệu lực kể từ ngày 13/10/2016.</i>
16	Ông Nguyễn Ngọc Hà	Kế toán trưởng	0,0000001



SỨC TRẺ, SỰ NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO, NHIỆT HUYẾT VÀ ĐƯỢC ĐÀO TẠO ĐÚNG CHUYÊN NGÀNH CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC LÀ MỘT TRONG NHỮNG ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT, THUẬN LỢI CHO SỰ ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA EXIMBANK HIỆN NAY VÀ TRONG TƯƠNG LAI.

5.916
TỔNG SỐ NHÂN SỰ
NĂM 2016



Đội ngũ nhân sự của Eximbank phần lớn có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, vững vàng (với 79% nhân sự có trình độ từ Đại học trở lên); có thâm niên

nhiều năm trong ngành Tài chính - Ngân hàng, bản lĩnh nghề nghiệp và tâm huyết với sự nghiệp phát triển Eximbank (với 80,4% nhân sự có từ 02 năm kinh nghiệm tại Eximbank).

STT	Nội dung	Hội sở và AMC		KV HCM		KV miền Bắc		KV miền Trung - Tây Nguyên		KV miền Đông Nam bộ		KV miền Tây Nam bộ		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
TỔNG NHÂN SỰ NĂM 2016		1.048	17,7	2.412	40,8	853	14,4	622	10,5	508	8,6	473	8,0	5.916	100,0
1	Giới tính														
	Nam	543	9,2	1.038	17,5	314	5,3	257	4,3	240	4,1	239	4,0	2.631	44,5
	Nữ	505	8,5	1.374	23,2	539	9,1	365	6,2	268	4,5	234	4,0	3.285	55,5
2	Trình độ														
	Đại học trở lên	933	15,8	1701	28,8	764	12,9	507	8,6	387	6,5	382	6,5	4.674	79,0
	Cao đẳng trở xuống	115	1,9	711	12,0	89	1,5	115	1,9	121	2,0	91	1,5	1.242	21,0
3	Độ tuổi														
	Trên 50 tuổi	38	0,6	47	0,8	27	0,5	17	0,3	7	0,1	8	0,1	144	2,4
	Từ 31 - 50 tuổi	682	11,5	1.184	20,0	433	7,3	383	6,5	213	3,6	147	2,5	3.042	51,4
	Từ 18 - 30 tuổi	328	5,5	1.181	20,0	393	6,6	222	3,8	288	4,9	318	5,4	2.730	46,1
4	Thâm niên tại EIB														
	Trên 10 năm	246	4,2	303	5,1	83	1,4	84	1,4	5	0,1	36	0,6	757	12,8
	Từ 5 - 10 năm	403	6,8	1.153	19,5	505	8,5	380	6,4	209	3,5	215	3,6	2.865	48,4
	Từ 02 - 5 năm	163	2,8	391	6,6	180	3,0	98	1,7	202	3,4	98	1,7	1.132	19,1
	Dưới 02 năm	236	4,0	565	9,6	85	1,4	60	1,0	92	1,6	124	2,1	1.162	19,6
5	Chức danh														
	Cán bộ quản lý (từ Phó Phòng trở lên)	151	2,6	354	6,0	162	2,7	108	1,8	68	1,1	87	1,5	930	15,7
	Nhân viên (các chức danh còn lại)	897	15,2	2.058	34,8	691	11,7	514	8,7	440	7,4	386	6,5	4.986	84,3



XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ CHUYÊN NGHIỆP

Trong chuỗi quy trình tiến đến xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp đó, công tác đào tạo là khâu cuối cùng và đóng vai trò hết sức quan trọng, giúp chuẩn hóa đội ngũ nhân sự đặc biệt là trong xử lý giao dịch, giao tiếp khách hàng.

Theo đó, trong năm 2016 Eximbank đã tiếp tục triển khai kế hoạch đào tạo/tái đào tạo cho các cán bộ nhân viên từ cấp nhân viên, giao dịch viên đến các cấp lãnh đạo Phòng, lãnh đạo Chi nhánh, những người hàng ngày đại diện cho Ngân hàng tiếp xúc khách hàng. Bên cạnh những khóa đào tạo về nghiệp vụ, Eximbank cũng trang bị cho cán bộ nhân viên những kỹ năng mềm như kỹ năng quản lý thời gian, giao tiếp, bán hàng, thuyết trình,... Song song đó, giữa nội bộ các Phòng Hội sở và đơn vị kinh doanh thường xuyên thực hiện các khóa tự đào tạo để bảo đảm tốt nhất, chuyên nghiệp nhất trong công tác giao dịch, tiếp xúc khách hàng.

XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Để phát huy hơn nữa thế mạnh nguồn nhân lực vốn có, Eximbank chủ trương tiến tới xây dựng văn hóa doanh nghiệp đặc trưng và môi trường làm việc thân thiện; đối xử công

bằng, bình đẳng giới với người lao động; minh bạch và chuyên nghiệp để xây dựng môi trường ngôi nhà chung Eximbank, thu hút nhân tài, đảm bảo nguồn nhân lực ổn định và chất lượng cao.





PHÁT HUY TÍNH DÂN CHỦ TRONG TỔ CHỨC

Eximbank khuyến khích cán bộ nhân viên tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp, xây dựng cho các chương trình nội bộ, phát triển sản phẩm mới thông qua các cuộc họp triển khai kế hoạch kinh doanh, cuộc thi ý tưởng,...

Năm 2016 Eximbank đã triển khai Hội nghị người lao động tại các đơn vị trong hệ thống. Đại hội là diễn đàn thảo luận giữa cán bộ nhân viên và Ban Lãnh đạo đóng góp cho hoạt động của Ngân hàng. Tại đây, Lãnh đạo Eximbank chia sẻ thông tin về

tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, chính sách, chế độ,...; cán bộ nhân viên được tự do chia sẻ các tâm tư nguyện vọng để đóng góp cho hoạt động của tổ chức. Nhờ đó, các vướng mắc của người lao động đã được xử lý, đảm bảo tính công bằng.

XÂY DỰNG DỰNG ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ TƯƠNG LAI

HÀNG NĂM, EXIMBANK CHỦ ĐỘNG TIẾP CẬN, LIÊN KẾT VỚI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC TRÊN CẢ NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TUYỂN DỤNG TRỰC TIẾP SINH VIÊN CHUẨN BỊ TỐT NGHIỆP.

Hiện nay, Eximbank đang triển khai Chương trình Quản trị viên - Chương trình này được xây dựng góp phần vào việc giải quyết đầu ra cho các trường Đại học - Cao đẳng trên cả nước, đồng thời nâng cao tính chủ động trong công tác tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, chuẩn bị nguồn lực hiệu quả cho tương lai.

Ngoài ra, Eximbank còn thực hiện các hoạt động Tư vấn - Hướng nghiệp,

Thực tập - Việc làm cho sinh viên các trường Đại học - Cao đẳng có ký kết thỏa thuận với Eximbank cũng như tại các trường trọng điểm thuộc các khu vực có Chi nhánh Eximbank đang hoạt động qua các chương trình như Ngày Hội việc làm,... Thông qua chính sách tuyển dụng nhân sự kèm với các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên, chất lượng nhân sự làm việc tại Eximbank không ngừng được nâng cao.

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC LUÔN LÀ MỘT TRONG NHỮNG MỤC TIÊU TRỌNG ĐIỂM CỦA EXIMBANK NHẪM KỊP THỜI BỒI DƯỠNG LỰC LƯỢNG KẾ THỪA.

Trong những năm qua, Eximbank đã và đang xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kinh doanh nhạy bén, đáp ứng với sự thay đổi liên tục của thị trường. Các chương trình đào tạo được tổ chức cho từng vị trí và được triển khai với nhiều hình thức, nội dung đa dạng.

ĐÀO TẠO, QUY HOẠCH CÁN BỘ KẾ THỪA

Ngoài các khóa đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ, Eximbank còn tổ chức các khóa huấn luyện kỹ năng mềm (kỹ năng bán hàng, thuyết trình, làm việc nhóm...) được đan xen với chương trình đào tạo nghiệp vụ,... đã cung cấp những kỹ năng cần thiết phục vụ tốt hơn cho quá trình công tác tại Eximbank.

Trong năm 2016, Eximbank đã triển khai 120 khóa đào tạo với 4.051 lượt cán bộ nhân viên được đào tạo, trong đó có 09 lớp đào tạo cán bộ tín dụng kế thừa với 220 lượt cán bộ được đào tạo. Bên cạnh đó, giữa nội bộ các Phòng/ban Hội sở và Chi nhánh thường xuyên thực hiện các chương trình huấn luyện, các khóa tự đào tạo, chia sẻ kiến thức chuyên môn nhằm phục vụ tốt hơn cho công việc hàng ngày.



4.051 LƯỢT

CÁN BỘ NHÂN VIÊN, TRONG ĐÓ CÓ 09 LỚP ĐÀO TẠO CÁN BỘ TÍN DỤNG KẾ THỪA VỚI 220 LƯỢT CÁN BỘ ĐƯỢC ĐÀO TẠO

Eximbank làm tất cả những điều trên nhằm xây dựng nền tảng căn bản vững chắc về nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển bền vững của Eximbank trong thời điểm hiện nay và những năm tiếp theo.

CHẾ ĐỘ LƯƠNG, THƯỞNG XÂY DỰNG TRÊN HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC



Mô hình lương, thưởng của Eximbank xây dựng dựa trên các cơ sở: vị trí, chức danh; kết quả công việc; năng lực và trình độ; mặt bằng thu nhập ngành ngân hàng nói riêng, thị trường lao động nói chung, quy định của Nhà nước và khả năng tài chính của Eximbank.

Về chế độ thưởng, trong năm 2016 ngoài các khoản thưởng định kỳ hàng năm như danh hiệu cá nhân, danh hiệu tập thể, hoàn thành kế hoạch kinh doanh, Eximbank cũng theo dõi và kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể đạt được thành tích vượt trội trong thực hiện nhiệm vụ được giao trong từng thời kỳ.

CHÍNH SÁCH AN TOÀN SỨC KHỎE

**EXIMBANK
LUÔN XÁC ĐỊNH
TẬP THỂ KHỎE LÀ
ĐIỀU QUAN TRỌNG
CHO THÀNH CÔNG
CỦA DOANH
NGHIỆP**

Vì vậy chính sách trích một phần lợi nhuận để chăm lo cho sức khỏe của cán bộ nhân viên, không phân biệt thời hạn hợp đồng lao động đã được Eximbank thực hiện xuyên suốt những năm qua. Hàng năm, Eximbank đã tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ trên toàn hệ thống cho cán bộ nhân viên đang làm việc. Các ứng viên khi ứng tuyển cũng cần được kiểm tra sức khỏe trước khi ứng tuyển/nhận việc tại Eximbank. Eximbank cũng thường xuyên phát động các phong trào, tổ chức các hội thao để cán bộ nhân viên rèn luyện sức khỏe; kịp thời thăm hỏi và hỗ trợ kinh phí điều trị cho cán bộ nhân viên bị bệnh;... Theo đó, số người lao động gặp các vấn đề về sức khỏe và bệnh nghề nghiệp tại Eximbank luôn ở tỉ lệ rất thấp trong những năm qua.

Song song đó, hiện nay Eximbank cũng đang triển khai thực hiện chế độ chăm sóc sức khỏe cho cán bộ nhân viên, đặc biệt là đối với những cán bộ lãnh đạo chủ chốt bằng cách mua bảo hiểm sức khỏe từ tổ chức bảo hiểm nhân thọ uy tín.

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ

Thể hiện sự quan tâm đối với cán bộ, nhân viên có thâm niên công tác và có thời gian gắn bó lâu dài với Eximbank, từ tháng 05/2012 đến nay Eximbank đã áp dụng “chính sách thâm niên đối với cán bộ nhân viên”. Theo đó, cán bộ nhân viên từ đủ 05 năm công tác trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên hàng tháng.

Ngoài ra, Eximbank cũng quan tâm đến đời sống của cán bộ nhân viên với phương châm “an cư lạc nghiệp”, theo đó trong năm 2016 Eximbank vẫn tiếp tục tìm kiếm các quỹ đất để thực hiện “chính sách nhà ở” đối với cán bộ nhân viên nhằm tạo sự yên tâm công tác và gắn bó lâu dài với Eximbank.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Tiếp nối truyền thống từ những ngày đầu thành lập đến nay, trong năm 2016 Eximbank tiếp tục thực hiện và khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia, đóng góp vào các hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội như: chương trình “Cùng chia sẻ trao yêu thương” đã thăm và trao tặng quà cho đồng bào Miền Trung bị lũ lụt, trao quà tết cho bà con nghèo tại Đồng Nai,...; chương trình “Đêm hội trăng rằm” trao quà trung thu cho trẻ em nghèo tại Bạc Liêu,...; Chương trình thăm và tặng quà cho mẹ Việt Nam anh hùng tại Quảng Nam,...; Chương trình quyên góp hỗ trợ cho đồng nghiệp Eximbank bị hỏa hoạn thiếu rui nhà cửa; Chương trình tài trợ học bổng cho sinh viên các Trường Đại học,.....



EXIMBANK ĐẢM BẢO TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI. BÊN CẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, EXIMBANK CÒN TÍCH CỰC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, CHĂM LO VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG CHO CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN, ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG NÓI RIÊNG VÀ XÃ HỘI NÓI CHUNG.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



EXIMBANK LUÔN TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.



Năm 2016, Eximbank tổ chức cứu trợ đồng bào bị lũ lụt ở Quảng Bình và Hà Tĩnh.

TỪ NĂM 2009 (NĂM EXIMBANK THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN) ĐẾN NAY, NGOÀI CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU, CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ, EXIMBANK CŨNG ĐÃ QUAN TÂM ĐẾN CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI TRỢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH TỪ THIỆN, CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG, CHỦ YẾU LÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH THIỆN NGUYỆN: TRAO HỌC BỔNG, TÀI TRỢ Y TẾ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI...

- ❖ Hỗ trợ xây dựng khu di tích Truông Bồn, tỉnh Nghệ An.
- ❖ Hỗ trợ xây dựng trung tâm y tế huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- ❖ Ủng hộ máy thông tin liên lạc cho ngư dân tại 02 tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang (45 máy).
- ❖ Ủng hộ hàng trăm học bổng cho các học sinh nghèo thuộc các tỉnh vùng sâu, vùng xa, các trường Đại học và các chương trình tri ân/hỗ trợ chăm lo người nghèo đón Tết trên địa bàn TP.HCM và các tỉnh...



THÀNH LẬP

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản được thành lập theo Quyết định số 157/2010/EIB/QĐ-HĐQT ngày 21/04/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quyết định số 754/QĐ-NHNN ngày 01/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310280974 ngày 24/08/2010 do Sở Kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động trung gian tiền tệ khác

Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tổn động của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (bao gồm: nợ có tài sản bảo đảm và tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố; tài sản gán nợ; tài sản Tòa án giao ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất. Chủ động bán các tài sản bảo đảm nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tổn động) theo hình thức sau: Tự bán công khai trên thị trường; Bán qua Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản; Bán cho Công ty mua bán nợ của nhà nước (khi được thành lập). Cơ cấu lại nợ tổn động bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp. Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ. Thực hiện các hoạt động khác theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo quy định của pháp luật. Mua, bán nợ tổn động của các tổ chức tín dụng khác, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của Ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310280974 ngày 24/08/2010 do Sở Kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp với vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 300 tỷ đồng, thay đổi lần thứ hai ngày 08/09/2011, thay đổi lần thứ ba ngày 30/03/2012, thay đổi lần thứ chín ngày 02/04/2014 với vốn điều lệ đăng ký là 1.700 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2016, vốn điều lệ được cấp là 955 tỷ đồng.

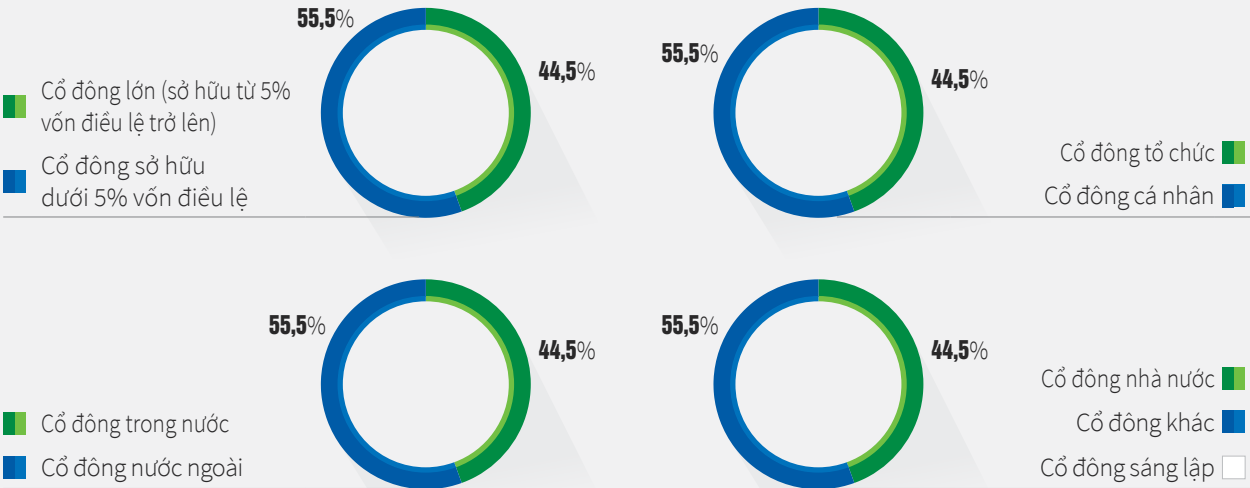
955 TỶ ĐỒNG
VỐN ĐIỀU LỆ (31/12/2016)

TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA AMC

Một số chỉ tiêu tài chính		Kết quả kinh doanh				
Chỉ tiêu	Số tiền (Triệu đồng)	Chỉ tiêu	Năm 2015 (Triệu đồng)	Năm 2016 (Triệu đồng)	Tăng/giảm so với năm 2015 (+/-)	%Tăng/giảm so với năm 2015 (+/-)
Tại 31/12/2016						
Tổng tài sản	998.832	Tổng doanh thu	21.097	21.531	434	2,1%
Tiền gửi Ngân hàng	109.767	Doanh thu cho thuê	14.574	15.700	1.126	7,7%
Phải thu dài hạn khác (từ Eximbank)	806.930	Doanh thu hoạt động tài chính	6.503	5.747	-756	-11,6%
Tài sản cố định	56.163	Thu nhập khác	20	84	64	320,0%
Chi phí xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định	25.307	Tổng chi phí	10.248	7.565	-2.683	-26,2%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	955.000	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.803	7.545	-2.258	-23,0%
Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2016	13.966	Chi phí khác	445	20	-425	-95,5%
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.152	Lợi nhuận trước thuế	10.849	13.966	3.117	28,7%

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN

Tại thời điểm 31/12/2016, số lượng cổ phần : 1.235.522.904 cổ phần
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng : 948.642.158 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 – Luật Các tổ chức tín dụng 2010 : 286.880.746 cổ phần



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)/vốn điều lệ
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên)	286.574.338	23,19
	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn điều lệ	948.948.566	76,81
	Cổ đông tổ chức	826.855.471	66,92
2	Trong nước	483.115.272	39,10
	Nước ngoài	343.740.199	27,82
	Cổ đông cá nhân	408.667.433	33,08
3	Trong nước	406.493.632	32,90
	Nước ngoài	2.173.801	0,18
	Cổ đông trong nước	889.608.904	72,00
4	Cổ đông nước ngoài	345.914.000	28,00
	Cổ đông nhà nước	19.768.692	1,60
	Cổ đông khác	1.215.754.212	98,40
TỔNG SỐ CỔ PHẦN	Cổ đông sáng lập	0	0,00
		1.235.522.904	100,00

THÔNG TIN CHI TIẾT CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/cá nhân	Ngành nghề hoạt động	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%) / vốn điều lệ
Sumitomo Mitsui Banking Corporation	Ngân hàng	1-2 Marunouchi 1-chome, Chiyado-ku, Tokyo 100-0005 Japan	185.329.207	15%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank)	Ngân hàng	198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội	101.245.131	8,19%

THÔNG TIN CHI TIẾT CỔ ĐÔNG LỚN

Trong năm 2016, Eximbank không có sự thay đổi về vốn cổ đông.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Đến ngày 31/12/2016, số lượng cổ phiếu quỹ của Eximbank là **6.090.000** cổ phiếu. Eximbank không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2016.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Eximbank không phát hành chứng khoán khác trong năm 2016.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 44 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.
- 60 Tình hình tài chính.
- 61 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
- 68 Kế hoạch kinh doanh năm 2017.
- 70 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

TRONG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NHIỀU BIẾN ĐỘNG, EXIMBANK ĐÃ NỔ LỰC PHẤN ĐẤU ĐỂ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, ĐẢM BẢO HỆ THỐNG PHÁT TRIỂN AN TOÀN. QUA ĐÓ, EXIMBANK ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG KẾT QUẢ NHẤT ĐỊNH: HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÓ SỰ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI NĂM 2015, NHƯ: TỔNG TÀI SẢN TĂNG 3%, NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG TĂNG 4%, DƯ NỢ CHO VAY TĂNG 3%.



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
391
TỶ ĐỒNG

Hoạt động bán lẻ tăng trưởng tốt, dư nợ bán lẻ tăng 13% so với cuối năm 2015, góp phần vào mức tăng dư nợ của toàn hệ thống.

Các hoạt động dịch vụ khác đều có sự tăng trưởng tốt như: doanh số nhận tiền kiều hối tăng 35%, doanh số kinh doanh vàng tăng 25%, doanh số mua bán ngoại tệ VND với khách hàng tăng 18% so với năm 2015... góp phần trong lợi nhuận của toàn hệ thống.

Nhằm đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, Eximbank đã cho ra nhiều sản phẩm, dịch vụ mới.

Đưa vào hoạt động Trung tâm thanh toán quốc tế nhằm nâng cao chất lượng xử lý giao dịch trong thanh toán quốc tế, hạn chế rủi ro và tiết giảm nhân sự cho hoạt động thanh toán quốc tế, góp phần tập trung nhân lực cho công tác bán hàng.

Eximbank đã tích cực xử lý nợ quá hạn, nợ xấu thông qua Hội đồng xử lý rủi ro; ngăn chặn nợ quá hạn đưa tỷ lệ nợ xấu về dưới 3% và luôn đảm bảo an toàn về thanh khoản. Eximbank tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Triển khai cơ chế khen thưởng đối với cán bộ bán hàng theo chỉ tiêu KPI.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG CÁ NHÂN

HUY ĐỘNG VỐN CÁ NHÂN

EXIMBANK ĐÃ LUÔN CHỦ ĐỘNG, KỊP THỜI TRONG CÁC CHÍNH SÁCH HUY ĐỘNG VỐN, PHÙ HỢP CHÍNH SÁCH CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VÀ VỚI XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG.

Đến 31/12/2016 số dư huy động vốn cá nhân đạt 77.010 tỷ đồng, tăng 10% so với đầu năm, chiếm 75% tổng vốn huy động toàn hệ thống. Tính đến cuối năm 2016, tổng số lượng khách hàng đạt 1.085.687 khách hàng cá nhân, tăng 7,4% so với đầu năm.

Cơ cấu nguồn vốn huy động trong năm 2016 tiếp tục thay đổi tích cực theo xu hướng tăng tỷ trọng nguồn

vốn trung dài hạn (từ tỷ trọng 22% năm 2015 lên tỷ trọng 35% năm 2016), đảm bảo tính ổn định của nguồn vốn huy động và đáp ứng nhu cầu cho vay trung dài hạn.

Để đạt được sự tăng trưởng trong 2016 như trên, Eximbank đã luôn chủ động, kịp thời trong các chính sách huy động vốn, phù hợp chính sách của Ngân hàng nhà nước và với xu hướng thị trường. Bên cạnh đó, Eximbank không ngừng phát triển nền tảng khách hàng, dựa trên việc cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ, cung cấp cho khách hàng tiện ích tối đa với sự kết hợp công nghệ hiện đại, nhằm đạt được sự hài lòng của khách hàng khi giao dịch tại Eximbank.

Về sản phẩm, chương trình khuyến mãi huy động vốn, bên cạnh 15 sản phẩm đáp ứng nhu cầu gửi tiền đa dạng của khách hàng, Eximbank thường xuyên triển khai các chương trình khuyến mãi ưu đãi cho khách hàng và phát triển các tiện ích mới phục vụ khách hàng

Các sản phẩm huy động Eximbank cung cấp đến các khách hàng cá nhân: Tiền gửi thanh toán không kỳ hạn, Combo tiền gửi thanh toán, Tiền gửi thanh toán E-Favor, Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, Tiết kiệm có kỳ hạn tự chọn, Tiết kiệm qua đêm, Tiền gửi Call 48 giờ, Tiết kiệm Eximbank VIP, Tiết kiệm Trường Phát Lộc, Tiết kiệm Online, Tiết kiệm Phúc Bảo An, Tiết kiệm 50+, Tiết kiệm cho con yêu, Tiết kiệm tích lũy tiền lương, Tiết kiệm gửi góp.



TỔNG LƯỢNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN
CỦA EXIMBANK ĐẾN 31/12/2016

1.085.687
KHÁCH HÀNG
TĂNG 7,4% SO VỚI ĐẦU NĂM.

Và nhiều chương trình khuyến mại hấp dẫn dành cho khách hàng cá nhân gửi tiền tại Eximbank với danh mục quà tặng đa dạng, thiết thực, giá trị cao, cơ hội trúng thưởng lớn

Ngoài ra, khách hàng gửi tiền tại Eximbank còn được tận hưởng nhiều tiện ích:

Dịch vụ nhận tin nhắn SMS thông báo biến động tiền gửi tiết kiệm.

Dịch vụ nhận tin nhắn SMS thông báo ngày đến hạn tiền gửi tiết kiệm.

Dịch vụ chuyển lãi tự động, tất toán tiền gửi có kỳ hạn tự động chuyển sang tiền gửi thanh toán.

Ưu đãi hấp dẫn khi gửi tiền vào dịp sinh nhật của khách hàng, với chương trình Sinh nhật trọn niềm vui cùng Eximbank.

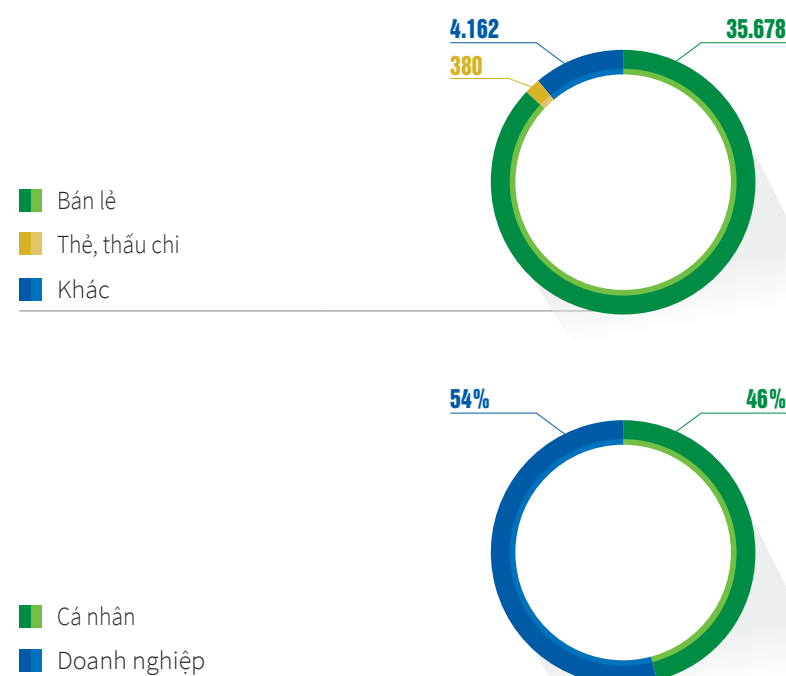
TÍN DỤNG CÁ NHÂN

Trong năm 2016, bên cạnh việc đào tạo và phát triển đội ngũ bán hàng RBO có nghiệp vụ chuyên sâu, am hiểu thị trường nhằm đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ, Eximbank tiếp tục triển khai các chương trình cho vay mua nhà, mua ô tô, sản xuất kinh doanh, tiêu dùng... với lãi suất ưu đãi, tập trung vào phân khúc khách hàng có nguồn thu nhập ổn định.

Đến 31/12/2016, dư nợ cho vay KHCN là 39.840 tỷ đồng, tăng 3.855 tỷ đồng (tương đương 11%) so với 2015, chiếm tỷ trọng 46% trên tổng dư nợ hệ thống. Trong đó, dư nợ bán lẻ đạt 35.678 tỷ đồng và tăng 3.983 tỷ so với năm 2015.



CƠ CẤU DƯ NỢ KHCN TẠI EXIMBANK NĂM 2016



HOẠT ĐỘNG PHÁT HÀNH VÀ THANH TOÁN THẺ

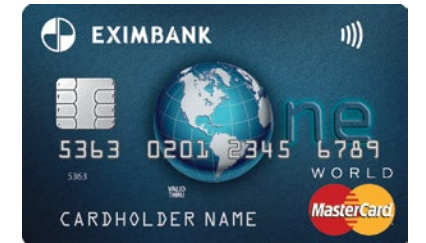
EXIMBANK LÀ MỘT TRONG NHỮNG NGÂN HÀNG TIỀN PHONG TRONG HOẠT ĐỘNG PHÁT HÀNH VÀ CHẤP NHẬN THANH TOÁN THẺ TRÊN THỊ TRƯỜNG THẺ TẠI VIỆT NAM.



Thẻ tín dụng quốc tế dành cho phân khúc khách hàng có đam mê giải UEFA mang tên Eximbank MasterCard® UEFA Champions League.



Thẻ tín dụng dành cho phân khúc khách hàng có sở hữu xe ô tô mang tên Eximbank Visa Auto Card.



Thẻ tín dụng dành cho phân khúc khách hàng cao cấp mang tên Eximbank MasterCard® One World.



Trong môi trường cạnh tranh gay gắt, với sự nỗ lực, Eximbank đã phát hành được 221.000 thẻ, nâng tổng số lượng thẻ phát hành lên 1,85 triệu thẻ, tăng 14% so với năm 2015. Thông qua việc triển khai liên tục các chương trình khuyến mãi, ưu đãi hấp dẫn xuyên suốt trong năm 2016, doanh số sử dụng thẻ của Eximbank đạt 17.000 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2015.

Bên cạnh đó, với định hướng phát triển toàn diện, mở rộng các liên kết, hợp tác nhằm đem đến sự tiện lợi trong sử dụng thẻ, Eximbank đã mở rộng kết nối liên thông hệ thống ATM, POS với tất cả các ngân hàng tại Việt Nam và đa dạng hóa loại hình kinh doanh của các điểm chấp nhận thanh toán thẻ, đặc biệt trên môi trường thanh toán trực tuyến. Mạng lưới chấp nhận thanh toán thẻ của Eximbank cũng được mở rộng với hơn 7.500 điểm chấp nhận thanh

toán thẻ (POS) và 260 máy ATM phân bố tại các địa bàn trọng điểm trên toàn quốc với tổng doanh số thanh toán thẻ trong năm 2016 đạt 16.000 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2015.

Cùng với định hướng phát triển chung của toàn hệ thống, dịch vụ thẻ sẽ là một sản phẩm mũi nhọn của Eximbank năm 2017 cũng như các năm sau và sẽ góp phần quan trọng vào quảng bá thương hiệu cũng như doanh thu hoạt động của ngân hàng.

DỊCH VỤ CHI TRẢ KIỂU HỐI



EXIMBANK ĐẨY MẠNH “KÊNH CHI TRẢ KIỂU HỐI NHANH” VÀO TÀI KHOẢN, THẺ. ĐÂY LÀ KÊNH DỊCH VỤ CHI TRẢ KIỂU HỐI “NHANH” ĐẦU TIÊN TẠI EXIMBANK NÓI RIÊNG VÀ THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM NÓI CHUNG.

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà Nước chi nhánh TP.HCM Tổng lượng kiều hối về Việt Nam năm 2016 là khoảng 9 tỷ USD, giảm 28% so với năm ngoái.

Mặc dù tổng lượng kiều hối cả nước bị giảm, nhưng tổng doanh số kiều hối Eximbank năm 2016 vẫn tăng trưởng rất tốt, hơn 35% so cùng kỳ năm 2015 và đạt 117% kế hoạch năm 2016. Thị trường kiều hối tăng trưởng vượt bậc là thị trường Nhật và chủ lực vẫn là các thị trường truyền thống như Mỹ, Úc, Đức.v.v.

Thành quả này là do những nỗ lực không ngừng từ việc mở rộng hợp tác với các đối tác kiều hối trong và ngoài nước, nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư cải tiến công nghệ thanh toán và cung cấp dịch vụ chi trả nhanh chóng, an toàn và tiện lợi, đa dạng hóa các kênh chi trả nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

35%
TỔNG DOANH SỐ KIỂU HỐI
EXIMBANK TĂNG TRƯỞNG
NĂM 2016

Eximbank đẩy mạnh “kênh chi trả kiều hối nhanh” vào tài khoản, thẻ. Đây là kênh dịch vụ chi trả kiều hối “nhanh” đầu tiên tại Eximbank nói riêng và thị trường Việt Nam nói chung. Dịch vụ này kết nối thanh toán trực tuyến từ người gửi, người nhận có thể nhận được tiền vào tài khoản trong vòng vài phút sau khi người gửi hoàn tất thủ tục chuyển tiền. Kênh chi trả kiều hối này hoạt động suốt 24/24 giờ và 7/7 kể cả ngày cuối tuần, ngày lễ và được xem là bước đột phá giúp cho dịch vụ kiều hối Eximbank xây dựng được thương hiệu, uy tín và tính cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

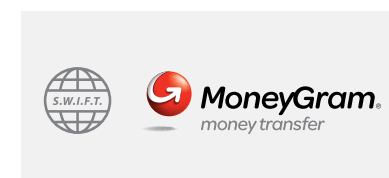
DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN ĐI NƯỚC NGOÀI



EXIMBANK HIỆN ĐANG CUNG CẤP 02 KÊNH CHUYỂN TIỀN RA NƯỚC NGOÀI GỒM: CHUYỂN TIỀN QUA HỆ THỐNG SWIFT VÀ CHUYỂN TIỀN NHANH QUA MONEYGRAM, KHÁCH HÀNG CÓ THỂ LỰA CHỌN KÊNH CHUYỂN TIỀN PHÙ HỢP NHU CẦU VỚI CHI PHÍ CẠNH TRANH.

Doanh số chuyển tiền du học chiếm 78% tổng doanh số chuyển tiền đi nước ngoài và vẫn giữ ổn định qua các năm. Thị trường chuyển tiền nhiều nhất vẫn là thị trường Mỹ, kế đến là Canada, Úc, New Zealand, Nhật Bản,...

Với tiêu chí đặt khách hàng làm trọng tâm, Eximbank đã không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, cung cấp các dịch vụ thanh toán nhanh chóng, an toàn, tiện lợi, nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng. Trên nền tảng nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực



chuyển tiền du học và thanh toán quốc tế, Eximbank luôn mang đến cho khách hàng sự tin tưởng và hài lòng về chất lượng dịch vụ, cũng như tính chuyên nghiệp.

DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC

DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC TRONG NĂM 2016 ĐƯỢC EXIMBANK CHÚ TRỌNG ĐẨY MẠNH THEO HƯỚNG GIA TĂNG TIỆN ÍCH, TỐC ĐỘ CHUYỂN TIỀN CHO KHÁCH HÀNG.

Trong năm 2016, bên cạnh chuyển tiền trong nước ngoài hệ thống truyền thống, Eximbank đã tập trung đẩy mạnh Dịch vụ chuyển tiền nhanh 24/7 với đa dạng kênh chuyển tiền: tại Quầy giao dịch, trên Internet Banking, Mobile Banking và còn tại Quầy giao dịch.

Theo đó, khách hàng chỉ cần chọn ngân hàng cần chuyển tiền đến, và nhập số tài khoản hoặc số thẻ của người thụ hưởng, hệ thống sẽ tự



động hiển thị tên người thụ hưởng để khách hàng kiểm tra thông tin trước khi chuyển tiền; Và chỉ cần vài giây sau khi đặt lệnh chuyển tiền, tiền đã được chuyển đến người thụ hưởng. Thao tác đơn giản, thực hiện mọi lúc, mọi nơi 24/7, an toàn, nhanh chóng, thuận tiện.

DỊCH VỤ BANCASSURANCE

Ngày 20/07/2016, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) và Công ty Bảo hiểm Generali Việt Nam đã tiến hành lễ ký kết hợp đồng đại lý bảo

hiểm độc quyền Bancassurance với thời hạn 5 năm, để cung cấp thêm một dịch vụ mới về bảo hiểm cho khách hàng. Khách hàng của Eximbank sẽ được đội ngũ chuyên

viên chuyên nghiệp tư vấn những sản phẩm bảo hiểm đáp ứng mọi nhu cầu đa dạng, hỗ trợ, bảo vệ an toàn về tài chính cho bản thân và gia đình.

Tính đến cuối năm 2016, dịch vụ Bancassurance với mô hình hợp tác độc quyền chỉ chính thức đi vào hoạt động 5 tháng cuối năm, kết quả đạt được như sau:

- Doanh thu phí bảo hiểm : **19,64** tỷ đồng, đạt 140% kế hoạch năm 2016.
- Lợi nhuận từ bảo hiểm : **13,96** tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch năm 2016.



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP

HUY ĐỘNG VỐN KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP



Eximbank đã triển khai các chương trình nhằm gia tăng tiền gửi thanh toán để tạo nguồn vốn với lãi suất tốt, bên cạnh đó nhằm góp phần cải thiện tỷ lệ giữa cho vay và huy động. Eximbank liên tục triển khai các sản phẩm tiền gửi trung dài hạn dành cho KHDN như: Tiền gửi I-Plus; Tiền gửi ưu đãi kỳ hạn dài,... Đồng thời Eximbank cũng triển khai nhiều chương trình khuyến khích tăng doanh số thanh toán và từ đó thu hút nguồn vốn từ doanh nghiệp SMEs.

Hoạt động dịch vụ chính của KHDN bao gồm: thanh toán trong nước, thanh toán ra nước ngoài, bảo lãnh, thu chi hộ,... Trong năm 2016, Eximbank không ngừng cải tiến, nâng cấp sản phẩm dịch vụ hiện hữu và nghiên cứu đưa ra thị trường nhiều sản phẩm dịch vụ mới với nhiều tính năng vượt trội, tiện ích. Kết quả, doanh số thanh toán trong nước và doanh số thanh toán ra nước ngoài của KHDN có phần tăng trưởng so với năm 2015.



HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP

TRONG NĂM 2016, NHẪM HỖ TRỢ CHO NHỮNG KHÁCH HÀNG CỐT LÕI CỦA NGÂN HÀNG LÀ CÁC DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU, NHIỀU SẢN PHẨM TÍN DỤNG HẤP DẪN NHƯ FIN IMEX, FIN EXPORT,... ĐƯỢC TRIỂN KHAI NHẪM TĂNG DƯ NỢ, THU HÚT KHÁCH HÀNG MỚI VÀ DUY TRÌ KHÁCH HÀNG HIỆN HỮU, KẾT QUẢ LÀ DƯ NỢ KHDN TĂNG ĐÁNG KỂ KHI TRIỂN KHAI SẢN PHẨM;

Ngoài ra, nhằm đảm bảo tuân thủ chỉ số an toàn vốn theo Thông tư 06 của Ngân hàng Nhà Nước hiệu lực vào đầu năm 2017, các sản phẩm của KHDN ban hành tập trung đẩy mạnh dư nợ ngắn hạn, qua đó đã góp phần cải thiện cơ cấu

dư nợ ngắn hạn của KHDN, cụ thể dư nợ ngắn hạn tăng hơn 5% so với năm 2015.

Tình hình phát triển khách hàng mới trong năm 2016 tăng hơn 10% so với năm 2015 với dư nợ chiếm hơn 8% tổng dư nợ cho vay KHDN. Trong đó, khách hàng mới SMEs chiếm hơn 95% tổng số lượng khách hàng mới với dư nợ đạt hơn 78% trong tổng dư nợ cho vay của khách hàng mới năm 2016.

Eximbank cũng nhận được nhiều sự tin tưởng của các cơ quan ban ngành và tham gia rất tích cực các chủ trương của Nhà nước thông qua việc phối hợp với UBND, các sở ngành, NHNN để triển khai các chương trình bao gồm: cho vay chương trình bình ổn của TPHCM, cho vay các doanh nghiệp cung ứng hàng hóa cho doanh nghiệp bình ổn thị trường, chương trình tín dụng hỗ trợ nông thôn, chương trình kết nối ngân hàng và doanh nghiệp.

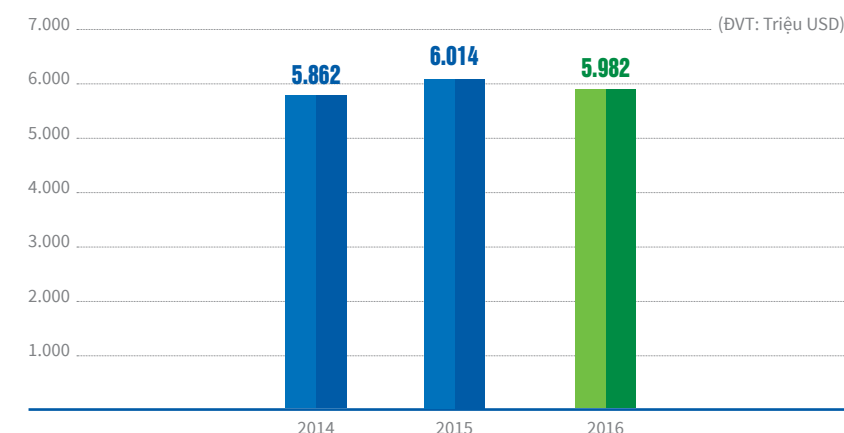
HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN QUỐC TẾ

Mặc dù với những khó khăn và thách thức do bối cảnh kinh tế không thuận lợi và thương mại toàn cầu giảm, Eximbank vẫn tiếp tục duy trì hoạt động ổn định về nghiệp vụ thanh toán quốc tế. Doanh số thanh toán quốc tế năm 2016 đạt 5.982 triệu USD, giảm nhẹ 0,54% so với năm 2015.

Với thế mạnh về thương hiệu và tài trợ xuất nhập khẩu, Eximbank hướng đến mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm với những chính sách đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm mang lại những giá trị gia tăng cho khách hàng, mở rộng thúc đẩy hợp tác với các ngân hàng trong nước và quốc tế. Đây sẽ là những công cụ hiệu quả để tiếp

tục duy trì và phát huy nền tảng phát triển vững chắc hoạt động thanh toán quốc tế của Eximbank trong những năm tới.

Doanh số thanh toán quốc tế qua các năm



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ CỦA EXIMBANK GIÚP KHÁCH HÀNG QUẢN LÝ TÀI KHOẢN, THỰC HIỆN CÁC GIAO DỊCH TÀI CHÍNH VỚI NGÂN HÀNG DỄ DÀNG, THUẬN TIỆN, MỌI LÚC, MỌI NƠI, TIẾT KIỆM THỜI GIAN VÀ CHI PHÍ.

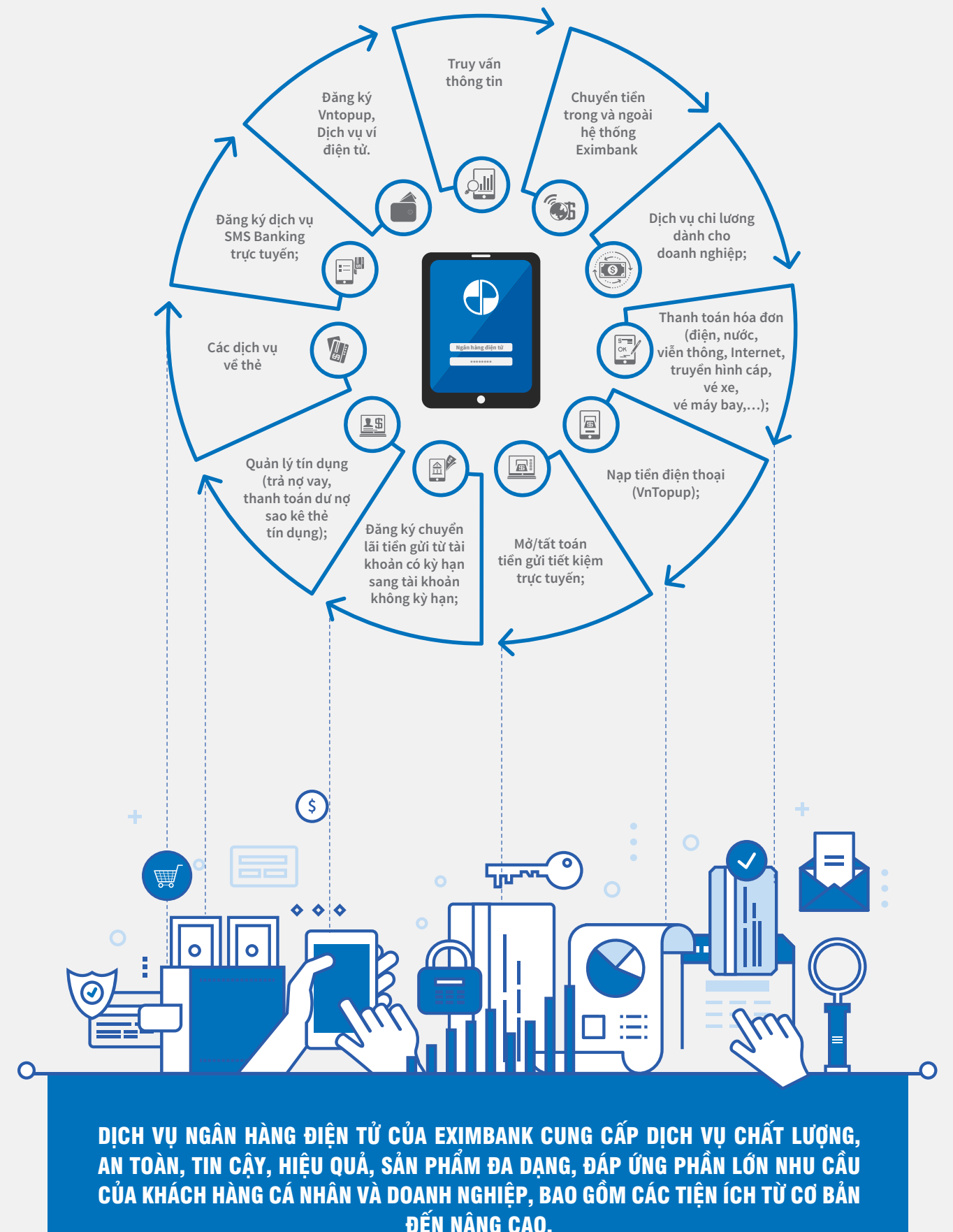
Khách hàng có thể thực hiện hầu hết các giao dịch tài chính với Eximbank thông qua các kênh Internet Banking, Mobile Banking, SMS Banking mà không phải đến điểm giao dịch của ngân hàng và không bị giới hạn thời gian cùng khoảng cách địa lý. Hoạt động kinh doanh dịch vụ Ngân hàng điện tử trong năm 2016 đã

đạt kế hoạch đề ra, cụ thể: số lượng khách hàng tăng 14% và lợi nhuận tăng 44% so với năm 2015.

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo tính an toàn bảo mật cũng như tạo sự an tâm cho khách hàng trong giao dịch ngân hàng điện tử, Eximbank đã triển khai áp dụng các hình thức xác thực tiên tiến trên thế giới

để thực hiện giao dịch qua kênh Internet Banking, Mobile Banking.

Đồng thời, song song với việc không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ Ngân hàng điện tử, trong năm 2016, Eximbank đã xây dựng nhiều chương trình chăm sóc khách hàng, khuyến mãi và đẩy mạnh tiếp thị, quảng bá sản phẩm nhằm thu hút khách hàng đăng ký và sử dụng dịch vụ, cụ thể gồm: “Nạp tiền ngày vàng – rộn ràng quà tặng”, “Eximbank giảm 30% khi thanh toán cước truyền hình qua Payoo”, “Ebanking – 90 ngày tăng trưởng khách hàng doanh nghiệp”, “Tỷ giá ưu đãi cùng Internet Banking”,...



KINH DOANH VỐN

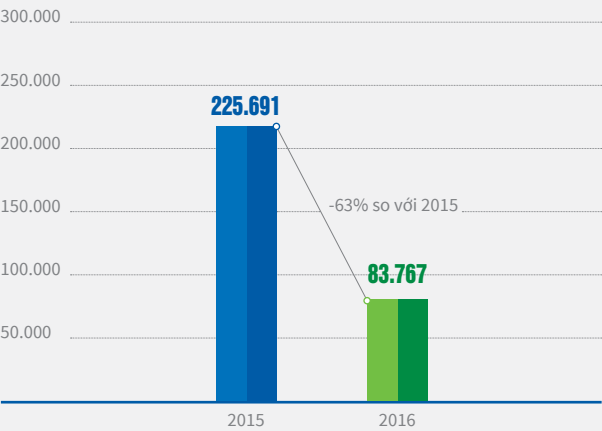
Thực hiện tinh thần chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước là tăng cường năng lực tài chính, chất lượng tài sản và cải thiện vững chắc khả năng thanh khoản, trong năm 2016 Eximbank đã tăng cường huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư giảm mạnh huy động vốn từ thị trường liên ngân hàng.

Với định hướng tăng tính an toàn trong hoạt động và tuân thủ các chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng Nhà nước, Khối Kinh doanh Tiền tệ Eximbank đã chuyển dịch từ vai trò kinh doanh sang vai trò chủ đạo là cân đối sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo thanh khoản toàn hệ thống.

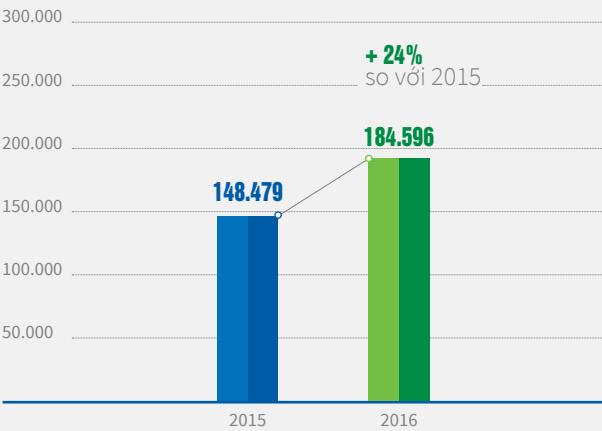


QUY MÔ GIAO DỊCH VỐN LIÊN NGÂN HÀNG TRONG NĂM 2016

Doanh số Nhận/Vay
(ĐVT: tỷ VNĐ)



Doanh số Gửi/Cho vay
(ĐVT: tỷ VNĐ)



Doanh số	2016	2015	Tăng giảm so với 2015
Nhận/Vay	83.767	225.691	-63%
Gửi/Cho vay	184.596	148.479	24%

KINH DOANH NGOẠI TỆ

Năm 2016 là một năm hết sức biến động của thị trường ngoại hối thế giới với những sự kiện lớn đã diễn ra theo chiều hướng rất bất ngờ so với phần lớn những dự báo trước đó: Brexit – Người dân Anh đã quyết định chọn rời khỏi liên minh Châu Âu, Ông Donald Trump đắc cử tổng thống Mỹ... Tuy nhiên, trái với những diễn biến khó lường trên thị trường thế giới, thị trường ngoại hối trong nước lại trải qua 1 năm tương đối ổn định, Ngân hàng nhà nước đạt được hầu hết các mục tiêu trong việc điều hành thị trường ngoại hối (ổn định tỷ giá, tăng dự trữ ngoại tệ...). Chính sự lệch pha này lại tạo ra nhiều khó khăn, thách thức nhưng đồng thời cũng đem

lại không ít cơ hội cho mảng kinh doanh ngoại tệ của Eximbank. Với việc chủ động chuẩn bị về các mặt như:



Nhân sự (thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, các lớp nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kinh doanh của toàn hệ thống, đưa ra cơ chế KPI đối với kinh doanh ngoại tệ để khuyến khích đội ngũ bán hàng tăng doanh số);



Sản phẩm (liên tục cập nhật, phát triển tiện ích của các sản phẩm liên quan đến kinh doanh ngoại tệ nhằm mục đích phục vụ tốt nhất nhu cầu đa dạng của các nhóm đối tượng khách hàng);

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Eximbank trong năm 2016 theo đó đã đạt được những kết quả rất khả quan: Doanh số kinh doanh ngoại tệ với khách hàng doanh nghiệp và cá nhân đạt gần 8 tỷ USD (tăng trên 18% so với năm 2015 và gần đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra); Lợi nhuận thuần thu được từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ cũng có sự tăng trưởng rất khả quan trong năm 2016.



KINH DOANH VÀNG

Năm 2016, thị trường vàng chứng kiến 2 sự kiện tác động mạnh đến giá vàng, đó là cuộc bỏ phiếu trưng cầu dân ý để nước Anh rời khỏi EU vào cuối tháng 6 (Brexit) và cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ hồi đầu tháng 11. Tại thị trường trong nước, giá vàng biến động mạnh thu hút nhiều nhà đầu tư tham gia thị trường.

Lấy phương châm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng làm mục tiêu hàng đầu, Eximbank đã xây dựng mạng lưới Chi Nhánh, Phòng Giao Dịch mua bán vàng miếng rộng khắp, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ bán hàng, cung cấp thêm tiện ích cho khách hàng. Nhờ đó, thị phần vàng miếng của Eximbank ngày càng được mở rộng và hiện đang chiếm thị phần lớn nhất về vàng miếng SJC trong cả nước. Nhờ đó, thị phần Eximbank được mở rộng và hiện đang chiếm thị phần lớn nhất trong cả nước.



PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG KHÁCH HÀNG

TỔNG SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG
ĐẾN CUỐI NĂM 2016 **1.136.686**
TĂNG 7,4% SO VỚI ĐẦU NĂM
(TƯƠNG ĐƯƠNG 78.508 KHÁCH HÀNG),
TRONG ĐÓ:

- ❖ Khách hàng cá nhân đạt 1.085.687 khách hàng, tăng 7,4% so với đầu năm (tương đương 74.639 khách hàng).
- ❖ Khách hàng doanh nghiệp đạt 50.999 khách hàng, tăng 8,2% so với đầu năm (tương đương 3.869 khách hàng).

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Giá trị ghi sổ danh mục đầu tư:

ĐVT: tỷ đồng

	31/12/2016	31/12/2015
Trái phiếu	21.574	20.101
Trái phiếu Chính phủ	9.455	4.073
Trái phiếu Tổ chức Tín dụng	3.500	4.600
Trái phiếu Doanh nghiệp	1.590	5.198
Cổ phiếu	1.972	2.066

Số dư trái phiếu năm 2016 tăng 7,3% so với cuối năm 2015:

- ❖ Trái phiếu Chính phủ: phục vụ nhu cầu thanh khoản và mục tiêu kinh doanh của Eximbank. Trong năm 2016 danh mục trái phiếu Chính phủ đã tăng 132% so với năm 2015.
- ❖ Trái phiếu Tổ chức Tín dụng: trong năm 2016 không tăng đầu tư mới trái phiếu Tổ chức Tín dụng do ưu tiên vốn cho hoạt động tín dụng của hệ thống; trái phiếu Tổ chức Tín dụng trong năm 2016 giảm 1.100 tỷ đồng do trái phiếu đáo hạn.
- ❖ Trái phiếu Doanh nghiệp: trong năm trái phiếu Doanh nghiệp giảm 3.608 tỷ đồng do trái phiếu đáo hạn và thu hồi trước hạn các trái phiếu có rủi ro cao để tái đầu tư vào các dự án ít rủi ro khác. Số dư này chưa bao gồm trái phiếu VAMC.

Cổ phiếu: Năm 2016 tập trung thanh lý các khoản đầu tư cũ không có hiệu quả; không phát sinh đầu tư mới.



QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Eximbank luôn nỗ lực cung cấp dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt nhất về tư vấn, hỗ trợ giải đáp các thắc mắc, phản ánh về các sản phẩm dịch vụ, thái độ phục vụ của nhân viên đối với khách hàng.

Bên cạnh đó, trên cơ sở các dữ liệu thu thập từ các kênh tương tác với khách hàng như Tổng đài Call Center, khảo sát website,.. Eximbank đã điều chỉnh, cải tiến các chính sách, quy định các sản phẩm dịch vụ để đáp

ứng kỳ vọng của khách hàng kết hợp với các giải pháp tài chính đa dạng, chất lượng cao và các sản phẩm mang hàm lượng công nghệ cao.



QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2016

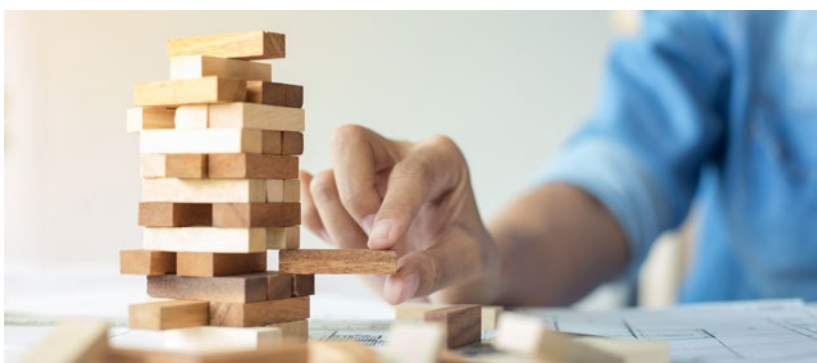




QUẢN TRỊ RỦI RO THANH KHOẢN

Thanh khoản là yếu tố quan trọng đối với các tổ chức tài chính. Hầu hết các thất bại của các tổ chức tài chính đã xảy ra phần lớn là do không đảm bảo khả năng thanh khoản của nó. Để ngăn ngừa và xử lý các vấn đề về rủi ro thanh khoản, Eximbank đã xây dựng một hệ thống các quy định, quy trình nội bộ đầy đủ, thận trọng về quản lý rủi ro thanh khoản bắt kịp với tiêu chuẩn chung của toàn ngành, tuân thủ các

quy định về quản lý khả năng chi trả, quy định tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng Nhà nước và phù hợp hoạt động đặc thù của Eximbank. Mô hình đánh giá sức chịu đựng (Stress-test) được Eximbank áp dụng nhằm phỏng đoán các trường hợp Ngân hàng đối mặt với các vấn đề về rủi ro thanh khoản theo đó đưa ra các phương án xử lý dự phòng tối ưu nhất.



QUẢN TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Quản lý rủi ro lãi suất

Để kịp thời ứng phó, xử lý với rủi ro lãi suất, Eximbank đã nghiên cứu, xây dựng triển khai mô hình quản lý rủi ro lãi suất: Chênh lệch kỳ hạn định lại giá của tài sản Có – tài sản Nợ (kỹ thuật GAP lãi suất), tỷ lệ nhạy cảm lãi suất (ISR), đánh giá rủi ro lãi suất theo phương pháp tính giá trị ròng đối với các hạng mục nhạy lãi (NPV). Eximbank sẽ tiếp tục nghiên cứu xây dựng nâng cao hệ thống quy định nội bộ trong đó có Quy định quản lý rủi ro lãi suất nhằm đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, tuân thủ các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước cũng như từng bước tiếp cận thông lệ quốc tế trong tương lai là Hiệp ước quốc tế Basel II.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Để quản lý rủi ro tỷ giá, Eximbank nghiên cứu xây dựng, ban hành các quy định về chính sách, hạn mức giao dịch, các công cụ đo lường và kiểm soát rủi ro ngoại hối tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của NHNN và pháp luật Việt Nam; đồng thời đưa ra các sản phẩm phái sinh với mục đích ngăn chặn và phòng ngừa các phát sinh.

Quản lý rủi ro giá đầu tư

Để quản lý rủi ro giá đầu tư, Eximbank đã triển khai các phương pháp đo lường, đánh giá danh mục đầu tư theo giá thị trường, thiết lập các giới hạn rủi ro giá đầu tư (hạn mức đầu tư chứng khoán, hạn mức dừng lỗ, mức trích lập dự phòng rủi ro...) phù hợp với mục tiêu và chiến lược kinh doanh của ngân hàng trong từng thời kỳ.



QUẢN TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG HAY TÁC NGHIỆP



Với mong muốn hội nhập và tiếp cận với mô hình quản trị rủi ro quốc tế (đặc biệt là Basel II), Eximbank đã và đang tích cực xây dựng và đầu tư các khung quản trị rủi ro và các mô hình hỗ trợ theo chuẩn quốc tế. Cụ thể trong năm 2016, Eximbank đã ban hành Chính sách quản lý rủi ro hoạt động và Quy trình thu thập dữ liệu sự kiện rủi ro hoạt động,

đầu năm 2017, Eximbank cũng đã ban hành Khẩu vị rủi ro hoạt động. Đây là tiền đề để Eximbank tiến hành rà soát việc thực hiện của đơn vị và đánh giá lại các chốt chặn, các khâu kiểm soát khi thực hiện nghiệp vụ; từ đó, hướng đến việc đánh giá và xếp hạng chi nhánh trên cơ sở rủi ro hoạt động và xây dựng công cụ giám sát các chỉ tiêu rủi ro hoạt động chính KRIs.

Các nội dung chính trong quản lý rủi ro hoạt động:

- ❖ Eximbank đã ban hành các quy định nội bộ và điều kiện để bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, cán bộ tín dụng trong khâu bổ nhiệm cán bộ, việc bổ nhiệm này chỉ được tập trung tại Hội sở; Chi nhánh, Khu vực không có thẩm quyền.
- ❖ Eximbank luôn xem xét đánh giá năng lực cán bộ của từng chi nhánh, phòng giao dịch để giao thẩm quyền phê duyệt tín dụng phù hợp;
- ❖ Tách bạch chức năng của cán bộ bán hàng và cán bộ thẩm định khoản vay theo quy trình tín dụng;
- ❖ Ban hành các quy định mới để quản trị rủi ro, nâng cao vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ...;
- ❖ Đã xây dựng cơ chế quản lý thẩm quyền phê duyệt giao dịch mới theo hướng tăng tính chủ động và trách nhiệm của đơn vị nhưng vẫn đảm bảo việc kiểm soát nội bộ;

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát sẽ được các Tổ KTKSNB tại đa số các chi nhánh thực hiện thường xuyên sau khi thực hiện nghiệp vụ nhằm hạn chế rủi ro như: nghiệp vụ tín dụng, thanh toán quốc tế, ngân quỹ, thẻ;

Eximbank đã xúc tiến xây dựng Trung tâm dữ liệu dự phòng tại Bình Dương và kế hoạch hoạt động liên tục khi có xảy ra sự cố như ứng phó về thanh khoản; ứng phó sự cố CNTT; xử lý khủng hoảng thông tin;

Eximbank đã ban hành các quy định, hướng dẫn quy trình thực hiện cho từng sản phẩm dịch vụ cụ thể, chú trọng công tác đào tạo nhân viên mới, đảm bảo kiểm tra, kiểm soát chéo trong các nghiệp vụ, xây dựng và quản lý các hạn mức phê duyệt trên các hệ thống giao dịch phù hợp với mô hình mới của hoạt động kinh doanh và giới hạn rủi ro; phát huy vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ;

Eximbank luôn chú trọng công tác thẩm định khách hàng, thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ đối với từng sản phẩm, cập nhật thông tin liên quan đến các rủi ro để cảnh báo hệ thống;

Quản lý rủi ro liên quan đến gian lận nội bộ



Quản lý rủi ro liên quan đến việc gián đoạn hoạt động và lỗi hệ thống CNTT

Quản lý rủi ro liên quan đến sản phẩm dịch vụ

Quản lý rủi ro liên quan đến gian lận bên ngoài

Quản lý rủi ro liên quan đến công tác rửa tiền



QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro lớn nhất cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng, do đó, quản lý rủi ro tín dụng là hoạt động được chú trọng và kiểm soát xuyên suốt từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đến các đơn vị trực tiếp kinh doanh.

Việc quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa, theo đó: trong năm 2016,

Nhằm thực hiện cam kết với các đối tác là các tổ chức nước ngoài, đồng thời, nâng cao hiệu quả của hệ thống phòng, chống rửa tiền, trong năm 2016, Eximbank đã ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ cung cấp danh sách đen của Accuity và tích hợp thành công các danh sách này vào hệ thống phòng, chống rửa tiền. Eximbank cũng đã triển khai công cụ tra cứu thông tin các đối tượng bị hạn chế giao dịch eNameCheck đến từng cán bộ, nhân viên, tạo sự thuận lợi khi thực hiện giao dịch nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống rửa tiền.

Eximbank tiếp tục duy trì thực hiện quản lý rủi ro tín dụng tập trung thông qua việc không tăng thẩm quyền cho các Chi nhánh, Phòng giao dịch; tiếp tục giao thẩm quyền cho các cấp tại Hội sở như Giám đốc khu vực, Ban tín dụng Trung tâm tín dụng, Ban tín dụng Hội sở, Hội đồng tín dụng Trung ương để phê duyệt các hồ sơ vượt thẩm quyền của Chi nhánh, Phòng giao dịch, ngoài ra, nhằm

đảm bảo nguyên tắc khách quan, minh bạch, việc giao thẩm quyền cho từng cấp phê duyệt, từng đơn vị kinh doanh được áp dụng theo các tiêu chí cụ thể và được đánh giá lại định kỳ hàng năm. Công tác xây dựng chính sách tín dụng, khẩu vị rủi ro, công tác theo dõi, báo cáo, kiểm soát được thực hiện thường xuyên, độc lập và tập trung tại Khối Giám sát hoạt động.

Hoạt động quản lý rủi ro tín dụng tại Eximbank được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định pháp luật khác có liên quan, và các quy định nội bộ của Eximbank;
2. Phân tán rủi ro, đa dạng hóa danh mục đầu tư trong hoạt động tín dụng;
3. Kiểm tra, kiểm soát chéo trong hoạt động tín dụng của Eximbank;
4. Tự chủ trong hoạt động cho vay và chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình; công khai, minh bạch, nhất quán trong tất cả các quy định cấp tín dụng;
5. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các giai đoạn của quá trình cấp tín dụng và được duy trì thường xuyên, liên tục;
6. Phân định trách nhiệm của từng bộ phận trong quá trình cấp tín dụng và quản lý tiền vay;
7. Thường xuyên rà soát các chính sách, quy định tín dụng để đánh giá lại tính đồng bộ và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.



TRONG NĂM 2016, NGOÀI VIỆC TIẾP TỤC TẬP TRUNG HOÀN THIỆN CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐỂ PHỤC VỤ CÔNG TÁC XÂY DỰNG HỆ THỐNG XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ, EXIMBANK CŨNG ĐANG TỪNG BƯỚC TRIỂN KHAI CHO KẾ HOẠCH ÁP DỤNG BASEL II THEO LỘ TRÌNH CỦA NHNN VÀO NĂM 2018-2020.

HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÓNG VAI TRÒ NÒNG CỐT TRONG QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN KINH DOANH VÀ ĐÁP ỨNG TUÂN THỦ CỦA MỘT NGÂN HÀNG HIỆN ĐẠI, LÀ CÔNG CỤ TẠO RA LỢI THẾ VÀ KHÁC BIỆT CỦA NGÂN HÀNG TRONG CẠNH TRANH TRÊN THỊ TRƯỜNG.

Nhận thức về tầm quan trọng của CNTT, Eximbank đã đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng, đầu tư trang bị các thiết bị hiện đại, thường xuyên nâng cấp hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh và tuân thủ của Ngân hàng.

Tiếp nối thành quả đạt được trong năm 2015, trong năm 2016 Eximbank đã tập trung nguồn lực để triển khai các dự án CNTT trọng tâm bao gồm dự án Trung tâm dữ liệu và các dự án khác để đáp ứng nhu cầu quản lý, tuân thủ và phát triển kinh doanh của Ngân hàng và đã đạt được các kết quả như sau:

Triển khai các dự án CNTT:

- ❖ Dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu: đã thi công xây dựng tòa nhà TTDL, lắp đặt xong hệ thống máy chủ và thực hiện di dời hệ thống máy chủ về TTDL mới tại Bình Dương.
- ❖ Ngoài các dự án CNTT trọng tâm, Eximbank đang triển khai các dự án khác và thực hiện công tác quản lý, bảo trì, phát triển hệ thống CNTT, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định và an toàn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Ngân hàng.

Tiếp tục duy trì sự ổn định trong vận hành đối với các hệ thống CNTT trọng yếu như Corebanking, hệ thống Thẻ, Internet Banking, Mobile Banking đã giúp Eximbank không chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh truyền thống mà còn cung cấp các dịch vụ mới cho khách hàng, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh của Ngân hàng.

Tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp kỹ thuật và các chính sách an toàn bảo mật cho hệ thống CNTT, thực hiện công tác quản trị và giám sát vận hành hệ thống mạng, bảo mật đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn.

Tiếp tục hoàn thiện quy trình nội bộ về CNTT để nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Trong năm 2016 Eximbank đã tiếp tục ban hành các quy định, quy trình quan trọng để

đáp ứng các thông tư mới của Ngân hàng nhà nước về an toàn bảo mật hệ thống CNTT và hệ thống thanh toán, hệ thống thẻ,...

Đồng bộ với chiến lược kinh doanh tập trung vào hoạt động bán lẻ, Eximbank hướng hoạt động CNTT tập trung vào hỗ trợ phát triển kinh doanh bán lẻ, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng điện tử.

Trong năm 2017, Eximbank tiếp tục phát triển hệ thống CNTT theo định hướng như sau:

- ❖ Tiếp tục triển khai dự án quản lý quy nghiệp vụ thanh toán quốc tế tập trung, dự án hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ.
- ❖ Triển khai các dự án Thẻ và các dự án phát triển kinh doanh để tiếp tục cung cấp các sản phẩm dịch vụ mới về Thẻ, Ngân hàng điện tử theo chiến lược bán lẻ của Ngân hàng.
- ❖ Triển khai các dự án về an toàn bảo mật hệ thống CNTT nhằm kiện toàn hệ thống an toàn bảo mật về kỹ thuật, bảo vệ hạ tầng công nghệ trước nguy cơ tấn công tội phạm công nghệ cao.
- ❖ Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chuẩn hóa quy trình nội bộ liên quan đến hệ thống CNTT để nâng cao hiệu quả công tác quản lý và nâng cao tính minh bạch trong các hoạt động quản lý hệ thống CNTT của Eximbank.

HỢP TÁC VỚI CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC NƯỚC NGOÀI

Với cam kết đầu tư lâu dài vào thị trường Việt Nam, SMBC đã luôn đồng hành và hỗ trợ Eximbank về nguồn vốn, hỗ trợ về giáo dục đào tạo, giúp tăng năng lực quản trị rủi ro, quản trị doanh nghiệp. Nhằm phát huy thế mạnh của mỗi bên, SMBC và Eximbank đã thiết lập các cơ chế kết nối doanh nghiệp Việt Nam – Nhật Bản, giới

thiệu đối tác và cung ứng dịch vụ tài chính cho khách hàng của nhau. Ngoài ra, SMBC cũng biệt phái và cử nhiều cán bộ qua công tác tại Eximbank để cùng Eximbank phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, nghiên cứu cải tiến các sản phẩm, đặc biệt là xây dựng và triển khai kế hoạch Tái cấu trúc và chiến lược của Eximbank cho giai đoạn 2016 – 2020.

QUAN HỆ QUỐC TẾ

Năm 2016, với những yếu tố không thuận lợi liên quan đến ngân hàng, hoạt động quan hệ quốc tế tập trung vào việc duy trì và quản lý tốt quan hệ với những ngân hàng đại lý, đối tác quốc tế hiện hữu của Eximbank thông qua việc chủ động tiếp xúc đối tác nhằm cập nhật, chia sẻ thông tin, thảo luận các cơ hội tăng cường hợp tác, hỗ trợ tốt hơn nhu cầu giao dịch quốc tế của khách hàng. Nhờ vậy, các hợp tác, tiện ích, hỗ trợ về nhiều mặt như nghiệp vụ, thông tin, đào tạo... ngày càng được mở rộng.

Song song đó, đi cùng quá trình tái cơ cấu nội bộ của ngân hàng, yếu tố chất lượng chuyên môn của đội ngũ nhân sự cần được cải thiện hơn nữa. Vì lẽ đó, Eximbank thời gian qua đã phối hợp với các ngân hàng đại lý chính yếu của mình thực hiện các buổi đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên liên quan, góp phần đem lại chất lượng thanh toán quốc sắ cho Eximbank như ghi nhận bởi các ngân hàng hàng đầu thế giới như JPMorgan Chase, Bank of New York Mellon,...

Ngoài ra bên cạnh các trao đổi, đàm phán song phương, năm qua Eximbank cũng tích cực tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế hàng đầu trên thế giới cũng như khu vực của ngành tài chính ngân hàng như: Hội nghị thường niên Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Hội nghị thường niên Hiệp hội Ngân hàng Châu Á, Hội nghị Sibos 2016..., nhằm quảng bá tốt thương hiệu Eximbank đến cộng đồng tài chính ngân hàng thế giới, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới với những đối tác hiện hữu cũng như tiềm năng.

VỚI NHỮNG NỖ LỰC TRONG THỜI GIAN QUA CÙNG QUAN HỆ ĐẠI LÝ VỚI GẦN 900 NGÂN HÀNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG TẠI GẦN 80 QUỐC GIA TRÊN TOÀN THẾ GIỚI, EXIMBANK SẼ TIẾP TỤC TĂNG CƯỜNG HƠN NỮA HOẠT ĐỘNG QUỐC TẾ CỦA MÌNH ĐỂ NGÀY CÀNG KHẲNG ĐỊNH VÀ NÂNG CAO VỊ THẾ, THƯƠNG HIỆU EXIMBANK.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

thiện sự tương tác, đồng nhất thông tin giữa các đơn vị nội bộ. Cụ thể Eximbank phát động chương trình thi đua chất lượng dịch vụ giữa các đơn vị trong hệ thống nhằm động viên khuyến khích các đơn vị nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và làm cơ sở cho việc đánh giá xếp loại các đơn vị hàng năm. Tổ chức khảo sát làm việc với các tập đoàn, công ty uy tín hàng đầu trong và ngoài nước đối với việc thiết kế, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng.

Nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên có liên quan, **“Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Eximbank”** được xây dựng và tuyên truyền cho Cán bộ Nhân viên Eximbank hiểu rõ, nắm vững và thực hiện.

Đồng hành với việc nâng cao các giải pháp chính sách chăm sóc khách hàng, Eximbank cũng nâng cao hoàn



LẤY PHƯƠNG CHÂM KHÁCH HÀNG LÀ TRÊN HẾT, TỪ CÁC KÊNH TƯƠNG TÁC VỚI KHÁCH HÀNG, EXIMBANK CŨNG TỔNG HỢP THÀNH CÁC BÀI HỌC TÌNH HUỐNG, PHỔ BIẾN CHO CÁC GIAO DỊCH VIÊN TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRONG HỆ THỐNG THAM KHẢO VÀ CÓ GIẢI PHÁP XỬ LÝ PHÙ HỢP ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU TIÊU CHUẨN VỀ ĐẠO ĐỨC KINH DOANH VÀ TÍNH MINH BẠCH.

KẾ HOẠCH

KINH DOANH NĂM 2017

TRONG NĂM 2017, TRONG ĐIỀU KIỆN CẠNH TRANH VỀ LÃI SUẤT CHO VAY GIỮA CÁC NGÂN HÀNG RẤT GAY GẮT, VIỆC TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG TRONG NĂM 2017, EXIMBANK XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2017:



TỔNG TÀI SẢN

150.000 TỶ ĐỒNG
TĂNG 16% SO VỚI NĂM 2016



HUY ĐỘNG VỐN TỪ THỊ TRƯỜNG 1

120.000 TỶ ĐỒNG
TĂNG 17% SO VỚI NĂM 2016



DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG

108.875 TỶ ĐỒNG
TĂNG 14% SO VỚI NĂM 2016



TỶ LỆ NỢ XẤU/TỔNG DƯ NỢ

<3%



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

600 TỶ ĐỒNG
TĂNG 60% SO VỚI NĂM 2016

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

**ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ
CỦA EXIMBANK PHẦN
LỚN CÓ TRÌNH ĐỘ
CHUYÊN MÔN NGHIỆP
VỤ CAO, VỮNG VÀNG;
CÓ THÂM NIÊN NHIỀU
NĂM TRONG NGÀNH TÀI
CHÍNH - NGÂN HÀNG,
BẢN LĨNH NGHỀ NGHIỆP
VÀ TÂM HUYẾT VỚI SỰ
NGHIỆP PHÁT TRIỂN
EXIMBANK**



Tổng số nhân sự của Eximbank tính đến ngày 31/12/2016 là 5.916 người, giảm 323 người (tương đương 5%) so với cuối năm 2015. Việc giảm nhân sự chủ yếu là do hạn chế tăng nhân sự tại các bộ phận hỗ trợ nên không tuyển bổ sung khi có nhân sự chấm dứt hợp đồng lao động để tăng năng suất lao động, tuy nhiên vẫn đẩy mạnh phát triển lực

lượng bán hàng để tăng nhân sự cho kênh phân phối tại các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống.

Đội ngũ nhân sự của Eximbank phần lớn có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, vững vàng (với 79% nhân sự có trình độ từ Đại học trở lên); có thâm niên nhiều năm trong ngành Tài chính - Ngân hàng, bản lĩnh nghề

ngiệp và tâm huyết với sự nghiệp phát triển Eximbank (với 80,4% nhân sự có từ 02 năm kinh nghiệm tại Eximbank). Súc trẻ, sự năng động, sáng tạo, nhiệt huyết và được đào tạo đúng chuyên ngành của đội ngũ nhân lực là một trong những điều kiện tiên quyết, thuận lợi cho sự ổn định và phát triển của Eximbank hiện nay và trong tương lai.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Tiếp nối truyền thống từ những ngày đầu thành lập đến nay, trong năm 2016 Eximbank tiếp tục thực hiện và khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia, đóng góp vào các hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội

như: chương trình “Cùng chia sẻ trao yêu thương” đã thăm và trao tặng quà cho đồng bào Miền Trung bị lũ lụt, trao quà tết cho bà con nghèo tại Đồng Nai,...; chương trình “Đêm hội trăng rằm” trao quà trung thu cho trẻ em nghèo tại Bạc Liêu,...; Chương

trình thăm và tặng quà cho mẹ Việt Nam anh hùng tại Quảng Nam,...; Chương trình quyên góp hỗ trợ cho đồng nghiệp Eximbank bị hỏa hoạn thiêu rụi nhà cửa; Chương trình tài trợ học bổng cho sinh viên các Trường Đại học,.....

**TẬP
TRUNG MỌI
ƯU TIÊN ĐỂ KIẾN TOÀN
BỘ MÁY QUẢN TRỊ, ĐIỀU
HÀNH, HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ
CHỨC NHẪM TĂNG CƯỜNG HIỆU
QUẢ QUẢN LÝ VÀ HIỆU QUẢ HOẠT
ĐỘNG, THIẾT LẬP TRỤ CỘT ĐẶC
BIỆT ĐỂ TẬP TRUNG PHÁT
TRIỂN THỂ MẠNH
CỦA EXIMBANK**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

- 72 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng.
74 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành.
75 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.

VỀ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

Năm 2016 vừa qua là một năm thách thức cho hoạt động của HĐQT Eximbank bởi những thông tin bất lợi trên thị trường.

HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ Eximbank và các quy định pháp luật có liên quan. HĐQT đã tổ chức 25 phiên họp và 173 lần lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đã thông qua các nội

dung gồm bổ nhiệm nhân sự, chế độ cho cán bộ nhân viên, quy trình, quy chế nội bộ, các chủ trương liên quan hoạt động kinh doanh, đầu tư tài chính, xử lý nợ, xử lý tài sản, quản trị rủi ro... làm cơ sở cho Ban điều hành triển khai thực hiện. Ngoài ra, HĐQT cũng đã giải quyết tồn đọng trong quá khứ về tài chính, xử lý các kiến nghị của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, của cổ đông, tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên.

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong bối cảnh khó khăn và nhiều thông tin bất lợi trên thị trường như cổ phiếu EIB bị đưa vào diện cảnh báo từ 08/4/2016 theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM do lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2014 và

31/12/2015 bị điều chỉnh hồi tố, HĐQT cùng với Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên đã nỗ lực vượt qua thách thức, duy trì hoạt động của Ngân hàng ổn định, an toàn và tăng trưởng.

Kết quả một số chỉ tiêu chính đến 31/12/2016 như sau:

128.802 TỶ ĐỒNG
TỔNG TÀI SẢN, TĂNG 3% SO VỚI NĂM 2015

102.351 TỶ ĐỒNG
HUY ĐỘNG TỪ TỔ CHỨC KINH TẾ VÀ DÂN CƯ,
TĂNG 4% SO VỚI NĂM 2015

86.891 TỶ ĐỒNG
DƯ NỢ CHO VAY, TĂNG 2,5% SO VỚI NĂM 2015

95.511 TỶ ĐỒNG
TỔNG DƯ NỢ, GIẢM 0,7% SO VỚI NĂM 2015(*)

2,95%
NỢ XẤU (NHÓM 3 ĐẾN NHÓM 5)
TRÊN TỔNG DƯ NỢ, TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC.

(*) Dư nợ tín dụng năm 2016 thực tế có tăng trưởng. Tuy nhiên, do Eximbank chủ động thu hồi trên 3.500 tỷ đồng đối với các khoản cho vay và trái phiếu doanh nghiệp có khả năng rủi ro và phải thu hồi khoảng 3.500 tỷ đồng dư nợ theo Kết luận thanh tra của Ngân hàng Nhà nước nên tổng dư nợ tín dụng năm 2016 giảm 0,7% so với năm 2015.

LỢI NHUẬN NĂM 2016 ĐÃ TĂNG TRƯỞNG NHIỀU SO VỚI NĂM 2014 VÀ NĂM 2015, MẶC DÙ EXIMBANK VẪN CÒN BỊ ẢNH HƯỞNG CỦA NỢ XẤU VÀ PHẢI TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG LÀ 1.089 TỶ ĐỒNG. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016 SAU KHI XỬ LÝ TỒN ĐONG TÀI CHÍNH VÀ TRƯỚC CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG ĐẠT 1.480 TỶ ĐỒNG, LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ NĂM 2016 CÒN LẠI 391 TỶ ĐỒNG.

VỀ TỔ CHỨC ĐHĐCĐ EXIMBANK NĂM 2016

NĂM 2016, HĐQT ĐÃ THÔNG QUA ĐỊNH HƯỚNG TÁI CẤU TRÚC NGÂN HÀNG VỚI TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA EXIMBANK MỚI.

Phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 được triệu tập vào ngày 29/04/2016 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Điều lệ Eximbank do tổng số cổ đông dự họp đại diện thấp hơn 65% tổng số cổ phần có quyền

biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 29/3/2016.

Phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 lần thứ hai vào ngày 24/05/2016 được tiến hành với đủ số đại biểu tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo Khoản 2, Điều 33 của Điều lệ Eximbank. Tuy nhiên, ĐHĐCĐ đã kéo dài hơn dự kiến vì một số cổ đông không giữ trật tự khi cuộc họp đang diễn ra, và các nội dung còn lại của chương trình chưa kết thúc trong khi Eximbank phải trả lại phòng họp cho Khách sạn InterContinental Asiana Saigon để Khách sạn chuẩn bị công tác đón phái đoàn Tổng thống Hoa Kỳ sang thăm Việt Nam. ĐHĐCĐ thường niên Eximbank năm 2016 lần 2 đã bế mạc mà không thông qua được Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Phiên họp ĐHĐCĐ bất thường Eximbank năm 2016 dự kiến tổ chức ngày 02/8/2016 đã bị hoãn vì ngày 29/7/2016 Ngân hàng Nhà nước có chỉ đạo Eximbank kiểm tra, rà soát một số thông tin liên quan đến quyền đề cử, ứng cử của các nhóm cổ đông, và báo cáo Ngân hàng Nhà nước trước khi Ngân hàng Nhà nước phê duyệt nhân sự ứng cử để bầu bổ sung vào Hội đồng Quản trị Eximbank.

Đến cuối năm 2016, sau khi cân nhắc các khả năng thành công của ĐHĐCĐ bất thường trong khi chưa được chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về nhân sự dự kiến bầu bổ sung vào HĐQT, HĐQT đã quyết định gộp các nội dung dự kiến trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 vào nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.

TẦM NHÌN

EXIMBANK TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM DẪN ĐẦU BỞI TÍNH CHUYÊN NGHIỆP VÀ LIÊM CHÍNH

SỨ MỆNH

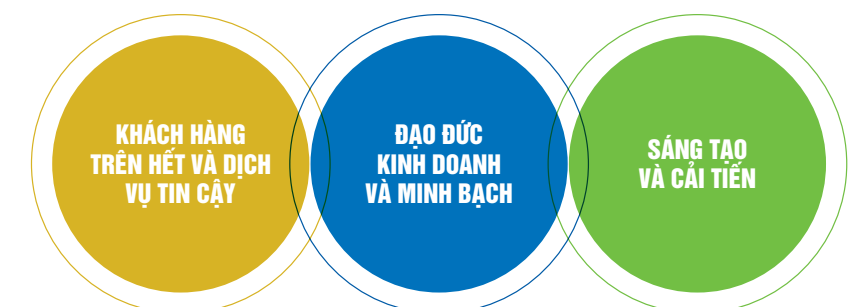
Đáp ứng kỳ vọng khách hàng bằng việc cung cấp dịch vụ và giải pháp tài chính với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm.

Tạo môi trường làm việc nhằm khuyến khích và khen thưởng cho những nhân viên có năng lực và nhiệt huyết.

Cung cấp giải pháp tài chính và sản phẩm đa dạng, chất lượng cao, ứng dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến.

Tối ưu hóa giá trị cho tất cả các bên liên quan bao gồm khách hàng, cổ đông, nhân viên và cộng đồng thông qua tăng trưởng ổn định trong hoạt động kinh doanh.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



HĐQT CŨNG ĐÃ BAN HÀNH BỘ QUY TẮC VỀ CHUẨN MỰC ỨNG XỬ CỦA EXIMBANK NHẪM CHUẨN HÓA NGUYÊN TẮC ỨNG XỬ VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA CÁC CẤP TRONG HỆ THỐNG, PHÙ HỢP NỘI DUNG “TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI” CỦA EXIMBANK MỚI.



Trong năm 2016, HĐQT đã miễn nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc và bổ nhiệm mới 01 Phó Tổng giám đốc. Vào tháng 4/2016, HĐQT đã bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc, là người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng. Hiện nay, Ban điều hành gồm 01 thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc và 14 Phó Tổng giám đốc. Đây là một trong những nội dung mà HĐQT dự kiến sẽ hoàn thiện mô hình tổ chức trong thời gian tới.

Kết quả kinh doanh năm 2016 mặc dù chưa đạt kỳ vọng của cổ đông và của HĐQT nhưng là kết quả đáng ghi nhận của Ban điều hành trong việc thực hiện những chỉ đạo từ Hội đồng quản trị, giữ được nền tảng

khách hàng và duy trì hoạt động kinh doanh ổn định trước nhiều áp lực. Ban điều hành cũng đã phân tích thực trạng tại Eximbank, thực hiện các giải pháp tình thế, và tăng trưởng tín dụng.

VỚI SỰ CHỈ ĐẠO CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH TỪNG BƯỚC ĐIỀU CHỈNH, TÁI CƠ CẤU MỘT SỐ BỘ PHẬN, CHỨC NĂNG TRONG NGÂN HÀNG PHÙ HỢP NHU CẦU KINH DOANH VÀ ĐỊNH HƯỚNG TÁI CẤU TRÚC EXIMBANK MỚI.

Năm 2016 với nhiều thách thức đã qua và kết quả đạt được còn rất khiêm tốn. Bước sang năm 2017, với những giá trị cốt lõi mà Eximbank đã xác định gồm khách hàng là trên hết và dịch vụ tin cậy, đạo đức kinh doanh và minh bạch, sáng tạo và cải tiến sẽ là nền tảng cho Eximbank hoàn thành sứ mệnh và

hiện thực hóa tầm nhìn trở thành ngân hàng thương mại chất lượng hàng đầu tại Việt Nam dẫn đầu bởi tính chuyên nghiệp và liêm chính trong một tương lai không xa. Với định hướng như thế, kế hoạch hành động cụ thể của HĐQT trong năm 2017 được triển khai như sau:

- 1 Thực hiện các nghĩa vụ của HĐQT theo Điều lệ Eximbank và pháp luật quy định trong từng thời kỳ.
- 2 Rà soát và cập nhật điều lệ Ngân hàng.
- 3 Chỉ đạo xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ.
- 4 Tái cấu trúc toàn diện các mảng hoạt động trong ngân hàng thông qua định hướng, chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát việc triển khai tái cấu trúc theo đề án của Ban quản lý dự án "New Eximbank" bao gồm:
 - ❖ Tổ chức lại cơ cấu HĐQT, rà soát và đánh giá số lượng và hoạt động thực tế của Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT nhằm tối ưu hóa chức năng tham mưu của các đơn vị này đối với HĐQT.
 - ❖ Rà soát, sắp xếp, bổ nhiệm, bãi nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT, thực hiện trong năm 2017 và các năm tiếp theo tùy theo tình hình thực tế.
 - ❖ Tái cơ cấu các khối kinh doanh: Nguồn vốn (Treasury), Doanh nghiệp, Cá nhân theo hướng phát huy vai trò điều hành của các Khối trong việc hoạch định, phân bổ chỉ tiêu đến Chi nhánh, Phòng giao dịch theo từng mảng hoạt động của ngân hàng và chỉ đạo các đơn vị kinh doanh triển khai kế hoạch, đạt mục tiêu được giao.
 - ❖ Tập trung các bộ phận tác nghiệp, hỗ trợ để tạo thành một khối vận hành.
 - ❖ Chỉ đạo đánh giá hiệu suất làm việc của nhân viên thông qua nghiên cứu và áp dụng bộ Chỉ số đo lường hiệu suất công việc (KPI) và Chương trình đánh giá hiệu suất (PEP), xây dựng chế độ đãi ngộ để thu hút và phát triển nhân sự tốt.
 - ❖ Thiết lập trụ cột đặc biệt để tập trung phát triển thế mạnh của Eximbank là tài trợ thương mại và thanh toán.
 - ❖ Hoàn thiện mô hình tổ chức, quyết định cơ cấu tổ chức tại Hội sở và đơn vị kinh doanh để tăng hiệu quả quản lý và hiệu quả hoạt động, đảm bảo sự kết nối xuyên suốt từ Hội sở đến chi nhánh, phòng giao dịch..
- 5 Định hướng, chỉ đạo và giám sát kết quả thực hiện của Ban điều hành liên quan đến kế hoạch kinh doanh hàng năm phù hợp mục tiêu và lộ trình của đề án Tái cấu trúc và chiến lược Eximbank, chú trọng chất lượng tổng tài sản, không chạy theo quy mô, không vận dụng sai quy định để nâng kết quả lợi nhuận.
- 6 Hỗ trợ Ban điều hành tích cực xử lý nợ xấu, nợ có vấn đề phải thu hồi trước hạn để giữ tỷ lệ nợ quá hạn ở mức an toàn cho phép (3%).
- 7 Tiếp tục giải quyết các vấn đề tồn đọng về tài chính bao gồm nợ và tài sản.
- 8 Chỉ đạo triển khai phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo chuẩn Basel II tại Eximbank, phù hợp tiêu chí và lộ trình theo quy định.
- 9 Xây dựng thương hiệu, hình ảnh Eximbank theo hướng dễ nhận diện, thân thiện, bài bản và chuyên nghiệp.
- 10 Thông qua kế hoạch đầu tư nâng cấp và phát triển mới hệ thống ATM phù hợp chiến lược mở rộng mạng lưới.
- 11 Tìm kiếm đối tác chiến lược liên doanh xây dựng trụ sở tại số 7 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi được ĐHCĐ thông qua chủ trương.
- 12 Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi hệ thống Corebanking để hiện đại hóa công nghệ ngân hàng.



**BƯỚC
SANG NĂM
2017, VỚI MỘT TÂM
NHÌN MỚI, MỘT ĐỊNH
HƯỚNG MỚI ĐƯỢC VẬN HÀNH
TRÊN NỀN TẢNG MINH BẠCH
VÀ HƯỚNG ĐẾN KHÁCH HÀNG,
EXIMBANK SẼ TỪNG BƯỚC
PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH
VÀ BỀN VỮNG.**

QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

- 78 Giới thiệu Hội đồng Quản trị.
- 81 Hoạt động của Hội đồng Quản trị.
- 82 Hoạt động của các Hội đồng/Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị.
- 84 Giới thiệu Ban Kiểm soát.
- 86 Hoạt động của Ban Kiểm soát.
- 88 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành.



Ông LÊ MINH QUỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thành viên HĐQT độc lập

Ông Lê Minh Quốc sinh năm 1951. Quốc tịch Việt Nam và Canada. Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Thụy Sĩ. Ông từng là Nhân viên, Chuyên viên, Trưởng phòng, Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng BNP Canada tại Canada; Giám đốc phụ trách Tài trợ Thương mại vùng Châu Á, Úc và Ấn Độ - Ngân hàng Banque Nationale de Paris tại Pháp; Giám đốc phụ trách Tài trợ Thương mại vùng Châu Á, Úc và Ấn Độ - Ngân hàng BNP Paribas tại Singapore; Giám đốc điều hành BNP Paribas tại Đài Loan; Tổng Giám đốc BNP Paribas Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc, Phó Trưởng Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Phương Đông. Hiện nay, ông là Chủ tịch và Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Eximbank.

Ông LÊ VĂN QUYẾT

Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Quyết sinh năm 1961 tại Việt Nam. Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và có bằng Cao cấp Lý luận Chính trị. Ông từng giữ nhiều chức vụ tại NHNN tỉnh Đồng Nai như nhân viên, Phó Trưởng phòng - Phòng Lưu thông Tiền tệ, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng - Phòng Tổng hợp và Phân tích Kinh tế; Tại Vietcombank Đồng Nai, ông từng là nhân viên, Phó trưởng phòng - Phòng Thanh toán Quốc tế, Phó trưởng phòng - Phòng Tín dụng, Trưởng phòng - Phòng Tổng hợp và Thẩm định, Phó Giám đốc, Giám đốc; Giám đốc Vietcombank Biên Hòa. Hiện nay, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Eximbank.

Ông NGÔ THANH TÙNG

Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Thanh Tùng sinh năm 1969 tại Việt Nam. Cử nhân Luật, Chứng chỉ Quản trị và Lãnh đạo của Mỹ, Thạc sĩ Luật tại Mỹ, Nghiên cứu sinh Tiến sĩ tại Mỹ. Ông từng giữ nhiều chức vụ như Cố vấn Pháp luật - Giám đốc điều hành Văn phòng luật sư Hồng Đức; Thành viên Đoàn luật sư Tp.HCM - Liên đoàn Luật sư Tp.Hồ Chí Minh; Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Liên doanh Khách sạn Grand Imperial Saigon (Parkhyatt Hotel Saigon); Chủ tịch Hội đồng Điều hành, Thành viên cao cấp Hội đồng Điều hành - Công ty Luật TNHH Quốc tế Việt Nam (VILAF - Hồng Đức); Giảng viên thỉnh giảng - Học viện Tư pháp; Thành viên cố vấn nước ngoài Đoàn luật sư Bang Washington, Hoa Kỳ (Washington Bar Association); Hội đồng Cố vấn doanh nghiệp - UNICEF Việt Nam; Thành viên - Hiệp hội Luật sư tranh tụng Quốc tế (International Association of Defense counsel "IADC"). Hiện nay, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.

Ông ĐẶNG ANH MAI

Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Anh Mai sinh năm 1966. Thạc sĩ tại Đại học Duke - Hoa Kỳ. Ông từng giữ các chức vụ: Chuyên viên Vụ hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Phó trưởng Phòng Vụ hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Trưởng Phòng Vụ Hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Chuyên gia World Bank tại Hoa Kỳ; Trưởng Phòng Vụ Hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước. Hiện nay, ông là thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.

Ông HOÀNG TUẤN KHẢI

Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Tuấn Khải sinh năm 1962 tại Hà Nội. Tốt nghiệp Đại học Ngoại thương chuyên ngành Kinh tế Ngoại thương và học quản lý Kinh tế tại Hà Lan. Ông từng giữ các chức vụ: Phó Giám đốc Công ty XNK Tổng hợp I, Giám đốc Công ty XNK Tổng hợp I. Hiện ông đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I, đại diện phần vốn góp của Eximbank và là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex.



Ông **NGUYỄN QUANG THÔNG**
Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Thông sinh năm 1963 tại Kiên Giang.

Ông là Cử nhân Kinh tế.

Ông từng giữ các chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát Eximbank, thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank. Hiện ông đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank, đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Bảo hiểm Bảo Long và là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long.

Ông **NAOKI NISHIZAWA**
Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Naoki Nishizawa sinh năm 1957, quốc tịch Nhật Bản.

Ông là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Harvard, Cử nhân Luật Đại học Kyoto.

Ông là đại diện đối tác chiến lược Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) tại Eximbank. Ông từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Khối ngân hàng Doanh nghiệp Tokyo, SMBC, Tokyo, Nhật Bản; Phó Giám đốc cấp cao và Phó Giám đốc Điều hành Khối ngân hàng Nhật Bản - Châu Á, Phó Giám đốc Điều hành Phòng Kế hoạch Ngân hàng Manufacturers Bank, Los Angeles, Hoa Kỳ; Phó Giám đốc Điều hành phòng Kế hoạch Ngân hàng SMBC, Tokyo, Nhật Bản. Hiện nay ông đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.

Ông **YASUHIRO SAITOH**
Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Yasuhiro Saitoh sinh năm 1961, quốc tịch Nhật Bản.

Ông là Cử nhân Khoa học tại Nhật Bản; Cử nhân Chuyên ngành Nhân học văn hóa, chuyên ngành phụ: Kinh tế toàn cầu tại Nhật Bản; Cử nhân Khoa học - Chuyên ngành Nhân học văn hóa tại Pháp.

Ông đã từng là Nhân viên Marketing - Ngân hàng Mitsui Bank Ltd; Phó Tổng Giám đốc - AVP, Tập đoàn Đầu tư Thu nhập cố định toàn cầu, Khối Giao dịch Thị trường Vốn (Tokyo); Phó Tổng Giám đốc cấp cao, Giám đốc Đầu tư (Trái phiếu, Cổ phiếu, Hàng hóa và Đầu tư Cổ phần Tư nhân) - VP, Khối Quản lý tài sản tại Công ty Ủy thác Sakura (New York); Phó Tổng Giám đốc Điều hành cấp cao - Phòng Ngân quỹ Ngân hàng Manufacturers (Los Angeles); Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Quản lý Rủi ro; Ủy viên Hội đồng Đầu tư Tài chính, Ủy viên Hội đồng Tín dụng Trung ương - Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam. Hiện nay ông đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Eximbank đã thông qua Nghị quyết số 134/2016/EIB/NQ-HĐQT ngày 11/04/2016 chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức

danh thành viên HĐQT nhiệm kỳ VI (2015-2020) của Ông Cao Xuân Ninh với lý do cá nhân. Chức danh thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VI

(2015-2020) của ông Cao Xuân Ninh sẽ được miễn nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của pháp luật.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ đang nắm giữ tại TCTD	Số lượng cổ phần của cá nhân	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cá nhân (%)	Đại diện của cổ đông tổ chức	Số lượng cổ phần của tổ chức	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của tổ chức (%)
Ông Lê Minh Quốc	Thành viên HĐQT Độc lập, Chủ tịch HĐQT	0	0,00			
Ông Cao Xuân Ninh (*)	Thành viên HĐQT	0	0,00			
Ông Naoki Nishizawa	Thành viên HĐQT	0	0,00	Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)	185.329.207	15,00
Ông Lê Văn Quyết	Thành viên HĐQT kiêm TGD	0	0,00			
Ông Yasuhiro Saitoh	Thành viên HĐQT	0	0,00			
Ông Nguyễn Quang Thông	Thành viên HĐQT	152.714	0,01			
Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên HĐQT	67.392	0,01			
Ông Đặng Anh Mai	Thành viên HĐQT	0	0,00			
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0	0,00			
Tổng cộng		220.106	0,02			

(*) HĐQT Eximbank đã thông qua Nghị quyết số 134/2016/EIB/NQ-HĐQT ngày 11/04/2016 chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT nhiệm kỳ VI (2015-2020) của Ông Cao Xuân Ninh với lý do cá nhân. Chức danh thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VI (2015-2020) của ông Cao Xuân Ninh sẽ được miễn nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của pháp luật.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ VI (2015 - 2020) trong năm 2016 đã trực tiếp tham dự 25 phiên họp Hội đồng Quản trị và 173 lần lấy ý kiến bằng văn bản.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Ông Lê Minh Quốc là Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VI (2015-2020). Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia đóng góp ý kiến và biểu

quyết đối với các nội dung theo quy định của Điều lệ và pháp luật liên quan.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM

Hội đồng Quản trị gồm 09 thành viên: 01 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Chủ tịch và 08 thành viên. Các thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các tiêu chuẩn được quy định tại Luật Các Tổ chức tín dụng và được Ngân hàng Nhà nước có văn bản

chấp thuận nhân sự dự kiến trước khi bầu tại Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2015 (ngày 15/12/2015).

Trong năm 2016, các thành viên HĐQT chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại cơ sở đào

tạo được Ủy ban chứng khoán Nhà nước công nhận và ngân hàng sẽ sắp xếp cử các thành viên này tham gia khóa đào tạo theo quy định trong thời gian tới khi cơ sở đào tạo được UBCK công nhận tổ chức các khóa đào tạo này.

HIỆN NAY, CÁC HỘI ĐỒNG/ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ GỒM CÓ:

HỘI ĐỒNG TÍN DỤNG TRUNG ƯƠNG:

1. Ông **Lê Minh Quốc** - Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch
 2. Ông **Lê Văn Quyết** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Thành viên.
 3. Ông **Yasuhiro Saitoh** - Thành viên HĐQT - Thành viên
- Thư ký: Trung tâm tín dụng Hội sở.
- Trong năm 2016, Hội đồng tín dụng trung ương đã tổ chức 54 phiên họp và xử lý 205 hồ sơ tín dụng.

HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

1. Ông **Yasuhiro Saitoh** - Thành viên HĐQT – Chủ tịch.
 2. Ông **Lê Minh Quốc** - Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập – Thành viên.
 3. Ông **Lê Văn Quyết** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Thành viên.
 4. Ông **Nguyễn Quang Thông** – Thành viên HĐQT – Thành viên
- Thư ký: Khối Giám sát hoạt động, các Trưởng phòng Đầu tư tài chính, Kế toán tổng hợp.
- Trong năm 2016, Hội đồng đầu tư tài chính đã tổ chức 03 phiên họp
- » Thảo luận quy chế đầu tư tài chính;
 - » Kế hoạch thoái vốn;
 - » Tiến độ xử lý một số trái phiếu và phương án kinh doanh trái phiếu chính phủ, và phân công nhiệm vụ các bộ phận liên quan.

HỘI ĐỒNG XỬ LÝ RỦI RO VÀ NGĂN CHẶN NỢ QUÁ HẠN:

1. Ông **Lê Minh Quốc** - Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch.
 2. Ông **Lê Văn Quyết** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Thành viên
 3. Ông **Yasuhiro Saitoh** - Thành viên HĐQT - Thành viên.
 4. Ông **Naoki Nishizawa** - Thành viên HĐQT - Thành viên.
 5. Ông **Đặng Anh Mai** - Thành viên HĐQT - Thành viên.
- Trợ lý: - Bà **Văn Thái Bảo Nhi** – Phó Tổng Giám đốc.
- Ông **Nguyễn Hồ Hoàng Vũ** – Phó Tổng Giám đốc kiêm GĐ Tài chính.
- Thư ký: Lãnh đạo phòng Phân tích nợ xấu thuộc Trung tâm Xử lý nợ.
- Trong năm 2016, Hội đồng xử lý rủi ro và ngăn chặn nợ quá hạn đã tổ chức họp 36 phiên họp và 03 lần xin ý kiến bằng văn bản và đã xử lý 284 hồ sơ.

HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT:

1. Ông **Lê Minh Quốc** - Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch
 2. Ông **Lê Văn Quyết** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Phó Chủ tịch thường trực
 3. Ông **Trần Lê Quyết** - Trưởng Ban Kiểm soát - Thành viên
 4. Ông **Đào Hồng Châu** - Phó Tổng Giám đốc kiêm Bí thư Đảng ủy - Thành viên
 5. Bà **Đinh Thị Thu Thảo** - Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn -Thành viên.
 6. Bà **Văn Thái Bảo Nhi** - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Giám sát hoạt động - Thành viên.
 7. Ông **Nguyễn Bình Quí** - Trưởng Kiểm toán nội bộ – Thành viên
 8. Ông **Nguyễn Ngọc Hà** - Kế toán trưởng - Thành viên.
 9. Ông **Lê Huỳnh Hoa** - Giám đốc Khối nguồn nhân lực - Thành viên
 10. Bà **Trần Thị Kim Mai** - Quyền Chánh Vp.HQĐT – Thành viên kiêm Thư ký
- Trong năm 2016, Hội đồng thi đua khen thưởng kỷ luật đã tổ chức họp 01 phiên họp xử lý các cán bộ nhân viên vi phạm quy định nội bộ của ngân hàng.

ỦY BAN NHÂN SỰ:

1. Ông **Lê Minh Quốc** - Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch.
 2. Ông **Lê Văn Quyết** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Thành viên
 3. Ông **Ngô Thanh Tùng** - Thành viên HĐQT - Thành viên
 4. Ông **Nguyễn Quang Thông** - Thành viên HĐQT - Thành viên.
 5. Ông **Naoki Nishizawa** - Thành viên HĐQT - Thành viên
 6. Ông **Đặng Anh Mai** - Thành viên HĐQT - Thành viên
- Trong năm 2016, Ủy ban nhân sự đã tổ chức họp 03 phiên họp thảo luận nhân sự chi nhánh, dự kiến kế hoạch nhân sự 2017, định hướng xây dựng và triển khai các chỉ tiêu đánh giá nhân viên tại Hội sở, chi nhánh và Phòng giao dịch.

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO:

1. Ông **Naoki Nishizawa** - Thành viên HĐQT - Chủ tịch
 2. Ông **Đặng Anh Mai** - Thành viên HĐQT - Thành viên.
 3. Ông **Hoàng Tuấn Khải** - Thành viên HĐQT - Thành viên.
 4. Ông **Nguyễn Quang Thông** - Thành viên HĐQT - Thành viên
 5. Ông **Nguyễn Bình Quí** - Trưởng Kiểm toán nội bộ - Thành viên.
- Thư ký: Bà **Nguyễn Thị Diệu** - Trưởng phòng Quản lý rủi ro thị trường

Trong năm 2016, Ủy ban quản lý rủi ro đã tổ chức họp 09 phiên họp và đã kiến nghị với HĐQT một số nội dung sau: Tình hình hoạt động của nhóm khách hàng, thẩm quyền cấp tín dụng, hoạt động tín dụng của chi nhánh, thẩm quyền và chất lượng cấp tín dụng của Văn phòng khu vực, quy định cho vay không tài sản đảm bảo, tình hình cấp tín dụng cho một số khách hàng, các biện pháp quản lý rủi ro, tình hình khắc phục theo Kết luận thanh tra, thẩm quyền phê duyệt tín dụng của Giám đốc Khu vực, đánh giá tình hình an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin.

ỦY BAN PHÁT TRIỂN VÀ HOẠCH ĐỊNH MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG:

1. Ông **Nguyễn Quang Thông** - Thành viên HĐQT - Phó Chủ tịch
2. Ông **Đặng Anh Mai** - Thành viên HĐQT - Phó Chủ tịch
3. Ông **Hoàng Tuấn Khải** - Thành viên HĐQT - Phó Chủ tịch

Trong năm 2016, Ủy ban phát triển và hoạch định mạng lưới hoạt động đã tổ chức 09 phiên họp về định hướng công tác sửa chữa, cải tạo cũng như xây dựng một số địa điểm làm Phòng giao dịch, Chi nhánh, Dự án Trung tâm dữ liệu.

ỦY BAN LIÊN MINH:

1. Ông **Lê Minh Quốc** - Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập
 2. Ông **Lê Văn Quyết** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 3. 01 thành viên thuộc HĐQT hoặc Ban điều hành do Chủ tịch HĐQT chỉ định
- Trong năm 2016, Ủy ban Liên Minh đã tổ chức họp định kỳ để chỉ đạo Phòng Liên Minh và các khối nghiệp vụ đẩy mạnh các chương trình liên kết và hợp tác kinh doanh giữa Sumitomo Mitsui Banking Corporation (“SMBC”) và Eximbank. Với cam kết đầu tư lâu dài vào thị trường Việt Nam, trong năm 2016, SMBC đã luôn đồng hành và hỗ trợ Eximbank về nguồn vốn, hỗ trợ về đào tạo, giúp tăng năng

lực quản trị rủi ro, quản trị doanh nghiệp. Nhằm phát huy thế mạnh của mỗi bên, SMBC và Eximbank đã thiết lập các cơ chế kết nối doanh nghiệp Việt Nam – Nhật Bản, giới thiệu đối tác và cung ứng dịch vụ tài chính cho khách hàng của nhau.

Ngoài ra, SMBC cũng biệt phái và cử một số cán bộ qua công tác tại Eximbank để cùng Eximbank phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, nghiên cứu cải tiến các sản phẩm, hỗ trợ xây dựng và triển khai kế hoạch Tái cấu trúc và chiến lược của Eximbank cho giai đoạn 2016 - 2020.

BAN CHỈ ĐẠO TÁI CẤU TRÚC VÀ CHIẾN LƯỢC EXIMBANK:

1. Ông **Lê Minh Quốc** - Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch
 2. Ông **Lê Văn Quyết** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Thành viên
 3. Ông **Hoàng Tuấn Khải** - Thành viên HĐQT - Thành viên
 4. Ông **Đặng Anh Mai** - Thành viên HĐQT - Thành viên
 5. Ông **Yasuhiro Saitoh** - Thành viên HĐQT - Thành viên
- Thư ký: Trưởng Ban quản lý dự án hoặc thành viên của Văn phòng quản lý dự án được Trưởng Ban quản lý dự án chỉ định.

Trong năm 2016, Ban chỉ đạo tái cấu trúc và chiến lược Eximbank được thành lập và đã tổ chức 05 phiên họp thảo luận về chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của Ban, phân công nhiệm vụ các bộ phận, thảo luận phương hướng tái cấu trúc và chiến lược Eximbank, trình HĐQT phê duyệt tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Eximbank,...

BAN CHỈ ĐẠO DỰ ÁN THAY THẾ KOREBANK:

1. Ông **Lê Minh Quốc** - Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập – Trưởng Ban
 2. Ông **Lê Văn Quyết** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Phó Ban
 3. Ông **Trần Tấn Lộc** - Phó Tổng Giám đốc thường trực – Thành viên
 4. Ông **Mitsuaki Shiogo** - Tư vấn cấp cao về Công nghệ Thông tin – Giám đốc dự án
- Thư ký: Ông **Nguyễn Tấn Bảo** – Giám đốc trung tâm Phát triển BT SP-DV

Trong năm 2016, Ban chỉ đạo dự án thay thế Korebank đã tổ chức 05 phiên họp về tiến độ dự án, thuê đơn vị tư vấn, chi phí của dự án,...



Bà **PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG**
Thành viên

Bà Phạm Thị Mai Phương sinh năm 1982 tại Nha Trang. Bà đã tốt nghiệp Trung cấp Kế toán, Cử nhân kế toán, Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, chứng chỉ Bồi dưỡng Kế toán trưởng, chứng chỉ Giám đốc Kinh doanh, chứng chỉ Giám đốc Tài chính. Bà đã từng làm nhân viên kế toán tổng hợp Công ty XNK Thủy sản Thái Bình Dương; Chuyên viên kế toán tổng hợp, chuyên viên Corebanking, Giám đốc Trung tâm dịch vụ khách hàng, Giám đốc PGD Bến Thành, Chuyên viên văn phòng Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ khách hàng – Đặc phái viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.

Ông **TRẦN LÊ QUYẾT**
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Trần Lê Quyết sinh năm 1981 tại Quảng Bình, là cử nhân kinh tế (chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán). Tháng 04/2014 Ông trúng cử thành viên Ban Kiểm Soát Eximbank nhiệm kỳ 2010 – 2015. Ông là người có rất nhiều kinh nghiệm trong ngành ngân hàng, đặc biệt ở lĩnh vực tín dụng, quản lý rủi ro và quản trị ngân hàng. Ông đã có trên 10 năm kinh nghiệm trong công tác tín dụng, đã từng giữ vị trí Phó Bộ phận Quản lý rủi ro tín dụng Hội sở chính đặt tại TP.HCM - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam; Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Tiền Giang. Ông từng là Phó Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ V (2010-2015), sau đó tái đắc cử và được bầu làm Trưởng Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ VI (2015-2020).

Ông **ĐẶNG HỮU TIẾN**
Thành viên

Ông Đặng Hữu Tiến sinh năm 1962 tại Hà Nội. Ông đã tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) Đại học Columbia, Cao học kinh tế Đại học Thương mại, Cử nhân kinh tế Kế hoạch, Cử nhân kinh tế Ngoại thương. Ông là người có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, kế toán kiểm toán, kiểm tra kiểm soát. Từ năm 1998 đến 2010, Ông là thành viên Ban Kiểm Soát chuyên trách của Eximbank, sau đó là Trưởng Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2010-2015. Hiện nay Ông là Thành viên Ban Kiểm Soát Eximbank nhiệm kỳ 2015-2020.

Ông **TRỊNH BẢO QUỐC**
Thành viên

Ông Trịnh Bảo Quốc sinh năm 1971 tại Việt Nam. Ông đã tốt nghiệp Cử nhân Sinh vật học và Sử tại Hoa Kỳ, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Hoa Kỳ. Ông đã từng làm nhân viên điều phối dự án – US Viet Nam Trade Council; Trợ lý luật sư và thông dịch viên – Công ty Luật quốc tế Baker & McKenzie; Trưởng phòng Tài chính & Phân tích Đầu tư – Phú Mỹ Hưng, Central & Development Group (Chủ đầu tư KCX Tân Thuận, Nhà máy điện Hiệp Phước, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng); Giám đốc – QML Corporate Group; Giám đốc kiêm Trưởng đại diện tại VN – Avenue Capital Group; Đồng sáng lập & nhà đầu tư – Công ty Cổ phần Tư vấn & Đào tạo Summa; Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn Kim.

Ông **TRẦN NGỌC DŨNG**
Thành viên

Ông Trần Ngọc Dũng sinh năm 1966 tại Sài Gòn. Ông đã tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Tín dụng, Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật học. Ông đã từng làm Phường đội phó – phường 8 và phường 13 Quận Phú Nhuận; Nhân viên kinh doanh – Công ty Lương thực TP.HCM; Kế toán, Kiểm soát viên – Eximbank Chi nhánh Chợ Lớn; Nhân viên kinh doanh – Sơn Expo; Kế toán, Kế toán trưởng Công ty TNHH Thiên Lộc; Chuyên viên phòng Kế hoạch Đầu tư, Phó phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ, Giám đốc Chi nhánh Nha Trang, Trưởng phòng Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh Ngã Bảy, Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro, Thành viên BKS Ngân hàng Nam Á; Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á, Eximbank.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm 2016, Ban Kiểm soát không có thay đổi thành viên.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ đang nắm giữ tại TCTD	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cá nhân	Số lượng cổ phần của cá nhân ngày 30/12/2016	Tên cổ đông là tổ chức mà mình là đại diện (nếu có)	Số lượng cổ phần của tổ chức mà mình là đại diện ngày 30/12/2016	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của tổ chức (%)
Ông Trần Lê Quyết	Trưởng Ban (chuyên trách)	0,00	0	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	101.245.131	8,19
Ông Đặng Hữu Tiến	Thành viên chuyên trách	0,01	84.240	-	-	-
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên chuyên trách	0,00	2.062	-	-	-
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên chuyên trách	0,00	0	-	-	-
Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên không chuyên trách	0,00	0	-	-	-



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BAN KIỂM SOÁT LÀ CƠ QUAN GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG EXIMBANK BẦU CỬ NHẪM THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ CHÍNH XÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH CỦA NGÂN HÀNG; KIỂM SOÁT, KIỂM TOÁN NỘI BỘ VIỆC CHẤP HÀNH QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, QUY ĐỊNH NỘI BỘ, ĐIỀU LỆ CỦA NGÂN HÀNG VÀ NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản trị, điều hành ngân hàng của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Eximbank, trong năm 2016 Trưởng BKS và các thành viên đã tham gia 25 cuộc họp của Hội đồng quản trị, 12 cuộc họp giao ban, tổng kết giữa HĐQT- BKS - Ban Điều hành. Tại các phiên họp này, BKS cùng tham gia thảo luận, đưa ra khuyến nghị/ cảnh báo và đóng góp ý kiến vào các nội dung của từng phiên họp, đặc biệt là các nội dung liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và công tác tổ chức ĐHCĐ năm 2016. Bên cạnh đó, Ban Kiểm Soát cũng quan tâm, phản hồi tất các vấn đề thắc mắc, đề nghị của cổ đông và nhóm cổ đông liên quan đến tình hình hoạt động của Eximbank và các nội dung liên quan đến ĐHCĐ năm 2016, đồng thời khuyến nghị HĐQT thực hiện một số yếu cầu hợp pháp của cổ đông và nhóm cổ đông.

Ban Kiểm Soát đã tổ chức 59 phiên họp nội bộ Ban Kiểm Soát để thảo luận và thống nhất các nội dung văn bản gửi đến Ngân hàng Nhà nước, Cổ

đồng, HĐQT, Ban Điều Hành, nhằm thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Ban Kiểm soát cũng đã liên tục có các buổi họp cùng với Ban Kiểm toán nội bộ để tăng cường chỉ đạo đối với công tác kiểm toán nội bộ trong toàn hệ thống, công tác theo dõi, đôn đốc Hội sở, các Chi nhánh, Phòng giao dịch khắc phục chỉnh sửa các kiến nghị của Cơ quan Thanh Tra Ngân Hàng Nhà Nước, Ban Kiểm Soát, Ban Kiểm toán nội bộ. Kết quả khắc phục chỉnh sửa của Đơn vị cũng là một phần chỉ tiêu xếp hạng rủi ro của Đơn vị.

Trong năm 2016, Ban KTNB đã thực hiện tổng cộng 33 đợt kiểm toán, trong đó: Kiểm toán 18 Đơn vị tại Hội sở (bao gồm các Văn phòng khu vực), kiểm toán 15 Đơn vị là Chi nhánh, PGD. Trong đó có 06 Đơn vị được kiểm toán thuộc kế hoạch kiểm toán quý 4/2016 hoàn thành trong tháng 1 và 2/2017. Đối với các đoàn kiểm toán, Ban Kiểm Soát đều có phản công các thành viên Ban Kiểm Soát phụ trách đoàn kiểm toán để giám sát chặt chẽ và có chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình kiểm toán, tham gia họp thông qua kết quả

kiểm toán nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán cũng như đánh giá khách quan, thực chất tình hình hoạt động của các Đơn vị được kiểm toán. Kết quả kiểm toán đã đưa ra 4.315 khuyến nghị để Hội sở và các đơn vị được kiểm toán khắc phục, chỉnh sửa các sai sót nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động; trong đó có 703 khuyến nghị đối với Hội sở liên quan đến chỉnh sửa, bổ sung quy trình, quy chế nhằm góp phần ngăn ngừa rủi ro, đảm bảo chặt chẽ hơn trong hoạt động. Đối với các Đơn vị có sai phạm nghiêm trọng và có rủi ro tổn thất, Ban Kiểm Soát đã có các văn bản gửi đến Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành để kiến nghị kiểm điểm và xử lý, điều chỉnh nhân sự nhằm hạn chế phát sinh rủi ro cũng như chấn chỉnh hoạt động kinh doanh của Đơn vị.

Bên cạnh đó, nhằm chuẩn hóa công tác kiểm toán nội bộ và thiết lập cơ sở xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm dựa trên mức độ rủi ro của từng Đơn vị, Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ VI cũng đã ban hành “Sổ tay kiểm toán nội bộ” và “Quy định về xếp loại rủi ro đối với các Chi nhánh, Phòng giao dịch Eximbank”. Thông qua việc áp dụng các qui định nội bộ, công tác đào tạo nội bộ, chất lượng kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại Eximbank ngày càng được củng cố và nâng cao, nội dung kiểm toán nội bộ đã có hệ thống, tập trung nhiều vào kiểm soát quy trình nghiệp vụ và hệ thống kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện, ngăn ngừa, hạn chế rủi ro trong hoạt động, đảm bảo tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý nhà nước và của Eximbank.

LƯƠNG, THUỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Xin xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016, phần Thuyết minh mục 36 “Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan”.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Thông tư 121/2012/TT-BTC và các văn bản khác có liên quan), Eximbank đã ban hành và thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành và có hiệu lực, Eximbank sẽ tiến hành rà soát, báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định điều chỉnh quy định về quản trị ngân hàng cho phù hợp.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2016, Eximbank không nhận được thông báo và báo cáo giao dịch của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và người có liên quan của các thành viên này.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2016, Eximbank có hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.



STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú
1	Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)	Cổ đông lớn của Eximbank	CA4940 cấp ngày 24/01/2011 tại Nhật Bản	1-2 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0005 Japan	20/01/2016	Nghị quyết 25/2016/EIB/NQ-HĐQT ngày 20/01/2016 về việc Thông qua nội dung sửa đổi thỏa thuận tiện ích tái tài trợ LC không cam kết giữa Eximbank với SMBC Singapore trong đó: tăng hạn mức tài trợ LC không cam kết trị giá từ 40 triệu USD lên 60 triệu USD.	185.329.207	
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	Ông Nguyễn Quang Thông là Phó Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	71/GPĐC9/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 28/03/ 2016	185 Điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	28/01/2016	Nghị quyết số 54/2016/EIB/NQ-HĐQT ngày 28/01/2016 về việc thống nhất thông qua dự thảo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản với Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bảo Long.		Ông Nguyễn Quang Thông là thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VI (2015 - 2020)
3	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	Ông Nguyễn Quang Thông là Phó Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	71/GPĐC9/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 28/03/ 2016	185 Điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	28/01/2016	Nghị quyết số 55/2016/EIB/NQ-HĐQT ngày 28/01/2016 về việc duyệt chi phí và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm công trình Trung tâm dữ liệu của Eximbank là Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bảo Long.		Ông Nguyễn Quang Thông là thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VI (2015 - 2020)
4	Minato Bank	Minato Bank là cổ đông lớn của SMBC		1-1, Sannomiya-cho 2-chome Chuo-ku Kobe, 651-0193 Japan	29/03/2016	Nghị quyết số 99/2016/EIB/NQ-HĐQT ngày 29/03/2016 về việc thông qua giao dịch giữa Eximbank và Minato Bank, cụ thể Minato Bank phát hành thư bảo lãnh bằng điện Swift để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH Hyogo Shoes tại Eximbank Chi nhánh TP. HCM.		



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 91 Thông tin về Ngân hàng.
- 92 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
- 93 Báo cáo kiểm toán độc lập.
- 94 Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- 97 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- 98 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.
- 100 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán

Xin xem Báo cáo kiểm toán độc lập của công ty Kiểm toán KPMG gửi các cổ đông ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép Thành lập và

Hoạt động Ngân hàng số: 11/NH-GP ngày 6 tháng 4 năm 1992.

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và giá trị trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số: 0301179079 ngày 23 tháng 7 năm 1992.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301179079 ngày 19 tháng 4 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Minh Quốc	Chủ tịch, Thành viên HĐQT độc lập
Ông Lê Văn Quyết	Thành viên, kiêm Tổng Giám đốc
Ông Naoki Nishizawa	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Thông	Thành viên
Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên
Ông Đặng Anh Mai	Thành viên
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên
Ông Cao Xuân Ninh	Thành viên
Ông Yasuhiro Saitoh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Ông Trần Lê Quyết	Trưởng Ban
Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên
Ông Đặng Hữu Tiến	Thành viên
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Văn Quyết	Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 4 năm 2016)
Ông Trần Tấn Lộc	Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 12 năm 2015 đến ngày 4 tháng 4 năm 2016)
Ông Trần Tấn Lộc	Phó Tổng Giám đốc Thường trực (đến ngày 9 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 5 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Quốc Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Đỗ Bích Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Lê Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Triết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Masashi Mochizuki	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Yutaka Moriwaki	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 13 tháng 10 năm 2016)
Ông Cao Xuân Lãnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 1 năm 2016)

Trụ sở đăng ký

Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center,
Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 88 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Văn Quyết
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2017

**Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 88.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 16-01-143/2



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2017



Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2014-007-1

ĐVT: Triệu VND

	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, vàng	4	2.020.060
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	3.765.279
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	8.281.291
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		8.296.841
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		95.000
3	Dự phòng rủi ro		(110.550)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	9.841
VI	Cho vay khách hàng		85.824.814
1	Cho vay khách hàng	8	86.891.327
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(1.066.513)
VIII	Chứng khoán đầu tư	10	20.195.957
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		9.388.719
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		12.219.500
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(1.412.262)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	1.856.808
4	Đầu tư dài hạn khác		1.937.865
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(81.057)
X	Tài sản cố định		3.367.929
1	Tài sản cố định hữu hình	12	854.498
a	Nguyên giá		1.935.088
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.080.590)
3	Tài sản cố định vô hình	13	2.513.431
a	Nguyên giá		2.621.600
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(108.169)
XII	Tài sản Có khác	14	3.479.529
1	Các khoản phải thu		1.271.087
2	Các khoản lãi, phí phải thu		840.414
4	Tài sản Có khác		1.374.053
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(6.025)
TỔNG TÀI SẢN		128.801.508	124.849.675

ĐVT: Triệu VND

	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
I	Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15	1.111.672
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	6.484.335
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		5.122.335
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		1.362.000
III	Tiền gửi của khách hàng	17	102.351.494
VI	Phát hành giấy tờ có giá	18	3.000.000
VII	Các khoản nợ khác		2.405.588
1	Các khoản lãi, phí phải trả		2.000.279
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	19	405.309
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	115.353.089	111.704.954
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn chủ sở hữu	21	13.448.419
1	Vốn của tổ chức tín dụng		12.448.674
a	Vốn điều lệ		12.355.229
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		15.396
c	Thặng dư vốn cổ phần		156.322
d	Cổ phiếu quỹ		(78.273)
2	Các quỹ		1.462.854
5	Lỗi lũy kế		(463.109)
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13.448.419	13.144.721
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		128.801.508	124.849.675

ĐVT: Triệu VND

	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	34	35.508.306	39.475.997
1 Bảo lãnh vay vốn		37.181	36.219
2 Cam kết giao dịch hối đoái		30.121.833	32.350.457
Trong đó:			
• Cam kết mua ngoại tệ		2.265.219	153.212
• Cam kết bán ngoại tệ		648.175	358.369
• Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ		27.208.439	31.838.876
4 Cam kết trong nghiệp vụ L/C		2.447.872	3.856.992
5 Bảo lãnh khác		2.735.979	3.068.929
6 Các cam kết khác		165.441	163.400

Người lập

Người kiểm soát

Người đại diện theo pháp luật

Nguyễn Minh Thanh
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán trưởng



Lê Văn Quyết
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

ĐVT: Triệu VND

	Thuyết minh	2016	2015
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	8.310.573	8.601.184
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(5.228.494)	(5.203.494)
I Thu nhập lãi thuần	22	3.082.079	3.397.690
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	23	610.947	567.691
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	23	(311.095)	(275.650)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	23	299.852	292.041
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	24	259.839	62.715
V Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư		24.725	(34.163)
5 Thu nhập từ hoạt động khác	25	141.892	381.532
6 Chi phí hoạt động khác	25	(74.022)	(296.390)
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	25	67.870	85.142
VII Lãi/(lỗ) từ góp vốn, mua cổ phần	26	545	(4.062)
VIII Chi phí hoạt động	27	(2.255.214)	(2.304.554)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.479.696	1.494.809
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	28	(1.089.066)	(1.433.987)
XI Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		390.630	60.822
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	(81.698)	(20.828)
8 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29	-	-
XII Chi phí thuế TNDN	29	(81.698)	(20.828)
XIII Lợi nhuận sau thuế		308.932	39.994
XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	30	251	33

Người lập

Người kiểm soát

Người đại diện theo pháp luật

Nguyễn Minh Thanh
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán trưởng



Lê Văn Quyết
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	8.468.208	8.978.479
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(4.738.579)	(4.957.387)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	299.852	293.751
04 Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	284.943	59.772
05 Thu nhập/(chi phí) khác	220	(38.637)
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	57.777	66.356
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(2.042.233)	(2.072.604)
08 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp	(2.767)	(21.441)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	2.327.421	2.308.289
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09 Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	4.467.198
10 (Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(673.493)	894.887
11 Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	20.956	(17.362)
12 (Tăng)/giảm các khoản cho vay khách hàng	(3.065.965)	485.703
13 Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(347.237)	(648.478)
14 Giảm khác về tài sản hoạt động	267.476	286.477
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
15 Tăng các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	566.727	538.332
16 Giảm tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	(1.448.982)	(33.110.023)
17 Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng	3.920.952	(2.941.344)
18 Giảm phát hành giấy tờ có giá	(392)	(7.986)
21 Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động khác	35.375	(54.434)
22 Chi từ các quỹ	(5.225)	-
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	1.597.613	(27.798.741)

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định	(200.246)	(296.033)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	81.027	304.801
08 Tiền thu từ thanh lý đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	13.226	-
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ góp vốn, mua cổ phần	345	2.308
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(105.648)	11.076
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04 Cổ tức đã trả cho cổ đông	(72)	(89)
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(72)	(89)
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	1.491.893	(27.787.754)
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	12.574.737	40.362.491
VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (Thuyết minh số 31)	14.066.630	12.574.737

ĐVT: Triệu VND

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRỌNG YẾU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	2016	2015
Nguyên giá của chi phí xây dựng cơ bản dở dang do Tập đoàn nhận được thông qua hình thức cầm giữ khoản cho vay khách hàng	-	403.898
Phân loại tài sản gán nợ từ tài sản cố định sang tài sản có khác	1.319.329	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Người lập

Người kiểm soát

Người đại diện theo pháp luật







Nguyễn Minh Thanh
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán trưởng


Lê Văn Quyết
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

1. Đơn vị báo cáo

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số 11/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 6 tháng 4 năm 1992 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0301179079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 1992. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Ngân hàng có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận gửi tiền ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các tổ chức và cá nhân khác nhau; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn các tổ chức và cá nhân khác nhau dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.355.229 triệu đồng Việt Nam. Ngân hàng đã phát hành 1.235.522.904 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Cổ phiếu của Ngân hàng được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(c) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015, Ngân hàng có một (1) hội sở chính, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch, một (1) quỹ tiết kiệm trên toàn quốc và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có một công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2016	31/12/2015
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Số 031028097 ngày 24 tháng 8 năm 2010	Quản lý tài sản	100%	100%

Công ty con được thành lập tại Việt Nam.

(e) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 5.916 nhân viên (31/12/2015: 6.239 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, được làm tròn tới hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”).

(e) Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Khi có sự khác biệt giữa chính sách kế toán của công ty con và Ngân hàng thì các điều chỉnh cần thiết được thực hiện nhằm đảm bảo tính nhất quán của các chính sách kế toán được áp dụng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn, và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh của Tập đoàn được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định vào ngày kết thúc kỳ kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 tại Thuyết minh 37(c)(ii)), các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Tập đoàn được quy đổi sang VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

(d) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác trừ tiền gửi thanh toán là tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng.

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác trừ tiền gửi thanh toán và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 1 năm 2013 (“Thông tư 02”) do NHNNVN ban hành và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 (“Thông tư 09”) do NHNNVN ban hành về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02. Theo đó, Tập đoàn trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

Theo Thông tư 02, Tập đoàn không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

(e) Các công cụ tài chính phái sinh

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được ghi nhận theo giá trị thuần trong báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên giá trị hợp đồng. Chênh lệch giữa số lượng tiền tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá ghi trên hợp đồng và số lượng tiền tệ cam kết mua/bán được quy đổi theo tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và hợp đồng hoán đổi tiền tệ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Số dư của hợp đồng kỳ hạn tiền tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao ngay vào cuối mỗi tháng. Lãi/lỗ chưa thực hiện tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

(f) Cho vay khách hàng

Cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

Cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn dưới một năm kể từ ngày giải ngân; cho vay trung hạn có kỳ hạn từ một năm đến năm năm kể từ ngày giải ngân và cho vay dài hạn có kỳ hạn trên năm năm kể từ ngày giải ngân..

Các khoản cho vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của Tập đoàn đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản vay này chấm dứt, hay khi Tập đoàn chuyển giao các khoản cho vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản cho vay được chuyển giao cho bên khác.

Riêng đối với các khoản cho vay được bán cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”), Tập đoàn tiến hành xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 11 năm 2013 (“Công văn 8499”) do NHNNVN ban hành và Công văn số 925/NHNN-TCKT ngày 19 tháng 2 năm 2014 (“Công văn 925”) do NHNNVN ban hành.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản cho vay khách hàng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

(g) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

(i) Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng (gọi chung là “các khoản nợ”), các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể tại cuối mỗi quý được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng đối với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi quý (riêng đối với Quý 4, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11) trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn tính dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể dựa trên kết quả phân loại nợ của số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2016 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: dựa trên kết quả phân loại nợ của số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2015).

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(g) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể đối với từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Tình hình quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1 Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn..	0%
2 Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ đang thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%
4 Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng đã quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%
5 Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng đã quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, Tập đoàn phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày Tập đoàn thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- ❖ Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- ❖ Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- ❖ Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Tập đoàn mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Tập đoàn buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Tập đoàn tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Tập đoàn thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối, các ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn và đánh giá của Tập đoàn

Tập đoàn cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNNVN (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Tập đoàn điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Theo Công văn số 5482/NHNN-TTGSNH ngày 30 tháng 7 năm 2014 do NHNNVN ban hành hướng dẫn thực hiện Thông tư 02 và Thông tư 09, Tập đoàn không phải sử dụng kết quả phân loại nợ do CIC cung cấp đối với các khoản nợ đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 02 còn trong hạn theo thời hạn đã được cơ cấu.

Giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 02, cụ thể như sau:

- ❖ Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là bên có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng và tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá; và
- ❖ Đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Tập đoàn.

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản bảo đảm được xác định như sau:

Loại tài sản bảo đảm	Tỷ lệ khấu trừ tối đa
(a) Tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam	100%
(b) Vàng miếng, trừ vàng miếng quy định tại điểm (i); tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ	95%
(c) Trái phiếu Chính phủ, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành; thẻ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành:	
• Có thời hạn còn lại dưới 1 năm	95%
• Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm	85%
• Có thời hạn còn lại trên 5 năm	80%
(d) Chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	70%
(e) Chứng khoán do doanh nghiệp khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%
(f) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do tổ chức tín dụng có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành;	50%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do tổ chức tín dụng không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
(g) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành;	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	10%
(h) Bất động sản	50%
(i) Vàng miếng không có giá niêm yết, vàng khác và các loại tài sản bảo đảm khác	30%

Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 3, Điều 12 của Thông tư 02 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải xem như bằng không.

(iii) **Dự phòng rủi ro tín dụng chung**

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung cũng được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi quý (riêng đối với Quý 4, dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11) của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng và các khoản nợ được phân loại vào Nhóm nợ có khả năng mất vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn trích dự phòng rủi ro tín dụng chung dựa trên các số dư nêu trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2016 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: dựa trên các số dư nêu trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2015).

(iv) **Xử lý nợ xấu**

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản nợ sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro sau khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay bị phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức, doanh nghiệp), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(v) **Dự phòng đối với các cam kết tín dụng ngoại bảng**

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, việc phân loại nợ các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không cần trích lập dự phòng cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi Tập đoàn được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

(h) **Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Tập đoàn phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Tập đoàn được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

(i). **Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**

Phân loại

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được mua và nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán vào ngày Tập đoàn trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá thị trường của chứng khoán sẵn sàng để bán đã niêm yết là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường phi tập trung (“OTC”) là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này được hạch toán theo giá gốc.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó, trường hợp chứng khoán đó được bán trước ngày đáo hạn thì giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu chưa phân bổ được ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày bán.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Tập đoàn mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu các chứng khoán này.

(ii) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Phân loại

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 được trình bày trong Thuyết minh 3(g).

Các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Tập đoàn khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư và Tập đoàn không thực hiện lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với những thay đổi giá trong ngắn hạn.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Tập đoàn mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết giữ đến ngày đáo hạn và dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(iii) Trái phiếu đặc biệt do Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành

Phân loại

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Tập đoàn.

Ghi nhận

Tập đoàn kế toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn trong Công văn 8499 và Công văn 925. Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ dự phòng rủi ro.

Đo lường

Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Tập đoàn nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Tập đoàn ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Tập đoàn ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 6 tháng 9 năm 2013 (“Thông tư 19”) do NHNNVN ban hành quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 (“Thông tư 14”) và Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ngày 16 tháng 6 năm 2016 (“Thông tư 08”) do NHNNVN ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19. Theo đó, dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm trong kỳ hạn của trái phiếu đặc biệt là khoản chênh lệch dương giữa 20% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt đối với trái phiếu có kỳ hạn 5 năm trừ số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu có liên quan. Riêng đối với các trái phiếu đặc biệt được gia hạn thời hạn từ 5 năm lên 10 năm theo các văn bản khác có liên quan của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng trích lập dự phòng trong năm 2016 cho khoản chênh lệch dương giữa 10% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt trừ số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu có liên quan. Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liên kế trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Tập đoàn cần trích lập đủ số dự phòng cụ thể nói trên. Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tập đoàn không phải trích lập dự phòng chung cho các trái phiếu đặc biệt này.

(i) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác mà Tập đoàn không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị được đầu tư trừ vốn chủ sở hữu thực có nhân với (x) tỷ lệ sở hữu thực tế của Tập đoàn tại đơn vị đó. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi không phải lập dự phòng.

(j) Tài sản có khác
(i) Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu đang chờ xử lý

Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu đang chờ xử lý là tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Tập đoàn. Đối với các tài sản gán nợ chưa chuyển quyền sở hữu cho Tập đoàn, Tập đoàn theo dõi ngoại bảng.

(ii) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(iii) Các tài sản có khác

Các tài sản có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng được trích lập theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các tài sản có quá hạn thanh toán, Tập đoàn áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, cụ thể như sau:

Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Tập đoàn sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(k) Tài sản cố định hữu hình
(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

❖ nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
❖ máy móc thiết bị	5 - 10 năm
❖ thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
❖ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm
❖ tài sản cố định khác	5 - 10 năm

(l) Tài sản cố định vô hình
(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới, mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo giá gốc.

(o) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được phản ánh theo giá gốc.

(p) Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá được phản ánh theo giá gốc. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(q) **Phải trả khác**

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(r) **Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“người lao động đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của người lao động trong 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc của người đó.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Theo đó, Tập đoàn đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Bảo hiểm thất nghiệp do Tập đoàn đóng cho thời gian làm việc của nhân viên được ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(s) **Vốn**

(i) **Vốn điều lệ**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) **Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) **Cổ phiếu quỹ**

Khi Ngân hàng mua lại cổ phiếu đã phát hành của chính Ngân hàng (“cổ phiếu quỹ”), tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu quỹ, sẽ ghi giảm vào vốn chủ sở hữu.

Khi các cổ phiếu quỹ này được tái phát hành sau đó, số tiền nhận được sẽ được ghi nhận là khoản tăng vốn chủ sở hữu và chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá ghi sổ của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần..

(t) **Các quỹ**

(i) **Quỹ dự trữ bắt buộc**

Ngân hàng

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 do Chính phủ Việt Nam ban hành, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Phân bổ hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật. Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – công ty con

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002 do Bộ Tài chính ban hành, việc trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc được thực hiện theo các quy định áp dụng cho Ngân hàng như mô tả ở trên.

(ii) **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Tập đoàn. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và được ghi nhận trong nợ phải trả của Tập đoàn. Tỷ lệ trích lập do Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng quyết định.

(iii) **Các quỹ dự trữ khác**

Các quỹ dự trữ khác bao gồm quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ này không do pháp luật quy định, được phép phân phối hết và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

(n) **Các chỉ tiêu ngoại bảng**

Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại từng thời điểm, Tập đoàn có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Tập đoàn cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó, các khoản này không thể hiện một cam kết về dòng tiền chắc chắn trong tương lai.

(v) **Thu nhập lãi**

Tập đoàn ghi nhận thu nhập lãi trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(g) được ghi nhận khi Tập đoàn thực sự thu được. Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 như được trình bày tại Thuyết minh 3(g) thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được..

(w) **Chi phí lãi**

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(x) **Thu nhập từ hoạt động dịch vụ**

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ bảo lãnh, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(y) **Chi phí hoạt động dịch vụ**

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(Z) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập và Tập đoàn chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(aa) Doanh thu bán tài sản

Doanh thu bán tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng tài sản bị trả lại.

(bb) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(cc) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ kế toán, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(dd) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(ee) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(ff) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận cần báo cáo là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn được chia theo khu vực địa lý và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu được chia theo hoạt động kinh doanh.

(gg) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ❖ Tài sản tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ❖ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- ❖ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:
- ❖ các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ❖ các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- ❖ các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- ❖ các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ❖ các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- ❖ các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- ❖ các khoản cho vay và phải thu;
- ❖ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- ❖ các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ❖ Nợ phải trả tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ❖ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(hh) **Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 do NHNNVN ban hành mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. **Tiền mặt, vàng**

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền mặt bằng VND	998.702	846.541
Tiền mặt bằng ngoại tệ	854.982	942.159
Vàng	166.376	252.049
	2.020.060	2.040.749

5. **Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng như sau:

Tiền gửi tại Ngân hàng	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2016	31/12/2015
Số dư tiền gửi bình quân tháng trước của:		
<i>Khách hàng:</i>		
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn dưới 12 tháng	8%	8%
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
• Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng	3%	3%
• Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
<i>Tổ chức tín dụng nước ngoài:</i>		
• Tiền gửi bằng ngoại tệ	1%	1%

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc		
• Bằng VND	3.058.005	1.607.784
• Bằng USD	707.274	1.108.480
	3.765.279	2.716.264

6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2016	31/12/2015
DVT: Triệu VND		
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác		
Tiền gửi không kỳ hạn		
• Bằng VND	117.215	98.808
• Bằng ngoại tệ	1.851.464	3.303.126
Tiền gửi có kỳ hạn		
• Bằng VND	4.546.212	3.321.550
• Bằng ngoại tệ	1.781.950	1.109.790
	8.296.841	7.833.274
Dự phòng rủi ro tiền gửi tại các TCTD khác	(15.550)	-
	8.281.291	7.833.274
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
• Bằng VND	95.000	95.000
Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác	(95.000)	(95.000)
	-	-
	8.281.291	7.833.274

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác:

	31/12/2016	31/12/2015
DVT: Triệu VND		
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	6.312.612	4.415.790
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	-	15.550
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	110.550	95.000
	6.423.162	4.526.340

7. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2016)
		Tài sản Công nợ
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ		
• Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	475.481	- (3.355)
• Giao dịch hoán đổi tiền tệ	10.275.173	13.196 -
	10.750.654	13.196 (3.355)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015)
		Tài sản Công nợ
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ		
• Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	3.809.583	29.012 -
• Giao dịch hoán đổi tiền tệ	15.942.587	1.785 -
	19.752.170	30.797

8.Cho vay khách hàng

	31/12/2016	31/12/2015
DVT: Triệu VND		
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	86.500.444	84.401.111
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	390.883	357.513
Các khoản trả thay khách hàng	-	1.168
	86.891.327	84.759.792

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay khách hàng như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
DVT: Triệu VND		
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	83.919.657	82.690.435
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	411.522	493.885
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	1.069.988	181.992
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	357.925	591.316
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	1.132.235	802.164
	86.891.327	84.759.792

8. Cho vay khách hàng (tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo thời hạn cho vay như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Nợ ngắn hạn	34.015.359	31.618.759
Nợ trung hạn	14.901.279	15.806.410
Nợ dài hạn	37.974.689	37.334.623
	86.891.327	84.759.792

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh doanh như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Dịch vụ cá nhân và cộng đồng	34.578.236	33.203.944
Thương mại	20.794.532	20.942.648
Sản xuất và gia công chế biến	6.892.794	6.500.828
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	5.773.962	5.908.704
Nông, lâm, ngư nghiệp	5.764.675	6.730.921
Xây dựng	4.881.466	5.174.406
Kho bãi, giao thông vận tải và thông tin liên lạc	2.723.863	1.983.031
Nhà hàng và khách sạn	1.425.265	1.385.227
Hoạt động các tổ chức và đoàn thể quốc tế	1.278.498	278.708
Dịch vụ tài chính	945.606	867.373
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	665.135	448.815
Giáo dục và đào tạo	388.277	551.611
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	303.795	301.835
Công nghiệp khai thác mỏ	289.607	308.702
Hoạt động khoa học và công nghệ	128.154	124.216
Hoạt động văn hóa, thể thao	57.462	48.823
	86.891.327	84.759.792

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Cá nhân	39.840.054	35.984.766
Công ty trách nhiệm hữu hạn	22.550.382	21.837.001
Công ty cổ phần	11.120.501	13.884.318
Doanh nghiệp nhà nước	10.321.575	10.096.115
Doanh nghiệp tư nhân	2.139.490	1.962.076
Công ty 100% vốn nước ngoài	723.528	805.563
Kinh tế tập thể	153.802	162.095
Khác	41.995	27.858
	86.891.327	84.759.792

9. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2016	31/12/2015
Dự phòng chung (i)	619.785	628.462
Dự phòng cụ thể (ii)	446.728	241.443
	1.066.513	869.905

(i) Biến động dự phòng chung của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm như sau:

	2016	2015
Số dư đầu năm	628.462	618.294
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 28)	(8.677)	10.168
Số dư cuối năm	619.785	628.462

(ii) Biến động dự phòng cụ thể của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm như sau:

	2016	2015
Số dư đầu năm	241.443	404.406
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 28)	687.862	539.640
Sử dụng dự phòng trong năm	(347.237)	(648.478)
Sử dụng dự phòng cho các khoản nợ được bán cho VAMC	(135.340)	(51.062)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	(3.063)
Số dư cuối năm	446.728	241.443

10. Chứng khoán đầu tư

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Trái phiếu Chính phủ	9.354.769	3.922.512
<i>Chứng khoán vốn</i>		
• Do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	-	722
• Do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	33.950	33.950
	9.388.719	3.957.184
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán (i)	(379)	-
	9.388.340	3.957.184

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Trái phiếu Chính phủ	100.000	150.042
• Do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành – chưa niêm yết	3.500.000	4.600.000
• Do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành – chưa niêm yết	1.590.000	5.198.000
	5.190.000	9.948.042

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)		
• Dự phòng chung (ii)	(11.363)	(38.422)
	5.178.637	9.909.620

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (iii)		
• Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	7.029.500	6.230.410
• Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(1.400.520)	(979.130)
	5.628.980	5.251.280

(i) **Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm như sau:**

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	379	-
Số dư cuối năm	379	-

(ii) **Biến động dự phòng chung chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trong năm như sau:**

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
Số dư đầu năm	38.422	44.625
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 28)	(27.059)	(6.203)
Số dư cuối năm	11.363	38.422

(iii) **Đây là trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành nhằm mua lại các khoản nợ xấu của Tập đoàn với tổng giá trị nợ gốc được mua là 7.378.530 triệu VND (31/12/2015: 6.454.402 triệu VND). Tính đến thời điểm bán nợ cho VAMC, dự phòng rủi ro cụ thể đã được Tập đoàn trích lập cho các khoản nợ này là 349.030 triệu VND (31/12/2015: 223.992 triệu VND).**

Biến động dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
Số dư đầu năm	979.130	183.748
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 28)	474.543	803.919
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 28)	(53.153)	(8.537)
Số dư cuối năm	1.400.520	979.130

11. Góp vốn, đầu tư dài hạn

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Đầu tư dài hạn khác:		
Đầu tư vào cổ phiếu của các tổ chức tín dụng khác trong nước		
• Đã niêm yết	1.672.663	1.672.663
Đầu tư vào cổ phiếu của các tổ chức kinh tế trong nước		
• Đã niêm yết	52.483	52.483
• Chưa niêm yết	212.719	306.499
	1.937.865	2.031.645
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(81.057)	(161.811)
	1.856.808	1.869.834

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
Số dư đầu năm	161.811	153.266
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 26)	4.952	9.617
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 26)	(85.706)	(1.072)
Số dư cuối năm	81.057	161.811

12. Tài sản cố định hữu hình

ĐVT: Triệu VND

2016	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	605.215	598.159	231.850	42.949	555.074	2.033.247
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.049	12.573	10.749	3.372	26.666	59.409
Phân loại sang tài sản có khác (Thuyết minh số 14)	(90.301)	-	-	-	-	(90.301)
Phân loại lại	(53.207)	157	5.733	(37)	(14)	(47.368)
Thanh lý	(2.892)	(666)	(16.136)	(119)	(86)	(19.899)
Số dư cuối năm	464.864	610.223	232.196	46.165	581.640	1.935.088
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	28.297	357.824	163.272	32.506	346.324	928.223
Khấu hao trong năm	10.800	56.358	24.855	3.328	57.365	152.706
Phân loại lại	13.529	(217)	2.398	-	222	15.932
Thanh lý	-	(583)	(15.494)	(119)	(75)	(16.271)
Số dư cuối năm	52.626	413.382	175.031	35.715	403.836	1.080.590
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	576.918	240.335	68.578	10.443	208.750	1.105.024
Số dư cuối năm	412.238	196.841	57.165	10.450	177.804	854.498

2015	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	436.397	567.871	230.677	41.485	523.126	1.799.556
Tăng trong năm	-	-	217	-	-	217
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	191.196	30.482	4.003	2.240	35.186	263.107
Phân loại lại	-	625	-	(225)	(400)	-
Thanh lý	(22.378)	(819)	(3.047)	(551)	(2.838)	(29.633)
Số dư cuối năm	605.215	598.159	231.850	42.949	555.074	2.033.247
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	21.066	295.829	135.969	28.285	288.792	769.941
Khấu hao trong năm	8.209	62.519	30.244	4.866	59.302	165.140
Phân loại lại	-	220	-	(152)	(68)	-
Thanh lý	(978)	(744)	(2.941)	(493)	(1.702)	(6.858)
Số dư cuối năm	28.297	357.824	163.272	32.506	346.324	928.223
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	415.331	272.042	94.708	13.200	234.334	1.029.615
Số dư cuối năm	576.918	240.335	68.578	10.443	208.750	1.105.024

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, bao gồm trong tài sản cố định hữu hình là các tài sản có nguyên giá 394.083 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2015: 295.429 triệu VND).

13. Tài sản cố định vô hình

ĐVT: Triệu VND

2016	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
Nguyên giá`			
Số dư đầu năm	3.582.433	147.837	3.730.270
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	85.604	12.568	98.172
Phân loại sang tài sản có khác	(1.229.028)	-	(1.229.028)
Phân loại lại	66.737	-	66.737
Thanh lý	(44.551)	-	(44.551)
Số dư cuối năm	2.461.195	160.405	2.621.600
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	94.667	94.667
Khấu hao trong năm	-	13.502	13.502
Số dư cuối năm		108.169	108.169
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.582.433	53.170	3.635.603
Số dư cuối năm	2.461.195	52.236	2.513.431

ĐVT: Triệu VND

2015	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.209.098	132.495	3.341.593
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	603.132	15.342	618.474
Thanh lý	(229.797)	-	(229.797)
Số dư cuối năm	3.582.433	147.837	3.730.270
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	82.537	82.537
Khấu hao trong năm	-	12.130	12.130
Số dư cuối năm	-	94.667	94.667
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.209.098	49.958	3.259.056
Số dư cuối năm	3.582.433	53.170	3.635.603

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, bao gồm trong tài sản cố định vô hình là các tài sản có nguyên giá 48.329 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2015: 41.033 triệu VND).).

14. Tài sản Có khác

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)		
• Tạm ứng mua sắm bất động sản	355.364	310.151
• Chi phí xây dựng công trình	284.868	281.101
• Tạm ứng mua sắm tài sản khác	-	19.769
	640.232	611.021
Các khoản phải thu		
• Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần (ii)	285.859	303.828
• Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	53.315	57.797
• Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh số 20)	50.630	129.561
• Phải thu từ xử lý nợ của Vinashin (iii)	43.750	87.500
• Các khoản phải thu trong hoạt động thanh toán thẻ	43.313	31.079
• Các khoản phải thu trong cho vay hỗ trợ lãi suất	38.451	38.451
• Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp ở nước ngoài chờ tất toán	23.362	12.519
• Đặt cọc thuê nhà và ký quỹ hoạt động khác	22.063	26.111
• Phải thu cổ tức bằng tiền mặt	5.865	5.865
• Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.035	5.472
• Tạm ứng thu nợ chờ tất toán	1.398	18.736
• Các khoản phải thu khác	57.814	192.216
	630.855	909.135
Các khoản lãi, phí phải thu	840.414	992.436
Tài sản Có khác		
• Chi phí chờ phân bổ	49.294	72.962
• Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu, đang chờ xử lý (v)	1.296.359	-
• Vật liệu, công cụ lao động	19.064	17.473
• Thanh toán giữa các tổ chức tín dụng	9.336	13.132
	1.374.053	103.567
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(6.025)	(6.000)
	3.479.529	2.610.159

(i) *Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:*

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
Số dư đầu năm	611.021	835.496
Tăng trong năm	200.246	678.821
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(59.409)	(263.107)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(98.172)	(618.474)
Chuyển sang tài sản có khác	(13.454)	(21.715)
Số dư cuối năm	640.232	611.021

(ii) *Đây là các khoản phải thu từ việc chuyển nhượng cổ phần của hai công ty mà Tập đoàn đã đầu tư và sẽ đáo hạn trong năm 2018 và năm 2019.*

(iii) *Đây là khoản phải thu từ việc xử lý nợ vay của Tổng công ty Công nghiệp Tàu Thủy (Vinashin) theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và được phân bổ vào chi phí đến năm 2017. Biến động của khoản phải thu này trong năm là phần đã được phân bổ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

(iv) *Đây là giá trị của các tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Tập đoàn được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình sang tài sản có khác theo quy định kế toán hiện hành.*

(v) *Phân tích chất lượng tài sản Có khác được phân loại là tài sản Có rủi ro tín dụng:*

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	1.364.431	1.537.733
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	-	40
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	-	173
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	107	53
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	49.668	93.365
	1.414.206	1.631.364

15. Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Vay NHNNVN		
• Bằng VND	1.111.672	542.634
• Bằng ngoại tệ	-	2.311
	1.111.672	544.945

16. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền gửi không kỳ hạn		
• Bằng VND	80.900	81.426
• Bằng ngoại tệ	12.645	13.571
Tiền gửi có kỳ hạn		
• Bằng VND	795.240	4.565.000
• Bằng ngoại tệ	4.233.550	2.443.780
	5.122.335	7.103.777
Tiền vay		
• Bằng ngoại tệ	1.362.000	829.540
	6.484.335	7.933.317

17. Tiền gửi của khách hàng

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền gửi không kỳ hạn		
• Bằng VND	11.157.315	10.410.868
• Bằng ngoại tệ	3.061.176	3.389.012
Tiền gửi có kỳ hạn		
• Bằng VND	16.809.835	19.237.732
• Bằng ngoại tệ	447.720	799.151
Tiền gửi tiết kiệm		
• Bằng VND	64.618.248	53.658.311
• Bằng ngoại tệ	5.345.732	10.075.694
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
• Bằng VND	215.912	41.245
• Bằng ngoại tệ	17.240	55.435
Tiền gửi ký quỹ		
• Bằng VND	628.298	560.621
• Bằng ngoại tệ	50.018	202.473
	102.351.494	98.430.542

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Cá nhân	77.039.085	70.321.728
Công ty cổ phần	8.481.254	10.460.623
Công ty trách nhiệm hữu hạn	6.980.180	7.212.539
Doanh nghiệp nhà nước	5.413.294	5.796.873
Công ty 100% vốn nước ngoài	3.873.317	3.971.537
Doanh nghiệp tư nhân	113.467	176.700
Các đối tượng khác	450.897	490.542
	102.351.494	98.430.542

18. Phát hành giấy tờ có giá

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Chứng chỉ tiền gửi		
• Dưới 12 tháng	-	392
• Từ 5 năm trở lên	3.000.000	3.000.000
	3.000.000	3.000.392

19. Các khoản phải trả và công nợ khác

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Các khoản phải trả nội bộ		
• Các khoản phải trả nhân viên	12.404	5.365
• Các khoản phải trả nội bộ khác	594	4.659
Các khoản phải trả bên ngoài		
• Các khoản phải trả trong nghiệp vụ L/C	116.609	114.878
• Các khoản phải trả trong dịch vụ thanh toán thẻ	106.089	29.374
• Chuyển tiền phải trả	50.258	11.572
• Các khoản phải trả NHNNVN trong cho vay hỗ trợ lãi suất	29.863	29.841
• Các khoản thuế phải nộp Nhà nước (Thuyết minh số 20)	15.912	15.728
• Các khoản phải trả trong nghiệp vụ xử lý nợ	4.747	13.666
• Cổ tức phải trả	2.484	2.556
• Phải trả khác	50.487	33.380
• Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	15.862	24.375
	405.309	285.394

(i) Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
Số dư đầu năm	24.375	33.327
Trích từ lợi nhuận sau thuế trong năm (Thuyết minh số 21)	-	15.000
Sử dụng trong năm	(8.513)	(23.952)
Số dư cuối năm	15.862	24.375

20. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước

ĐVT: Triệu VND

2016	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(129.561)	81.698	(2.767)	(50.630)
Thuế giá trị gia tăng phải trả	9.309	70.688	(70.379)	9.618
Thuế thu nhập cá nhân	6.419	49.694	(49.819)	6.294
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	9.475	(9.475)	-
Các loại thuế khác	-	6.429	(6.429)	-
	(113.833)	217.984	(138.869)	(34.718)

ĐVT: Triệu VND

2015	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(128.948)	20.828	(21.441)	(129.561)
Thuế giá trị gia tăng phải trả	8.496	76.882	(76.069)	9.309
Thuế thu nhập cá nhân	3.958	62.045	(59.584)	6.419
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	3.769	(3.769)	-
Các loại thuế khác	-	6.062	(6.062)	-
	(116.494)	169.586	(166.925)	(113.833)

21. Vốn chủ sở hữu

(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

ĐVT: Triệu VND

	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗ lũy kế	Tổng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	12.355.229	15.396	156.322	(78.273)	514.704	990.583	326	(834.560)	13.119.727
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	39.994	39.994
Điều chỉnh các quỹ cho năm trước	-	-	-	-	(32)	(65)	-	97	-
Trích lập các quỹ cho năm nay	-	-	-	-	2.666	5.334	-	(8.000)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(15.000)	(15.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	12.355.229	15.396	156.322	(78.273)	517.338	995.852	326	(817.469)	13.144.721
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	308.932	308.932
Trích lập các quỹ cho năm nay	-	-	-	-	15.371	30.741	-	(46.112)	-
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(5.225)	-	-	(5.225)
Hoàn nhập từ các quỹ đã được trích lập trong các năm trước (*)	-	-	-	-	(31.195)	(60.354)	-	91.549	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	(9)	(9)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	12.355.229	15.396	156.322	(78.273)	501.514	961.014	326	(463.109)	13.448.419

(*) Đây là phần hoàn nhập các quỹ dự trữ bắt buộc đã được trích lập liên quan đến khoản lợi nhuận từ việc Ngân hàng bán một số tài sản cố định cho Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2013 được điều chỉnh hồi tố theo Kết luận của thanh tra do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2015.

(b) Vốn điều lệ

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016		31/12/2015	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá	Số cổ phiếu	Mệnh giá
Vốn điều lệ được duyệt	1.235.522.904	12.355.229	1.235.522.904	12.355.229
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.235.522.904	12.355.229	1.235.522.904	12.355.229
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(6.090.000)	(60.900)	(6.090.000)	(60.900)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.229.432.904	12.294.329	1.229.432.904	12.294.329

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông có quyền nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Ngân hàng mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Thu nhập lãi thuần

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ		
• Cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác	6.887.042	6.669.181
• Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	105.716	350.262
• Chứng khoán đầu tư	1.198.748	1.441.696
• Nghiệp vụ bảo lãnh	91.519	111.129
• Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	27.548	28.916
	8.310.573	8.601.184
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự cho		
• Tiền gửi của khách hàng và các tổ chức tín dụng khác	(4.802.285)	(4.707.171)
• Vay các tổ chức tín dụng khác	(27.901)	(93.702)
• Chứng chỉ tiền gửi	(390.862)	(375.001)
• Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	(7.446)	(27.620)
	(5.228.494)	(5.203.494)
Thu nhập lãi thuần	3.082.079	3.397.690

23. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2016	2015
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
• Dịch vụ thanh toán	493.489	476.699
• Dịch vụ ngân quỹ	42.326	33.082
• Dịch vụ khác	75.132	57.910
	610.947	567.691
Chi phí hoạt động dịch vụ		
• Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(219.644)	(204.878)
• Cước phí bưu điện, mạng viễn thông	(38.260)	(35.834)
• Vận chuyển, bốc xếp tiền	(7.294)	(6.766)
• Hoa hồng môi giới	(12.583)	(12.044)
• Các dịch vụ khác	(33.314)	(16.128)
	(311.095)	(275.650)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	299.852	292.041

ĐVT: Triệu VND

25. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2016	2015
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu từ các khoản nợ đã được xử lý trước đây	57.777	66.356
Thu từ thanh lý quyền sử dụng đất và tài sản cố định khác	81.027	305.106
Thu nhập khác	3.088	10.070
	141.892	381.532
Chi phí hoạt động khác		
Giá trị ghi sổ của quyền sử dụng đất và tài sản cố định khác được thanh lý	(71.154)	(294.910)
Chi phí khác	(2.868)	(1.480)
	(74.022)	(296.390)
Lãi thuần từ hoạt động khác	67.870	85.142

ĐVT: Triệu VND

24. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	2016	2015
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
• Lãi từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	1.296.010	1.318.090
• Lãi từ kinh doanh vàng	330.741	204.029
• Lãi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	289.365	510.436
	1.916.116	2.032.555
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
• Lỗ về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(1.034.974)	(1.071.600)
• Lỗ về kinh doanh vàng	(278.021)	(209.848)
• Lỗ về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(343.282)	(688.392)
	(1.656.277)	(1.969.840)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	259.839	62.715

ĐVT: Triệu VND

26. Lãi/(lỗ) từ góp vốn, mua cổ phần

	2016	2015
Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia trong năm từ:	345	2.308
• Chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán	-	26
• Góp vốn, đầu tư dài hạn	345	2.282
Lỗ từ bán các khoản đầu tư dài hạn khác	(80.554)	-
Phân chia lợi nhuận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	2.175
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 11)	85.706	1.072
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 11)	(4.952)	(9.617)
	545	(4.062)

ĐVT: Triệu VND

27. Chi phí hoạt động

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
1. Chi phí cho nhân viên:	1.172.904	1.148.906
Trong đó:		
• Chi lương và phụ cấp	1.004.504	1.002.325
• Các khoản chi đóng góp theo lương	79.362	73.544
• Chi ăn ca	65.828	62.881
• Chi y tế	4.764	5.316
• Chi trợ cấp	5.079	4.415
• Chi trang phục và phương tiện bảo hộ lao động	13.367	425
2. Chi về tài sản	483.102	499.114
Trong đó:		
• Chi phí thuê tài sản	199.857	200.207
• Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.208	177.270
• Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	82.371	77.361
• Mua sắm công cụ lao động	32.293	41.802
• Chi bảo hiểm tài sản	2.373	2.474
3. Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	96.394	82.193
4. Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết	72.192	71.147
5. Chi xuất bản tài liệu, quảng cáo	54.832	96.354
6. Chi điện nước, vệ sinh cơ quan	50.424	47.020
7. Chi dự phòng rủi ro khác	43.774	45.500
8. Chi vật liệu, giấy tờ in	36.248	40.367
9. Công tác phí	18.901	23.579
10. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	15.428	7.882
11. Chi phí thuê chuyên gia	10.813	15.017
12. Chi bưu phí và điện thoại	10.181	10.948
13. Chi phí mua tài liệu sách báo	5.867	7.515
14. Chi đào tạo, huấn luyện	3.565	3.995
15. Chi phí cho việc thanh tra, kiểm tra	1.752	2.248
16. Các khoản chi phí khác	178.837	202.769
	2.255.214	2.304.554

28. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
Trích lập dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (Thuyết minh số 6)	15.550	95.000
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng (Thuyết minh 9(ii))	(8.677)	10.168
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng (Thuyết minh 9(ii))	687.862	539.640
Hoàn nhập dự phòng chung chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 10(ii))	(27.059)	(6.203)
Trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh 10(iii))	474.543	803.919
Hoàn nhập dự phòng trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh 10(iii))	(53.153)	(8.537)
	1.089.066	1.433.987

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp
(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	81.698	20.828
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	81.698	20.828

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	390.630	60.822
Các khoản mục điều chỉnh:		
• Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	-	(1.932)
• Lãi được chia từ công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu	-	(2.175)
• Chi phí dự phòng của công ty liên kết cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	-	11.159
• Chi phí không được khấu trừ thuế	17.536	22.598
Thu nhập chịu thuế	408.166	90.472
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	81.328	20.645
Dự phòng thiếu trong những năm trước	370	183
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	81.698	20.828

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Ngân hàng là 20% (2015: 22%).

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% lợi nhuận chịu thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015 do doanh thu của công ty thấp hơn 20 tỷ VND theo hướng dẫn của Thông tư số 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào xem xét và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

30. Lãi trên cổ phiếu
(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng là 308.932 triệu VND (2015: 39.994 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.229.432.904 (2015: 1.229.432.904), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016	2015
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	308.932	39.994

ĐVT: Triệu VND

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	1.229.432.904	1.229.432.904

ĐVT: Cổ phiếu

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016	2015
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	251	33

ĐVT: VND

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015, Ngân hàng không có bất kỳ loại cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào. Do vậy, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

31. Tiền và các khoản tương đương tiền

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền mặt, vàng	2.020.060	2.040.749
Tiền gửi tại NHNNVN	3.765.279	2.716.264
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	8.281.291	7.817.724
	14.066.630	12.574.737

32. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

ĐVT: Triệu VND

	2016	2015
Tổng số nhân viên bình quân trong năm	6.010	6.046
Thu nhập của nhân viên		
1. Lương	1.004.504	1.002.325
2. Thưởng	8.170	10.865
3. Thu nhập khác	65.828	62.881
4. Tổng thu nhập (4=1+2+3)	1.078.502	1.076.071
Tiền lương bình quân hàng tháng/nhân viên	14	14
Thu nhập bình quân hàng tháng/nhân viên	15	15

33. Loại hình và giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Bất động sản	112.791.441	109.857.818
Máy móc và thiết bị	15.226.619	15.567.144
Cổ phiếu và giấy tờ có giá	14.982.604	20.909.487
Hàng tồn kho	705.539	553.676
Tài sản khác	28.259.473	25.603.203
	171.965.676	172.491.328

Ngoại trừ tài sản bảo đảm có giá trị nhỏ được định giá bởi các chi nhánh, tài sản bảo đảm được định giá bởi Trung tâm Thẩm định Giá Tài sản trực thuộc Hội sở chính của Ngân hàng. Đối với các tài sản bảo đảm (i) có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của Tập đoàn và các đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng theo quy định tại Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng, hoặc (ii) có giá trị từ 200 tỷ VND trở lên, Tập đoàn sử dụng dịch vụ định giá tài sản của các tổ chức có chức năng thẩm định giá độc lập theo danh sách được chấp thuận bởi Tổng Giám đốc Ngân hàng.

34. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016			31/12/2015		
	Giá trị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng - thuần	Giá trị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng - thuần
Bảo lãnh vay vốn	37.181	-	37.181	36.219	-	36.219
Cam kết giao dịch hối đoái	30.121.833	-	30.121.833	32.350.457	-	32.350.457
Trong đó:						
• Cam kết mua ngoại tệ	2.265.219	-	2.265.219	153.212	-	153.212
• Cam kết bán ngoại tệ	648.175	-	648.175	358.369	-	358.369
• Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	27.208.439	-	27.208.439	31.838.876	-	31.838.876
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	2.610.340	(162.468)	2.447.872	4.047.921	(190.929)	3.856.992
Bảo lãnh khác	2.943.896	(207.917)	2.735.979	3.228.650	(159.721)	3.068.929
Cam kết khác	165.441	-	165.441	163.400	-	163.400
	35.878.691	(370.385)	35.508.306	39.826.647	(350.650)	39.475.997

35. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VND

Số dư cuối năm	31/12/2016	31/12/2015
	Phải thu/(Phải trả)	
Các cổ đông lớn		
Tiền gửi từ các cổ đông lớn	(1.830.566)	(1.757.538)
Vay từ các cổ đông lớn	(454.000)	(112.100)
Tiền gửi tại các cổ đông lớn	736.132	1.759.491
Các bên liên quan khác (*)		
Tiền gửi từ các bên liên quan khác	(264.466)	(58.414)
Lãi phải trả cho các bên liên quan khác	(6.873)	(7.994)
Cho các bên liên quan khác vay	156.785	257
Lãi phải thu các bên liên quan khác	1.495	-

ĐVT: Triệu VND

Giao dịch phát sinh trong năm	2016	2015
	Thu nhập/(Chi phí)	
Các cổ đông lớn		
Thu nhập lãi	902	946
Chi phí lãi	(14.533)	(29.935)
Các bên liên quan khác (*)		
Thu nhập lãi	3.748	29
Chi phí lãi	(6.440)	(2.323)
Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị	-	(17.747)
Thù lao trả cho Ban Kiểm soát	-	(7.021)
Tiền lương và phụ cấp trả cho Ban Tổng Giám đốc	(40.560)	(48.858)

(*) Các bên liên quan khác bao gồm những nhân sự quản lý chủ chốt là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân này và những doanh nghiệp do các cá nhân này nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Tập đoàn.

36. Mức độ tập trung của tài sản, nợ phải trả và các cam kết ngoại bảng theo khu vực địa lý

ĐVT: Triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho vay khách hàng - gộp	Tiền gửi của khách hàng	Phát hành giấy tờ có giá	Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng	Chứng khoán đầu tư - gộp	Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	Công cụ tài chính phải sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)
Trong nước	86.891.327	101.104.909	3.000.000	5.589.633	21.608.219	1.937.865	7.123.099	5.235.835	8.896.857
Nước ngoài	-	1.246.585	-	1.784	-	-	1.268.742	1.248.500	1.853.797
	86.891.327	102.351.494	3.000.000	5.591.417	21.608.219	1.937.865	8.391.841	6.484.335	10.750.654

ĐVT: Triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho vay khách hàng - gộp	Tiền gửi của khách hàng	Phát hành giấy tờ có giá	Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng	Chứng khoán đầu tư - gộp	Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	Tiền gửi và vay từ TCTD khác	Công cụ tài chính phải sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)
Trong nước	84.759.792	97.145.933	3.000.392	7.309.487	20.135.636	2.031.645	6.246.195	7.260.717	18.362.454
Nước ngoài	-	1.284.609	-	3.303	-	-	1.682.079	672.600	1.389.716
	84.759.792	98.430.542	3.000.392	7.312.790	20.135.636	2.031.645	7.928.274	7.933.317	19.752.170

37. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Tập đoàn, và được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Tập đoàn và mỗi cá nhân trong Tập đoàn có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Tập đoàn đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Tập đoàn cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh chẳng hạn như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Tập đoàn.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Cơ cấu quản lý rủi ro

Cơ cấu quản lý rủi ro của Tập đoàn bao gồm Hội đồng Quản trị, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, lãnh đạo các đơn vị kinh doanh và các phòng có chức năng quản lý rủi ro tại Hội sở chính của Ngân hàng.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Tập đoàn.

Ủy ban Quản lý Rủi ro

Ủy ban Quản lý Rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động của Tập đoàn.

Ủy ban Quản lý Rủi ro phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Tập đoàn trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban Quản lý Rủi ro xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Tập đoàn để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Tập đoàn.

Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của Tập đoàn sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của Tập đoàn được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phản ánh cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Tập đoàn và tuân thủ các quy định an toàn của NHNNVN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Tập đoàn cũng như mức độ rủi ro mà Tập đoàn sẵn sàng chấp nhận.

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Trưởng phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng hạn mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lượng hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Tập đoàn.

Đối với tất cả các cấp trong Tập đoàn, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được lập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

Giảm thiểu rủi ro

Tập đoàn đã chủ động sử dụng các tài sản bảo đảm nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Tập đoàn cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động Tập đoàn đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Tập đoàn đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Tập đoàn cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh từ việc khách hàng vay không trả nợ gốc và lãi như cam kết hoặc các bên đối tác không đáp ứng tuân thủ theo các điều kiện hoặc theo hợp đồng. Rủi ro tín dụng bao gồm tất cả các loại sản phẩm tài chính: các giao dịch ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản tiền gửi, cho vay, thấu chi, trái phiếu, và các tài sản có khác; và các giao dịch ghi nhận ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất như là công cụ tài chính phái sinh, thư tín dụng và thư bảo lãnh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Tập đoàn xây dựng cơ cấu tổ chức các chức năng tín dụng dựa trên hệ thống kiểm soát và cân bằng, các đơn vị kinh doanh được tách hợp nhất hoàn toàn với các đơn vị phê duyệt tín dụng. Ngoại trừ việc ủy quyền phê duyệt tín dụng cho Giám đốc Chi nhánh đối với các giao dịch có giá trị nhỏ và rủi ro thấp, thẩm quyền phê duyệt tín dụng được thực hiện tập trung. Các chính sách quản lý rủi ro tín dụng đối với các rủi ro tín dụng trọng yếu được xây dựng và phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng, như sau:

- ❖ Các đơn vị kinh doanh được tách hợp nhất với các đơn vị quản lý rủi ro, định giá tài sản bảo đảm và phê duyệt tín dụng.
- ❖ Các đơn vị kinh doanh đề xuất cấp tín dụng và thực hiện định giá sơ bộ tài sản bảo đảm.
- ❖ Các đơn vị quản lý rủi ro độc lập với các đơn vị đề xuất ban đầu và thực hiện rà soát và tái thẩm định các đề xuất của đơn vị kinh doanh.
- ❖ Ngoại trừ việc phê duyệt các giao dịch có giá trị thấp và rủi ro thấp, thẩm quyền phê duyệt tín dụng được tập trung tại Hội sở. Các chính sách và các quy định liên quan đến quản lý rủi ro tín dụng được phê duyệt tương ứng bởi Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, bao gồm:
 - Chính sách Tín dụng;
 - Quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng;
 - Quy định về tài sản bảo đảm và định giá tài sản bảo đảm;
 - Quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng;
 - Hướng dẫn hạn mức tín dụng cho đối tác;
 - Quy trình Tín dụng;
 - Quy định về quy trình, nội dung kiểm tra và giám sát trước, trong và sau khi gia hạn tín dụng; và
 - Quy định về hoạt động, chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý Rủi ro.
- ❖ Các đơn vị quản lý rủi ro định kỳ gửi Báo cáo Rủi ro đến Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban Quản lý Rủi ro, Hội đồng Quản trị, báo cáo này gồm báo cáo về tăng trưởng tín dụng, chất lượng tín dụng, phân phối tín dụng theo hệ thống xếp hạng rủi ro tín dụng mới, dự phòng tín dụng, tín dụng có vấn đề, giám sát rà soát khách hàng, dư nợ theo ngành nghề, nhóm nợ và tập trung tín dụng.
- ❖ Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán và kiểm tra thường xuyên đảm bảo sự tuân thủ và tính hiệu lực của các chính sách và quy trình nghiệp vụ.

Tài sản bảo đảm

Tài sản bảo đảm được định giá bởi một bộ phận độc lập với bộ phận kinh doanh dựa trên giá thị trường tại thời điểm định giá. Việc định giá tài sản bảo đảm được cập nhật thường xuyên.

Các loại tài sản bảo đảm chính bao gồm bất động sản, máy móc và thiết bị, hàng tồn kho và giấy tờ có giá. Hướng dẫn đánh giá tài sản là động sản, bất động sản đang được rà soát và cập nhật nhằm tuân thủ các quy định của NHNNVN.

Các cam kết và bảo lãnh

Để đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng, Tập đoàn phát hành các cam kết không hủy ngang và các nợ tiềm ẩn khác nhau. Các cam kết và bảo lãnh cũng được xếp hạng và phân loại rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng tập trung

Mức độ rủi ro tín dụng tập trung của Tập đoàn được quản lý theo khách hàng, theo bộ phận địa lý và ngành nghề.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn tại ngày báo cáo, không tính đến tài sản bảo đảm, bao gồm:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Các khoản cho vay và phải thu		
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3.765.279	2.716.264
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp (i)	8.391.841	7.928.274
Cho vay khách hàng – gộp (ii)	86.891.327	84.759.792
Các khoản phải thu – gộp	573.792	638.927
Các khoản lãi, phí phải thu	840.414	992.436
	100.462.653	97.035.693
Chứng khoán đầu tư – gộp (iii)		
Chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán	9.354.769	3.922.512
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.219.500	16.178.452
	21.574.269	20.100.964
Các cam kết tín dụng – gộp		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	2.610.340	4.047.921
Bảo lãnh khác	2.981.077	3.264.869
	5.591.417	7.312.790
	127.628.339	124.449.447

(i) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác của Tập đoàn chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu được giao dịch với các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi và cho vay này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là từ các khách hàng có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn.

(iii) Chứng khoán đầu tư

Tập đoàn giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu của các tổ chức tín dụng, trái phiếu của các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán hay thị trường UPCoM. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng sẽ không có tổn thất tài chính trọng yếu nào có thể phát sinh từ các chứng khoán đầu tư này.

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày báo cáo như sau:

ĐVT: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay và phải thu					
Cho vay khách hàng – gộp	79.863	25.491	38.997	365.124	509.475
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay và phải thu					
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	-	15.550	-	15.550
Cho vay khách hàng – gộp	100.797	21.427	26.335	406.679	555.238
	100.797	21.427	41.885	406.679	570.788

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính bị giảm giá tại ngày báo cáo như sau:

ĐVT: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay và phải thu					
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	-	-	110.550	110.550
Cho vay khách hàng – gộp	331.659	1.044.497	318.928	767.111	2.462.195
Tài sản Có khác – gộp	-	-	160	49.615	49.775
	331.659	1.044.497	319.088	927.276	2.622.520
ĐVT: Triệu VND					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay và phải thu					
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	-	-	95.000	95.000
Cho vay khách hàng – gộp	393.088	160.565	564.981	395.485	1.514.119
Tài sản Có khác – gộp	40	173	53	93.365	93.631
	393.128	160.738	565.034	583.850	1.702.750

ĐVT: Triệu VND

Xem Thuyết minh số 33 về các loại và giá trị tài sản bảo đảm nhận được từ khách hàng. Tập đoàn chưa xác định và trình bày giá trị hợp lý của tài sản bảo đảm cho các tài sản tài chính quá hạn và bị tổn thất vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các tài sản bảo đảm này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(c) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất, các sản phẩm tiền tệ và công cụ vốn, tất cả các sản phẩm này đều chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi của mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá cổ phiếu.

(i) **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền của công cụ tài chính biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Tập đoàn sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Tập đoàn quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo kỳ định lại lãi suất thực tế

Kỳ định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau đây được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn:

- ❖ Tiền mặt, vàng; các công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác; góp vốn, đầu tư dài hạn; các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản có khác) và các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không chịu lãi.
- ❖ Tiền gửi tại NHNNVN được xếp loại vào tiền gửi thanh toán do đó kỳ định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục dưới một tháng.
- ❖ Kỳ định lại lãi suất thực tế của chứng khoán nợ đầu tư được tính dựa trên thời gian đến hạn thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán của từng loại chứng khoán.
- ❖ Kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác; cho vay khách hàng; tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian còn lại của hợp đồng tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời hạn định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ❖ Kỳ định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn còn lại của từng loại giấy tờ có giá.

Bảng sau trình bày tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn được phân loại theo thời hạn ngắn hơn giữa kỳ định giá lại
lãi suất hoặc ngày đáo hạn hợp đồng tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: Triệu VND									
	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản									
Tiền mặt, vàng	-	2.020.060	-	-	-	-	-	-	2.020.060
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.765.279	-	-	-	-	-	3.765.279
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	110.550	-	7.628.491	652.800	-	-	-	-	8.391.841
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	9.841	-	-	-	-	-	-	9.841
Cho vay khách hàng – gộp (*)	2.971.670	-	39.120.151	16.871.273	14.202.055	11.531.813	2.146.105	48.260	86.891.327
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	7.063.450	-	250.828	1.719.251	3.123.025	9.376.665	75.000	21.608.219
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	1.937.865	-	-	-	-	-	-	1.937.865
Tài sản cố định	-	3.367.929	-	-	-	-	-	-	3.367.929
Tài sản có khác – gộp	49.775	3.435.779	-	-	-	-	-	-	3.485.554
Tổng tài sản (1)	3.131.995	17.834.924	50.513.921	17.774.901	15.921.306	14.654.838	11.522.770	123.260	131.477.915
Nợ phải trả									
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	1.048.581	24.384	15.182	23.525	-	-	1.111.672
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	2.716.135	3.768.200	-	-	-	-	6.484.335
Tiền gửi của khách hàng	-	-	46.472.362	19.926.252	17.265.919	14.473.416	4.213.041	504	102.351.494
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	-	3.000.000	-	3.000.000
Các khoản nợ khác	-	2.405.588	-	-	-	-	-	-	2.405.588
Tổng nợ phải trả (2)	-	2.405.588	50.237.078	23.718.836	17.281.101	14.496.941	7.213.041	504	115.353.089
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng [(3)=(1)-(2)]	3.131.995	15.429.336	276.843	(5.943.935)	(1.359.795)	157.897	4.309.729	122.756	16.124.826
Mức chênh lệch cảm với lãi suất ngoại bảng (4)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	3.131.995	15.429.336	276.843	(5.943.935)	(1.359.795)	157.897	4.309.729	122.756	16.124.826

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: Triệu VND

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản									
Tiền mặt, vàng	-	2.040.749	-	-	-	-	-	-	2.040.749
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	2.716.264	-	-	-	-	-	2.716.264
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	110.550	-	7.772.884	44.840	-	-	-	-	7.928.274
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	30.797	-	-	-	-	-	-	30.797
Cho vay khách hàng – gộp (*)	2.069.357	-	39.810.005	15.440.732	13.568.515	11.214.110	2.589.702	67.371	84.759.792
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	6.265.082	2.373.041	-	900.631	3.856.644	6.665.238	75.000	20.135.636
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	2.031.645	-	-	-	-	-	-	2.031.645
Tài sản cố định	-	4.740.627	-	-	-	-	-	-	4.740.627
Tài sản có khác – gộp	93.631	2.522.528	-	-	-	-	-	-	2.616.159
Tổng tài sản (1)	2.273.538	17.631.428	52.672.194	15.485.572	14.469.146	15.070.754	9.254.940	142.371	126.999.943
Nợ phải trả									
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	518.720	-	2.907	23.318	-	-	544.945
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	7.552.017	381.300	-	-	-	-	7.933.317
Tiền gửi của khách hàng	-	-	50.271.102	18.992.379	12.096.509	8.816.283	8.253.717	552	98.430.542
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	392	-	-	-	-	3.000.000	3.000.392
Các khoản nợ khác	-	1.795.758	-	-	-	-	-	-	1.795.758
Tổng nợ phải trả (2)	-	1.795.758	58.342.231	19.373.679	12.099.416	8.839.601	8.253.717	3.000.552	111.704.954
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng [(3)=(1)-(2)]	2.273.538	15.835.670	(5.670.037)	(3.888.107)	2.369.730	6.231.153	1.001.223	(2.858.181)	15.294.989
Mức chênh lệch cảm với lãi suất ngoại bảng (4)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	2.273.538	15.835.670	(5.670.037)	(3.888.107)	2.369.730	6.231.153	1.001.223	(2.858.181)	15.294.989

(*) Các số dư này được tính toán dựa trên cơ sở khách hàng thay vì trên cơ sở từng khoản vay.

Bảng dưới đây thể hiện lãi suất thực tế bình quân của những công cụ tài chính chịu lãi với thời hạn và đơn vị tiền tệ khác nhau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Tài sản								
Tiền gửi tại NHNNVN								
• VND	-	0,60%	-	-	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	0,03%	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác								
• VND	-	-	4,71%	5,26%	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	-	1,58%	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng								
• VND	10,22%	-	9,35%	8,25%	8,71%	9,89%	8,94%	8,33%
• Ngoại tệ	5,93%	-	2,96%	3,32%	3,42%	1,83%	4,65%	-
Chứng khoán đầu tư								
• VND	-	-	-	6,12%	7,34%	6,38%	5,70%	7,46%
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN								
• VND	-	-	3,50%	3,50%	3,50%	3,50%	-	-
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác								
• VND	-	-	4,79%	-	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	-	1,51%	1,75%	-	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng								
• VND	-	0,30%	5,17%	5,69%	7,02%	7,02%	7,26%	7,86%
• Ngoại tệ	-	0,11%	0,03%	0,05%	0,04%	0,04%	0,13%	-
Phát hành giấy tờ có giá								
• VND	-	-		-	-	-	13,25%	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Tài sản								
Tiền gửi tại NHNNVN								
• VND	-	0,60%	-	-	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	0,03%	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác								
• VND	0,00%	0,33%	5,12%	-	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	0,11%	0,11%	1,00%	-	-	-	-
Cho vay khách hàng								
• VND	10,30%	-	9,12%	8,91%	9,20%	9,24%	8,83%	8,34%
• Ngoại tệ	6,61%	-	4,61%	3,63%	3,54%	3,04%	5,22%	-
Chứng khoán đầu tư								
• VND	-	-	10,03%	-	10,90%	8,96%	7,70%	8,70%
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN								
• VND	-	-	5,00%	-	3,50%	3,50%	-	-
• Ngoại tệ	-	-	-	-	2,33%	-	-	-
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác								
• VND	-	0,33%	5,00%	4,80%	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	0,01%	0,65%	1,57%	-	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng								
• VND	-	0,30%	4,98%	6,00%	6,28%	6,17%	6,82%	5,90%
• Ngoại tệ	-	0,10%	0,18%	0,28%	0,33%	0,41%	0,24%	-
Phát hành giấy tờ có giá								
• VND	-	-	3,01%	-	-	-	-	12,50%

Phân tích độ nhạy với lãi suất

Tập đoàn chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro phát sinh từ những thay đổi về tỷ giá hối đoái đối với đồng VND, đồng tiền hạch toán kế toán của Tập đoàn, gây ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính hoặc có thể gây ra những biến động đối với thu nhập của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách xây dựng các hạn mức rủi ro về trạng thái tiền tệ. Những hạn mức này bao gồm hạn mức trạng thái giới hạn mở, trạng thái mở theo từng loại tiền tệ.

Đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và vàng. Tập đoàn đã thiết lập một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của từng loại tiền tệ. Trạng thái tiền tệ được quản lý hàng ngày để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Tập đoàn áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2016	31/12/2015
USD/VND	22.700	22.420
EUR/VND	23.793	24.429
XAU/VND (chì)	3.500.000	3.220.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: Triệu VND

	VND	USD	Vàng	EUR	Tiền tệ khác	Tổng
Tài sản						
Tiền mặt, vàng	998.702	595.614	166.376	82.479	176.889	2.020.060
Tiền gửi tại NHNNVN	3.058.005	707.274	-	-	-	3.765.279
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	4.758.427	3.351.672	-	109.716	172.026	8.391.841
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	1.002.519	(1.668.878)	-	257.742	418.458	9.841
Cho vay khách hàng – gộp	77.246.364	9.548.794	56.205	26.195	13.769	86.891.327
Chứng khoán đầu tư – gộp	21.608.219	-	-	-	-	21.608.219
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	1.937.865	-	-	-	-	1.937.865
Tài sản cố định	3.367.929	-	-	-	-	3.367.929
Tài sản có khác – gộp	3.458.799	26.127	-	-	628	3.485.554
Tổng tài sản (1)	117.436.829	12.560.603	222.581	476.132	781.770	131.477.915
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu						
Các khoản nợ NHNNVN	1.111.672	-	-	-	-	1.111.672
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	876.140	5.608.050	-	104	41	6.484.335
Tiền gửi của khách hàng	93.429.607	7.701.911	-	470.931	749.045	102.351.494
Phát hành giấy tờ có giá	3.000.000	-	-	-	-	3.000.000
Các khoản nợ khác	2.226.495	161.469	-	1.779	15.845	2.405.588
Vốn chủ sở hữu	13.448.419	-	-	-	-	13.448.419
Tổng nợ phải trả (2)	114.092.333	13.471.430	-	472.814	764.931	128.801.508
Trạng thái tiền tệ nội bảng [(3)=(1)-(2)]	3.344.496	(910.827)	222.581	3.318	16.839	2.676.407
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	(1.620.978)	1.673.544	(40.110)	(3.569)	(12.821)	(3.934)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	1.723.518	762.717	182.471	(251)	4.018	2.672.473

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: Triệu VND

	VND	USD	Vàng	EUR	Tiền tệ khác	Tổng
Tài sản						
Tiền mặt, vàng	846.541	518.760	252.049	68.506	354.893	2.040.749
Tiền gửi tại NHNNVN	1.607.784	1.108.480	-	-	-	2.716.264
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	3.515.358	3.789.064	-	289.292	334.560	7.928.274
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(2.011.766)	1.334.500	-	169.397	538.666	30.797
Cho vay khách hàng – gộp	74.035.188	10.558.432	83.018	41.295	41.859	84.759.792
Chứng khoán đầu tư – gộp	20.135.636	-	-	-	-	20.135.636
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	2.031.645	-	-	-	-	2.031.645
Tài sản cố định	4.740.627	-	-	-	-	4.740.627
Tài sản có khác – gộp	2.564.322	45.451	-	1.986	4.400	2.616.159
Tổng tài sản (1)	107.465.335	17.354.687	335.067	570.476	1.274.378	126.999.943
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu						
Các khoản nợ NHNNVN	542.634	2.311	-	-	-	544.945
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	4.646.426	3.286.742	-	109	40	7.933.317
Tiền gửi của khách hàng	83.908.777	12.714.618	-	564.665	1.242.482	98.430.542
Phát hành giấy tờ có giá	3.000.122	270	-	-	-	3.000.392
Các khoản nợ khác	1.661.836	131.556	-	380	1.986	1.795.758
Vốn chủ sở hữu	13.144.721	-	-	-	-	13.144.721
Tổng nợ phải trả (2)	106.904.516	16.135.497	-	565.154	1.244.508	124.849.675
Trạng thái tiền tệ nội bảng [(3)=(1)-(2)]	560.819	1.219.190	335.067	5.322	29.870	2.150.268
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	206.423	(153.954)	(25.760)	855	(26.298)	1.266
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	767.242	1.065.236	309.307	6.177	3.572	2.151.534

Dưới đây là bảng phân tích tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

ĐVT: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế Tăng/(giảm)
USD (mạnh lên 1%)	6.102
EUR (yếu đi 3%)	6
XAU (mạnh lên 9%)	13.138

ĐVT: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế Tăng/(giảm)
USD (mạnh lên 5%)	41.544
EUR (yếu đi 6%)	(289)
XAU (yếu đi 8%)	(19.301)

(iii) **Rủi ro về giá thị trường**

Rủi ro về giá chứng khoán là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán giảm do việc thay đổi giá của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán phát sinh từ chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán của Tập đoàn.

Chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán của Tập đoàn chịu ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tập đoàn quản lý rủi ro giá chứng khoán bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán của Tập đoàn là không đáng kể do Tập đoàn nắm giữ danh mục chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán không đáng kể tại ngày báo cáo.

(d) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Tập đoàn huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Tập đoàn, đồng thời Tập đoàn cân có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Tập đoàn cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản bảo đảm hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Rủi ro thanh khoản còn được hạn chế thông qua việc nắm giữ tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày báo cáo đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn:

- ❖ Tiền gửi tại NHNNVN được xếp vào loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi của khách hàng.
- ❖ Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/nợ phải trả tài chính khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.
- ❖ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- ❖ Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là trên 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định và Tập đoàn có ý định nắm giữ lâu dài.
- ❖ Thời gian đáo hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.
- ❖ Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán từ các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đáo hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.

Dưới đây là bảng phân tích tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn theo nhóm dựa trên thời gian còn lại tính từ ngày báo cáo đến ngày đáo hạn. Trên thực tế, thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả có thể khác với cam kết, tùy thuộc vào các phụ lục hợp đồng được ký.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: Triệu VND

	Quá hạn			Trong hạn				Tổng
	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng	-	-	2.020.060	-	-	-	-	2.020.060
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.765.279	-	-	-	-	3.765.279
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	110.550	-	7.628.491	652.800	-	-	-	8.391.841
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	9.841	-	-	-	9.841
Cho vay khách hàng – gộp	2.560.148	411.522	3.499.824	11.014.281	19.459.125	15.819.722	34.126.705	86.891.327
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	1.270	250.832	2.827.276	17.953.841	575.000	21.608.219
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	-	-	-	1.937.865	1.937.865
Tài sản cố định	-	-	10.740	4.174	55.479	237.722	3.059.814	3.367.929
Tài sản có khác – gộp	49.775	-	967.151	135.047	714.841	1.618.740	-	3.485.554
Tổng tài sản (1)	2.720.473	411.522	17.892.815	12.066.975	23.056.721	35.630.025	39.699.384	131.477.915
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	1.048.581	24.384	38.707	-	-	1.111.672
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	2.716.135	3.768.200	-	-	-	6.484.335
Tiền gửi của khách hàng	-	-	46.472.362	19.926.252	31.739.335	4.213.041	504	102.351.494
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	3.000.000	-	3.000.000
Các khoản nợ khác	-	-	2.179.189	27.425	82.365	116.609	-	2.405.588
Tổng nợ phải trả (2)	-	-	52.416.267	23.746.261	31.860.407	7.329.650	504	115.353.089
Mức chênh thanh khoản ròng [(3)=(1)-(2)]	2.720.473	411.522	(34.523.452)	(11.679.286)	(8.803.686)	28.300.375	39.698.880	16.124.826

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: Triệu VND

	Quá hạn			Trong hạn				Tổng
	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng	-	-	2.040.749	-	-	-	-	2.040.749
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	2.716.264	-	-	-	-	2.716.264
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	110.550	-	7.772.884	44.840	-	-	-	7.928.274
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	30.797	-	-	-	30.797
Cho vay khách hàng – gộp	1.575.472	493.885	3.663.379	8.338.881	19.523.189	17.099.354	34.065.632	84.759.792
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	52.033	-	2.780.275	16.695.648	607.680	20.135.636
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	-	-	-	2.031.645	2.031.645
Tài sản cố định	-	-	96	178	29.680	240.751	4.469.922	4.740.627
Tài sản có khác – gộp	93.631	-	1.137.383	12.683	789.040	583.422	-	2.616.159
Tổng tài sản (1)	1.779.653	493.885	17.382.788	8.427.379	23.122.184	34.619.175	41.174.879	126.999.943
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	518.720	-	26.225	-	-	544.945
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	7.552.017	381.300	-	-	-	7.933.317
Tiền gửi của khách hàng	-	-	50.271.102	18.992.379	20.912.792	8.253.717	552	98.430.542
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	392	-	-	-	3.000.000	3.000.392
Các khoản nợ khác	-	-	1.575.010	24.375	81.495	114.878	-	1.795.758
Tổng nợ phải trả (2)	-	-	59.917.241	19.398.054	21.020.512	8.368.595	3.000.552	111.704.954
Mức chênh thanh khoản ròng [(3)=(1)-(2)]	1.779.653	493.885	(42.534.453)	(10.970.675)	2.101.672	26.250.580	38.174.327	15.294.989

(d) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>				
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9.841	(*)	30.797	(*)
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
• Trái phiếu Chính phủ không có giá niêm yết	100.000	-	150.042	(*)
• Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác	10.707.617	(*)	15.010.858	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
• Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3.765.279	3.765.279	2.716.264	2.716.264
• Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	8.281.291	(*)	7.833.274	(*)
• Cho vay khách hàng	85.824.814	(*)	83.889.887	(*)
• Các khoản phải thu	567.767	(*)	632.927	(*)
• Các khoản lãi, phí phải thu	840.414	(*)	992.436	(*)
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
• Trái phiếu Chính phủ có giá niêm yết	6.432.211	6.565.945	-	-
• Cổ phiếu có giá niêm yết	33.570	33.570	35.469	35.469
• Trái phiếu Chính phủ không có giá niêm yết	2.922.558	(*)	3.922.512	(*)
• Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác	-	-	722	(*)
• Góp vốn, đầu tư dài hạn	1.856.808	(*)	1.869.834	(*)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
• Các khoản nợ NHNNVN	(1.111.672)	(*)	(544.945)	(*)
• Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	(6.484.335)	(*)	(7.933.317)	(*)
• Tiền gửi của khách hàng	(102.351.494)	(*)	(98.430.542)	(*)
• Phát hành giấy tờ có giá	(3.000.000)	(*)	(3.000.392)	(*)
• Các khoản lãi, phí phải trả	(2.000.279)	(*)	(1.510.364)	(*)
Nợ phải trả tài chính khác	(373.535)	(*)	(244.937)	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

38. Báo cáo bộ phận

(a) Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn được trình bày như sau:

ĐVT: Triệu VND

Năm kết thúc ngày 31/12/2016					Tổng
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Loại trừ	
I. Doanh thu					
1. Doanh thu lãi					
Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài	1.120.645	858.655	6.331.273	-	8.310.573
Doanh thu lãi nội bộ	927.025	395.311	10.478.044	(11.800.380)	-
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	71.276	24.762	514.909	-	610.947
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	32.841	32.585	361.574	-	427.000
II. Chi phí					
1. Chi phí lãi					
Chi phí lãi cho khách hàng bên ngoài	(721.430)	(320.328)	(4.186.736)	-	(5.228.494)
Chi phí lãi nội bộ	(974.072)	(721.107)	(10.105.201)	11.800.380	-
2. Chi phí khấu hao tài sản cố định	(21.269)	(13.151)	(131.788)	-	(166.208)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(322.286)	(169.761)	(1.982.075)	-	(2.474.122)
Kết quả hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	112.730	86.966	1.280.000	-	1.479.696
Chi phí dự phòng rủi ro	(331.677)	(156.656)	(600.733)	-	(1.089.066)
Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế TNDN	(218.947)	(69.690)	679.267	-	390.630

ĐVT: Triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016					Tổng
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Loại trừ	
Tài sản					
Tiền mặt, vàng	513.907	225.625	1.280.528	-	2.020.060
Tài sản cố định	31.046	10.758	3.326.125	-	3.367.929
Tài sản khác	16.840.222	8.951.935	99.497.354	(1.875.992)	123.413.519
Nợ phải trả					
Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	(15.857.628)	(6.746.371)	(90.453.269)	109.767	(112.947.501)
Nợ phải trả nội bộ	(1.287)	(1.630)	(10.081)	-	(12.998)
Nợ phải trả khác	(291.760)	(139.250)	(2.772.805)	811.225	(2.392.590)

ĐVT: Triệu VND

Năm kết thúc ngày 31/12/2015					
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Loại trừ	Tổng
I. Doanh thu					
1. Doanh thu lãi					
Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài	1.080.525	815.229	6.705.430	-	8.601.184
Doanh thu lãi nội bộ	1.164.138	308.547	9.778.148	(11.250.833)	-
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	64.930	22.395	480.366	-	567.691
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	40.674	21.079	385.238	-	446.991
II. Chi phí					
1. Chi phí lãi					
Chi phí lãi cho khách hàng bên ngoài	(887.943)	(226.155)	(4.089.396)	-	(5.203.494)
Chi phí lãi nội bộ	(1.007.369)	(677.384)	(9.566.080)	11.250.833	-
2. Chi phí khấu hao tài sản cố định	(21.773)	(13.760)	(141.737)	-	(177.270)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(312.569)	(159.502)	(2.268.222)	-	(2.740.293)
Kết quả hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	120.613	90.449	1.283.747	-	1.494.809
Chi phí dự phòng rủi ro	(309.987)	(86.680)	(1.037.320)	-	(1.433.987)
Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế TNDN	(189.374)	3.769	246.427		60.822

ĐVT: Triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015					
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Loại trừ	Tổng
Tài sản					
Tiền mặt, vàng	447.887	243.846	1.349.016	-	2.040.749
Tài sản cố định	24.638	15.406	4.700.583	-	4.740.627
Tài sản khác	14.822.650	9.672.127	95.435.881	(1.862.359)	118.068.299
Nợ phải trả					
Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	(16.215.129)	(5.314.319)	(88.474.440)	94.692	(109.909.196)
Nợ phải trả nội bộ	(230)	-	(9.793)	-	(10.023)
Nợ phải trả khác	(407.264)	(170.434)	(2.019.185)	811.148	(1.785.735)

(b) Báo cáo bộ phận thứ yếu

Tập đoàn chủ yếu hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực ngân hàng thương mại.

39. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	135.062	122.085

(b) Cam kết thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2016	31/12/2015
Đến một năm	184.257	159.062
Trên một đến năm năm	382.034	337.312
Trên năm năm	28.655	30.915
	594.946	527.289

Người lập

Người kiểm soát

Người đại diện theo pháp luật







Nguyễn Minh Thanh
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Quyết
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG được công bố trên website của ngân hàng tại địa chỉ:
<https://www.eximbank.com.vn/home/Static/baocaotaichinh.aspx>

STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
1	Chi nhánh Hà Nội	19 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
2	PGD Nguyễn Du	(Tầng 1+2) Tòa nhà số 76 Mai Hắc Đế, P. Bưởi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
3	PGD Bạch Mai	(Tầng 2+3) Tòa nhà số 134 Phố Bạch Mai, P. Cầu Dền, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
4	PGD Hàng Than	18 Phố Hàng Than, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội
5	PGD Xuân Diệu	96 Yên Phụ, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, Tp. Hà Nội
6	PGD Tây Hồ	509B Phố Lạc Long Quân, P. Xuân La, Q. Tây Hồ, Tp. Hà Nội
7	PGD Lý Thường Kiệt	15 Liễu Giai, P. Liễu Giai, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội
8	PGD Bà Triệu	(Tầng 1 - 4) Tòa nhà số 2C Phố Thái Phiên, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
9	PGD Nguyễn Chí Thanh	Tầng 1 (lô số 9) Tòa nhà M3-M4, số 91A Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
10	Chi nhánh Ba Đình	(Tầng 1 + 2) Tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội
11	PGD Trung Yên	143 Trung Kính, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
12	PGD Trung Hòa	Lô NV-B30 Phố Nguyễn Thị Định, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
13	PGD Cửa Đông	(Tầng 1,2) số 152 Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
14	PGD Mỹ Đình	B1-12 Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình, Q. Từ Liêm, Tp. Hà Nội
15	PGD Hàng Bông	(Tầng 1) số 10-12-14 Cửa Nam, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
16	PGD Thăng Long	Trung Tâm Công Nghệ - KCN Thăng Long, H. Đông Anh, Tp. Hà Nội
17	Chi nhánh Long Biên	558 Nguyễn Văn Cừ, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội
18	PGD Việt Hưng	(Tầng 1) Căn nhà số 567 Ngõ Gia Tự, P. Đức Giang, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội
19	PGD Lò Đức	(Tầng 1) Tòa nhà 73 Lò Đức, P. Phạm Đình Hổ, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
20	PGD Nguyễn Thái Học	(Tầng 1 + 2) Tòa nhà số 91 Phố Nguyễn Thái Học, P.Điện Biên, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội
21	PGD Đồng Xuân	16 Trần Nhật Duật, P. Đồng Xuân, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
22	Chi nhánh Thủ Đô	(Tầng 1 và tầng 5) Tòa nhà số 257 Giải Phóng, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
23	PGD Trần Khát Chân	439 Trần Khát Chân, P. Thanh Nhân, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
24	PGD Nguyễn Phong Sắc	(Tầng 1) Tòa nhà Sannam, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
25	Chi nhánh Cầu Giấy	(Tầng trệt) Tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, P. Thụy Khê, Q. Tây Hồ, Tp. Hà Nội
26	QTK Nguyễn Cơ Thạch	(Tầng 1) Tòa nhà số 136 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Tân, Q. cầu Giấy, Tp. Hà Nội
27	Chi nhánh Đống Đa	(Tầng 1 + tầng 2) Tòa nhà số 292 Tây Sơn, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
28	PGD Kim Liên	206 Phố Xã Đàn, Tổ 27, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
29	PGD Trần Đăng Ninh	6C Tổ 24, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
30	PGD Hà Đông	24 Phố Quang Trung, P. Quang Trung, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội
31	PGD Đống Tâm	10B2 Phố Trần Đại Nghĩa, P. Đống Tâm, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
32	Chi nhánh Hải Phòng	32 Trần Phú, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
33	PGD KCN Nomura Hải Phòng	Cổng phụ KCN Nomura, xã Tân Tiến, H. An Dương, Tp. Hải Phòng
34	PGD Trần Nguyễn Hân	274 Trần Nguyễn Hân, P. Niêm Nghĩa, Q. Lê Chân, Hải Phòng

STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
35	PGD Thủy Nguyên	Mặt tiền đường TL359, thôn Phù Liễn, xã Thủy Sơn, H. Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng
36	PGD Tô Hiệu	172 Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, Tp. Hải Phòng
37	Chi nhánh Vinh	182 Nguyễn Văn Cừ, P. Hưng Phúc, Tp. Vinh, Nghệ An
38	PGD Thanh Chương	Khối 4, TT. Thanh Chương, H. Thanh Chương, Nghệ An
39	PGD Yên Thành	Khối 1, TT. Yên Thành, H. Yên Thành, Nghệ An
40	PGD Diễn Châu	Kiot số 02, TTTM Diễn Châu, TT. Diễn Châu, H. Diễn Châu, Nghệ An
41	PGD Đô Lương	Khối 3, TT. Đô Lương, H. Đô Lương, Nghệ An
42	PGD Thái Phiên	80 Thái Phiên, P. Hồng Sơn, Tp. Vinh, Nghệ An
43	PGD Nam Vinh	343 Lê Duẩn, P. Trung Đô, Tp. Vinh, Nghệ An
44	PGD Bắc Vinh	150 Nguyễn Trãi, Tp. Vinh, Nghệ An
45	Chi nhánh Quảng Ninh	14-16 Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, Tp. Hạ Long, Quảng Ninh
46	PGD Móng Cái	01 Hùng Vương, P. Hòa Lạc, Tp. Móng Cái, Quảng Ninh
47	PGD Quảng Yên	66 Lê Lợi, TT. Quảng Yên, H. Yên Hưng, Quảng Ninh
48	PGD Uông Bí	434 Quang Trung, P. Quang Trung, Tx. Uông Bí, Quảng Ninh
49	PGD Hạ Long	(Tầng trệt) Tòa nhà Bưu Điện Hạ Long, Tổ 2, khu 2, P. Bãi Cháy, Tp. Hạ Long, Quảng Ninh
50	PGD Cẩm Phả	144 Trần Phú, Tổ 30B, P. Cẩm Tây, Tx. Cẩm Phả, Quảng Ninh
51	Chi nhánh Quảng Ngãi	35A-35B Đại lộ Hùng Vương, P. Trần Hưng Đạo, Tp. Quảng Ngãi, Quảng Ngãi
52	PGD Nguyễn Nghiêm	268 Nguyễn Nghiêm, P. Nguyễn Nghiêm, Tp. Quảng Ngãi, Quảng Ngãi
53	Chi nhánh Đà Nẵng	48 Trần Phú, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
54	PGD Thanh Khê	203 Ông Ích Khiêm, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
55	PGD Hải Châu	484 Hoàng Diệu, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
56	PGD Hàm Nghi	44A Hàm Nghi, P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
57	PGD Sơn Trà	794-796 Ngõ Quyền, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng
58	Chi nhánh Hùng Vương	151-153 Nguyễn Văn Linh, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
59	PGD Thuận Phước	180-182 Đống Đa, P. Thuận Phước, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
60	PGD Điện Biên Phủ	433 Điện Biên Phủ, P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
61	PGD Chợ Cồn	336 - 338 Hùng Vương, P. Vĩnh Trung, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
62	PGD Hòa Cường	205 Phan Châu Trinh, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
63	Chi nhánh Huế	205 Trần Hưng Đạo, P. Phú Hòa, Tp. Huế, Thừa Thiên Huế
64	Chi nhánh Quảng Nam	226 - 228 Phan Chu Trinh, Tp. Tam Kỳ, Quảng Nam
65	PGD Hội An	22 Trần Hưng Đạo, P. Cẩm Phô, Tp. Hội An, Quảng Nam
66	PGD Nam Phước	Quốc lộ 1A, Khối phố Long Xuyên 1, TT. Nam Phước, H. Duy Xuyên, Quảng Nam
67	Chi nhánh Nha Trang	63 Yersin, P. Phương Sài, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa
68	PGD Lê Hồng Phong	584 Lê Hồng Phong, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa
69	PGD Quang Trung	61A Quang Trung, P. Lộc Thọ, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa

STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
70	PGD Diên Khánh	246 Lạc Long Quân, TT. Diên Khánh, H. Diên Khánh, Khánh Hòa
71	Chi nhánh Buôn Ma Thuột	114-116 Phan Bội Châu, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắklăk
72	PGD Chợ Buôn Ma Thuột	Kiot số C21 Chợ Buôn Ma Thuột, P. Thống Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắklăk
73	PGD Nguyễn Tất Thành	316 Nguyễn Tất Thành, P. Tân Lập, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắklăk
74	PGD Phan Chu Trinh	240 Phan Chu Trinh, P. Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắklăk
75	PGD Buôn Hồ	327 Hùng Vương, thị xã Buôn Hồ, ĐắkLăk
76	PGD Lê Duẩn	420 Lê Duẩn, P. Ea Tam, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắklăk
77	Chi nhánh Đà Lạt	2D-2D/1-2E Nguyễn Văn Trỗi, P.1, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng
78	PGD Chi Lăng	Lô A7 khu quy hoạch Sương Mai, P. 9, Tp. Đà Lạt , Lâm Đồng
79	PGD Bảo Lộc	11 Đế Thám, P.1, thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng
80	PGD Đức Trọng	25 Thống Nhất, TT. Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, Lâm Đồng
81	Chi nhánh Đồng Nai	223 Hà Huy Giáp, Kp. 4, P. Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
82	PGD Biên Hòa	881 Quốc lộ 15, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
83	PGD Gia Kiệm	số 5/1E Quốc lộ 20, ấp Võ Đông 1, xã Gia Kiệm, H. Thống Nhất, Đồng Nai
84	PGD Tân Biên	122/5 Khu phố 9, P. Tân Biên, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
85	PGD Trảng Bom	118 Ấp An Chu, H. Trảng Bom, Đồng Nai
86	PGD Long Thành	Quốc lộ 51A, tổ 19, Khu Văn Hải, TT. Long Thành, H. Long Thành, Đồng Nai
87	PGD Long Khánh	245 Hùng Vương, KP5, P. Xuân Hòa, Tx. Long Khánh, Đồng Nai
88	Chi nhánh Bình Dương	244 Đại lộ Bình Dương, P. Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
89	PGD Tân Phước Khánh	01 Tổ 1, Khu phố Khánh Thạnh, P. Tân Phước Khánh, Tx. Tân Uyên, H. Tân Uyên, Bình Dương
90	PGD Lái Thiêu	499 Nguyễn Trãi, TT. Lái Thiêu, H. Thuận An, Bình Dương
91	PGD Dĩ An	Khu phố Bình Minh 2, P. Dĩ An, Tx. Dĩ An, Bình Dương
92	PGD Mỹ Phước	C4-Ô16 khu I đường DA1-1-Rupby Land, TT. Mỹ Phước, H. Bến Cát, Bình Dương
93	PGD Bình Dương Canary	Lô G22 Tầng trệt Tòa nhà AEON CANARY, Đại lộ Bình Dương, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, Bình Dương
94	Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	43 Trần Hưng Đạo, P.1, Tp. Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu
95	PGD Bà Rịa	112 – 114 Bạch Đằng, P. Phước Trung, Tx. Bà Rịa, Bà Rịa Vũng Tàu
96	PGD Tân Thành	27 Quốc lộ 51, TT. Phú Mỹ, H. Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
97	PGD Nguyễn An Ninh	513 Nguyễn An Ninh, P. Nguyễn An Ninh, Tp. Vũng Tàu, Bà Rịa Vũng Tàu
98	PGD Phước Tỉnh	286 (T17) - tổ 8 ấp Tân Phước, xã Phước Tỉnh, Long Điền, Bà Rịa - Vũng Tàu
99	PGD Ngãi Giao	270 Hùng Vương, TT. Ngãi Giao, H. Châu Đức, Bà Rịa Vũng Tàu
100	Chi nhánh Bình Phước	(Tầng trệt, tầng 1 và tầng 2) Trung tâm Thương mại ITC Đồng Xoài, số 1029 Phú Riềng Đỏ, Tx. Đồng Xoài, Bình Phước

STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
101	Chi nhánh Tp. HCM	(Tầng 1 - tầng 7) Tòa nhà số 229 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM
102	PGD Hàng Xanh	155A - 155B Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
103	PGD Trung Sơn	2-4-6 Đường số 9A, KDC Trung Sơn, Xã Bình Hưng, H. Bình Chánh, Tp. HCM
104	PGD Tao Đàn	(Tầng trệt) Tòa nhà số 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, Tp. HCM
105	PGD Lê Lợi	08 Lê Lợi, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp. HCM
106	PGD Minh Khai	(Tầng trệt) Tòa nhà 179EF Cách Mạng Tháng 8, P. 5, Q. 3, Tp. HCM
107	PGD Trương Định	(Tầng trệt) Tòa nhà số 24B Trương Định, P. 6, Q. 3, Tp. HCM
108	PGD Bến Thành	36-38 Ngõ Đức Kế, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp. HCM
109	PGD Thanh Đa	629-631 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 26, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
110	PGD Bùi Thị Xuân	(Tầng trệt + lửng) Tòa nhà 122A-B-C Bùi Thị Xuân, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1, Tp. HCM
111	PGD Văn Thánh	(Tầng trệt + 1 phần lầu 1) số 85 Đường D2, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
112	Chi nhánh Chợ Lớn	141 Nguyễn Chí Thanh, P. 9, Q. 5, Tp. HCM
113	PGD Lý Thái Tổ	291 Lý Thái Tổ, P. 9, Q. 10, Tp. HCM
114	PGD Nhật Tảo	410 Nguyễn Tri Phương, P. 4, Q. 10, Tp. HCM
115	PGD Quận 6	41 Hậu Giang, P. 2, Q. 6, Tp. HCM
116	PGD Kim Biên	161 Hải Thượng Lãn Ông, P. 13, Q. 5, Tp. HCM
117	PGD Phú Thọ	286 Lý Thường Kiệt, P. 14, Q. 10, Tp. HCM
118	PGD Hồng Bàng	258 Hồng Bàng, P. 15, Q. 5, Tp. HCM
119	PGD Hưng Đạo	466 Trần Hưng Đạo, P. 2, Q. 5, Tp. HCM
120	PGD An Đông	265 Trần Phú, P. 8, Q. 5, Tp. HCM.
121	PGD Quận 8	390-392 Phạm Hùng, P. 5, Q. 8, Tp. HCM
122	Chi nhánh Hòa Bình	78 Nguyễn Trãi, P. 3, Q. 5, Tp. HCM
123	PGD Hòa Hưng	138 Tô Hiến Thành, P. 15, Q. 10, Tp. HCM
124	PGD Kỳ Hòa	773 Lê Hồng Phong (nd), P. 12, Q. 10, Tp. HCM
125	PGD Đồng Khánh	81 Bùi Hữu Nghĩa, P. 5, Q. 5, Tp. HCM
126	Chi nhánh Tân Định	78 Trần Quang Khải, P. Tân Định, Q. 1, Tp. HCM
127	PGD Nguyễn Thái Sơn	250 Nguyễn Thái Sơn, P. 4, Q. Gò Vấp, Tp. HCM
128	PGD Bến Nghé	11A-11B Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp. HCM
129	PGD Gò Vấp	126 Nguyễn Oanh, P. 7, Q. Gò Vấp, Tp. HCM
130	PGD Hồ Văn Huê	164 Hồ Văn Huê, P. 9, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
131	PGD Phan Đình Phùng	130 Phan Đình Phùng, P. 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
132	Chi nhánh Sài Gòn	(Tầng trệt + lửng + tầng 2) Tòa nhà số 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, Tp. HCM
133	PGD Thảo Điền	14R-S Quốc Hương, P. Thảo Điền, Q. 2, Tp. HCM
134	PGD Võ Văn Tấn	365 Võ Văn Tấn, P. 5, Q. 3 Tp. HCM
135	PGD ĐaKao	23A-B Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. HCM
136	PGD Nguyễn Công Trứ	130 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, Tp. HCM
137	PGD Bến Chương Dương	327 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q. 1, Tp. HCM
138	PGD Trường Sơn	39B Trường Sơn, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
139	PGD Phan Xích Long	(Tầng trệt) Tòa nhà số 05 Phan Xích Long, P. 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
ĐẾN NGÀY 31/3/2016

STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
140	Chi nhánh Thủ Đức	147A Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp. HCM
141	PGD Linh Xuân	76 Quốc lộ 1K, khu phố 3, P. Linh Xuân, Q. Thủ Đức, Tp. HCM
142	PGD Phước Long	497 Đỗ Xuân Hợp, P. Phước Long B, Q. 9, Tp. HCM
143	PGD Quận 2	08 Trần Nãi, P. Bình An, Q. 2, Tp. HCM
144	PGD Lê Văn Ninh	12 Lê Văn Ninh, P. Linh Tây, Q. Thủ Đức, Tp. HCM
145	PGD Tam Bình	141 Quốc Lộ 1A, P. Tam Bình, Q. Thủ Đức, Tp. HCM
146	PGD Quận 9	35 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q. 9, Tp. HCM
147	Chi nhánh Cộng Hòa	(Tầng trệt + lửng) số 19 Cộng Hòa, P. 12, Q. Tân Bình, Tp. HCM
148	PGD Nguyễn Sơn	230-232 Nguyễn Sơn, P. Phú Thọ Hòa, Q. Tân Phú, Tp. HCM
149	PGD An Dương	379-381 Trường Chinh, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, Tp. HCM
150	PGD Trung Chánh	150/3 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Trung Chánh 2, Xã Trung Chánh, H. Hóc Môn, Tp. HCM
151	PGD Võ Thành Trang	509 Trường Chinh, P. 14, Q. Tân Bình, Tp. HCM
152	PGD Phạm Văn Hai	156 Phạm Văn Hai, P. 3, Q. Tân Bình, Tp. HCM
153	Chi nhánh Tân Sơn Nhất	307 Nguyễn Văn Trỗi, P.1, Q.Tân Bình, Tp.HCM
154	Chi nhánh Bình Phú	110-112-114 Chợ Lớn, P. 11, Q. 6, Tp. HCM
155	PGD Tân Phú	611-611A Lũy Bán Bích, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM
156	PGD Bình Chánh	A29/25 Quốc lộ 50, xã Bình Hưng, H. Bình Chánh, Tp. HCM
157	PGD Bình Trị Đông	141-141A Đường số 1, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, Tp. HCM
158	PGD Gò Dầu	54 Gò Dầu, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, Tp. HCM
159	Chi nhánh Bình Tân	10 Kinh Dương Vương, P. 13, Q. 6, Tp. HCM
160	PGD An Lạc	476-478 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, Tp. HCM
161	Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	(Một phần tầng trệt + Một phần tầng lửng) Vinamilk Tower - số 10 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. HCM
162	PGD Tân Phong	1469 Nguyễn Văn Linh, KP Mỹ Toàn I - H3, P. Tân Phong, Q. 7, Tp. HCM
163	PGD Phạm Thế Hiển	721 Phạm Thế Hiển, P. 4, Q. 8, Tp. HCM
164	Chi nhánh Quận 3	(Tầng 1 - Tầng 3) Tòa nhà số 21 Kỳ Đồng, P. 9, Q. 3, Tp. HCM
165	Chi nhánh Quận 4	Cao ốc H2 Đường Hoàng Diệu, P. 8, Q. 4, Tp. HCM
166	PGD Khánh Hội	42 Võ Văn Tấn, P. 6, Q. 3, Tp. HCM
167	PGD Thị Nghè	117 - 117A Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 17, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
168	PGD Lý Tự Trọng	232 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Q. 1, Tp. HCM.
169	Chi nhánh Quận 7	849 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Q. 7, Tp. HCM
170	PGD Phú Mỹ	07 Lô O Hoàng Quốc Việt, nối dài, KDC Phú Mỹ, P. Phú Mỹ, Q. 7, Tp. HCM
171	PGD Phú Xuân	6/8 Khu phố 5, TT. Nhà Bè, H. Nhà Bè, Tp. HCM
172	PGD Nguyễn Thị Thập	527 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phong, Q. 7, Tp. HCM

STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
173	Chi nhánh Quận 10	65-65A & 63/6 Đường 3/2, P. 11, Q. 10, Tp. HCM
174	PGD Thành Thái	61 Thành Thái, P. 14, Q. 10, Tp. HCM
175	PGD Lê Văn Sỹ	213 - 215 Lê Văn Sỹ, P. 13, Q. 3, Tp. HCM
176	PGD Bàn Cờ	619 Nguyễn Đình Chiểu, P. 2, Q. 3, Tp. HCM
177	PGD Vạn Hạnh	373 Sư Vạn Hạnh (nd), P. 12, Q. 10, Tp. HCM
178	PGD Ba Tháng Hai	530 Đường 3/2, P. 14, Q. 10, Tp. HCM
179	PGD Minh Phụng	90 Minh Phụng, P. 5, Q. 6, Tp. HCM
180	Chi nhánh Quận 11	31-33-27/1 Âu Cơ, P. 14, Q. 11, Tp. HCM
181	PGD Đầm Sen	377A Minh Phụng, P. 10, Q. 11, Tp. HCM
182	PGD Phú Lâm	73 Thuận Kiều, P. 12, Q. 5, Tp. HCM
183	PGD Tân Bình	1115 Cách Mạng Tháng 8, P. 7, Q. Tân Bình Tp. HCM
184	PGD Bắc Hải	02 Bis Cửu Long, Cư Xá Bắc Hải, P. 15, Q. 10, Tp. HCM
185	PGD Âu Cơ	344 -346 Âu Cơ, P. 10, Q. Tân Bình, Tp. HCM
186	Chi nhánh Cần Thơ	08 Phan Đình Phùng, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
187	PGD Phong Điền	Lô số 1 Dây A5 Phan Văn Trị, TT. Phong Điền, H. Phong Điền, Tp. Cần Thơ
188	PGD Cái Răng	171 Quốc Lộ 1A, P. Lê Bình, Q. Cái Răng, Tp. Cần Thơ
189	PGD An Phú	87 Đường 30/4, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
190	PGD Cờ Đỏ	21-22 Hà Huy Giáp, ấp Thới Thuận, TT. Cờ Đỏ, H. Cờ Đỏ, Tp. Cần Thơ
191	PGD Hưng Lợi	221A Đường 3/2, P.Hưng Lợi, Q.Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
192	Chi nhánh Tây Đô	Lô P+R Trần Văn Khéo, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
193	PGD Trà Nóc	37 Lê Hồng Phong, P. Bình Thủy, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
194	PGD Ô Môn	292-293 Quốc lộ 91, Q. Ô Môn, Tp. Cần Thơ
195	PGD An Nghiệp	174 Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
196	PGD Thốt Nốt	568 Quốc lộ 91, KV Long Thạnh A, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ
197	Chi nhánh Long An	42 Trà Quý Bình, P. 2, Tp. Tân An, Long An
198	Chi nhánh An Giang	46 Hai Bà Trưng, P. Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, An Giang
199	PGD Tân Châu	46 Thoại Ngọc Hầu, Tx. Tân Châu, An Giang
200	PGD Phú Tân	Thửa đất số 7125, TĐĐ số 02 - ấp Trung Hòa, xã Tân Trung, H. Phú Tân, An Giang
201	PGD Châu Đốc	56-58-60 Nguyễn Văn Thoại, P. Châu Phú A, Tp. Châu Đốc, An Giang
202	PGD Long Xuyên	3/4 Tôn Đức Thắng, P.Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, An Giang
203	PGD Châu Phú	21 Trần Khánh Dư, H. Châu Phú, An Giang
204	Chi nhánh Mỹ Tho	77-79 Lê Lợi, P.1, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
205	PGD Cai Lậy	41 Đường 30/4, khu 2, TT.Cai Lậy, Tiền Giang
206	PGD Ấp Bắc	366 Ấp Bắc, P.5, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
207	Chi nhánh Bạc Liêu	477 Trần Phú, P.7, Tp. Bạc Liêu, Bạc Liêu
208	Chi nhánh Kiên Giang	02-04 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang



Báo cáo thường niên Eximbank năm 2016 được thực hiện trên phiên bản điện tử vì mục đích giảm thiểu lượng giấy sử dụng và được đăng tải đầy đủ tại website: www.eximbank.com.vn